SỐ 101 – NGÀY 15-3-1961

BACH KHOA

Trong số này

NGUYỄN - HIẾN - LÊ so sánh ngành xuất bản ở Pháp và ở Việt-Nam hiện nay * **HOÀNG-MINH-TUYNH** thông điệp kinh tế của tổng thống Kennedy * **PHẠM-HOÀNG** tiền đồ vô biên, tiến bộ vô tận * **ƯNG - TRÌNH** một quan niệm về phương pháp đọc sử * **NGUYỄN-HỮU-PHIẾM** tìm hiểu người thanh niên * **ĐOÀN - THÊM** tìm hiểu hội họa * **BÙI - KHÁNH - ĐẢN** bài thơ không gửi * **BỬU-KẾ** vua Gia - Long và vua Quang - Trung, hai anh em bạn rể ? * **VÕ - QUANG - YẾN** nuôi thai trong ống * **TƯỜNG-LINH** bóng làng * **HOÀNG-ANH - TUẤN** điệu mai non * **TRẦN-VĂN-KHÊ** lối « ca Huế » và lối « nhạc tài tử » * **ĐOÀN-THÊM** một quãng đường * **MINH-ĐỨC** đường về sa mạc (II) **HOÀI - HƯƠNG** thế kỷ chúng ta * **DZOÃN - DÃN** linh hồn tôi * **VÕ - HỒNG** ngôi trường quê * **HÀ - HỮU - NGUYÊN** khi con bọ hung bay vào lớp học * **TRÚC-LIÊN** một cuộc tàn sát * **NGUIỄN-NGU - Í** cuộc phỏng vấn thứ hai của Bách-Khoa — triển lãm và diễn thuyết về giáo sĩ Alexandre de Rhodes * **THU-THỦY** sinh viên đen, đại học đỏ * **CHÂU-HẢI-KỲ** cụ Phan-Châu-Trinh tại Bình - Thuận.

Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :

★ Rượu mùi **CURACAO "DiC"**

★ Rượu Rhum **CARAVELLE**

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì rượu nhập cảng

* * *

Quí vị thường thức luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C**

135 Pasteur Saigon . ĐT. 23.916

và có bán tại đó :

- ALCOOL RECTIFIÉ
- ALCOOL DENATURÉ
- RƯỢU THUỐC "Ích. Thọ. Tửu"
- DẤM ĂN HẢO-HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°

BÁCH-KHOA

Số 101 — Ngày 15-3-1961

		Trang
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*So sánh ngành xuất-bản ở Pháp và ở Việt-Nam hiện nay (II)*	3
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Thông-điệp kinh-tế của Tổng-thống Kennedy*	12
PHẠM-HOÀNG UNG-TRÌNH	*Tiền đồ vô biên, tiến bộ vô tận* . .	17
	Một quan niệm về phương pháp đọc sử	19
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	*Tìm hiểu người thanh niên* . . .	25
ĐOÀN-THÊM	*Thử tìm hiểu hội họa*	35
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	*Bài thơ không gửi (thơ)*	48
BỬU-KẾ	*Phải chăng vua Gia-Long và vua Quang-Trung là hai anh em bạn rể?*	51
VÕ QUANG-YẾN	*Nuôi thai trong ống*	61
TƯỜNG-LINH	*Bóng làng (thơ)*	65
HOÀNG ANH-TUẤN	*« Điệu mai non »*	66
TRẦN VĂN-KHÊ	*Lối ca Huế và « lối nhạc tài tử »* .	67
ĐOÀN-THÊM	*Một quãng đường (thơ)*	70
MINH ĐỨC	*Đường về Sa mạc (II)*	71
HOÀI-HƯƠNG	*Thế kỷ chúng ta (thơ)*	78
DZOÃN DÂN	*Linh hồn tôi (truyện ngắn)* . . .	79
VÕ-HỒNG	*Ngôi trường quê (thơ)*	92
NGUIÊN-NGU-Í (dịch Robert Escapit)	*Khi con bọ hung bay vào lớp học.* .	93
— id —	*Dừng bút*	97
TRÚC-LIÊN	*Một cuộc tàn sát (truyện ngắn)* . .	98

PHỎNG-VẤN — SINH-HOẠT

NGUIÊN-NGU Í	*Cuộc phỏng vấn văn nghệ thứ hai của B.K*	108
— id —	*Triển lãm và diễn thuyết nhân dịp 300 năm húy nhật giáo sĩ Alexandre Rhodes*	112
THU-THỦY	*Sinh viên đen, đại học đỏ*	114
CHÂU-HẢI-KỲ	*Những hoạt động cách mạng của cụ Phan-Châu-Trinh tại Bình-Thuận* .	117

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Chủ-nghĩa Gandhi.* *Jean-Paul-Sartre.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Tìm hiểu hội họa.*
BỬU-KẾ	:	*Từ lăng Sọ đến lăng Ba vành.*
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	:	*Tìm hiểu người thanh-niên.*
ƯNG-TRÌNH	:	*Một quan-niệm về phương pháp đọc sử.*
PHẠM-CÔNG-THIỆN	:	*W. Somerset Maugham.*
TRỊNH-THIÊN-TỨ	:	*Ngành ngư-nghiệp trên thế-giới.*
TRỌNG-KHANG	:	*Ngày tận thế của vi-trùng loại khuẩn cầu.*
THIẾU-SƠN	:	*Ông Phan-Khôi đã phê-bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?*
NGUYỄN-BẠT-TỤY	:	*Nghề mành ở Tam-Quan.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Gương tiết kiệm.*
NGUYỄN-ANH-LINH	:	*Scheler : con người hờn dỗi.*
DOÃN-VĂN	:	*Nếu thế-giới đại-chiến thứ ba bùng nổ...*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài-tử ».*
PHẠM-TRỌNG-NHÂN	:	*Phở và Tôi (tùy bút).*
XUÂN-TÙNG	:	*Trận banh đầu (truyện ngắn).*
KIM-LƯƠNG	:	*Thi-xã.*
CÔ-LIÊU	:	*Quyền phép (truyện dài rút ngắn).*
VÂN-TRANG	:	*Vạt áo the (truyện ngắn).*
HÀ-VÔ-HOÀI	:	*Trên đường quốc-lộ (truyện ngắn).*
VÕ-HỒNG	:	*Tai họa cuối cùng (truyện ngắn).*
TUYẾT-HƯƠNG	:	*Phấn đấu (truyện dài).*

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay " THANH-LONG "

bằng phi cơ phản lực **VISCOUNT**

của **VIỆT-NAM HÀNG KHÔNG**

- Nhanh chóng
- Êm ái
- Trang trí tối-tân, đầy đủ tiện-nghi.

Quý ngài sẽ thưởng-thức những món ăn thuần-túy Việt-Nam do các cô chiêu-đãi-viên xinh lịch niềm-nở tiếp đãi.

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÃNG DU-LỊCH

hay

Air VietNam

16, NGUYỄN-HUỆ — SAIGON

TEL. 21.624 • 21.625 • 21.626

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

TÌM MỘT GIẢI PHÁP
CHO NGÀNH XUẤT BẢN VIỆT-NAM

so - sánh ngành xuất bản ở Pháp và ở Việt-Nam hiện nay

✱ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(tiếp theo B. K. số 100)

Trách nhiệm về ai trong loại sách Giáo khoa ?

TRONG phòng triển lãm sách Pháp ta chóa mắt về những sách giáo khoa : giấy tốt, bìa dày, hình đẹp, nhiều màu, bài soạn kỹ.... mà cái giá lại rẻ, so với nước ta. Nhưng có biết đâu là các gia đình Pháp cũng phàn nàn về sách giáo khoa y như các gia.đình Việt-Nam. Họ phàn nàn rằng tốn tiền sách cho con em quá, năm nào cũng phải mua sách mới, cuốn mà thằng anh dùng hai năm trước thì bây giờ phải bỏ đi, mua cuốn khác, mà sách thì đắt quá. Các nhà xuất bản đáp rằng sách đắt quá vì họ in ít, giá vốn cao ; mà họ phải in ít vì chương trình thay đổi hoài, mỗi thứ sách chỉ bán trong một niên khóa thôi. Người mua cãi lại : « In ít là tại các nhà xuất bản cạnh tranh nhau quá. Cái gì mà có tới mười thứ văn phạm dùng cho một lớp, mười bai thứ Số học và mười tám thứ Sử ? » Thế là trách nhiệm về ai ?

Ở nước nhà, cũng sắp tới cái mức đó. Mà tới rồi cũng chưa biết chừng. Mỗi giáo sư chỉ dạy ba bốn trường, mỗi trường năm sáu lớp, có được trên ngàn học sinh là có thể cho in « cua » của

mình được rồi, nếu không in thì quay Rônêô, một sổ lớn bán cho học sinh của mình, một sổ nữa bán ra ngoài, một năm không hết thì hai năm, thế nào cũng hết vài ngàn cuốn và lời cũng được vài vạn, ấy là chưa kể cái lợi về tinh thần. Cho nên tuy ở các tiệm sách ta chỉ thấy sáu, bảy thứ sách toán, sử, giảng văn... cho mỗi lớp mà sự thực có tới mười mấy, hai chục thứ vì có những thứ quay Rônêo, chỉ bán ở trường.

Tôi không trách các vị giáo sư — ai mà chẳng nghĩ rằng chỉ « cua » của mình mới có giá trị? — và tôi biết có nhiều vị chỉ nhắm mục đích giúp trẻ chứ không kiếm lợi; nhưng tôi cũng phải kể nguyên nhân đó, nó ảnh hưởng tới ngành xuất bản không phải là ít. Mà ở bên Pháp thì cũng thế, chỉ khác là sự quay « cua » bằng Rônêô áp dụng ở bậc Đại học thôi, và làm cho riêng sổ sách luật in ra mỗi năm một giảm.

Còn cái nguyên - nhân chương trình học mỗi năm một thay đổi, ta cũng đừng nên phàn nàn gì bộ Quốc - gia giáo - dục cả : bên Pháp còn vậy, huống hồ là mình.

Kết quả là ngay trong loại sách giáo-khoa, loại cần thiết nhất, bán nhiều nhất, ngành xuất bản ở Pháp và Việt đều lâm vào lối bi như nhau.

* * *

Chính phủ cũng xen vào

Tai hại nhất là loại sách khảo cứu. Loại này có lợi cho văn hoá nhất, kén độc giả nhất, bán chậm nhất, nhà xuất bản phải bỏ vốn ra nhiều nhất mà lại còn bị sự cạnh tranh của chính phủ nữa — tôi nói chính phủ Pháp.

Tác giả bảo ở Pháp có ba khu-vực trong ngành xuất bản : khu vực của tư nhân ; khu vực của các viện, các hội ; và khu vực của chính-phủ. Về khu vực của Chính phủ, ông viết :

« Một công sở nào đó một hôm thấy cần phải in một tờ nội.san. Quay rônêô thôi. Không viết thành bài, đôi khi chỉ trình bày một cách tổng quát đưa những sự kiện ra, những con sổ, những tham-chứng ra, rồi sắp đặt cho ra hồn một chút, để làm vẻ vang cho « công sở — tác giả ».

« Rồi tờ « nội » san đó được gởi ra ngoài, tặng các bạn bè, các thường nhân giao thiệp với sở, các nhà buôn giao hàng cho sở. Và người ta phải quay thêm vài trăm sổ và dán thêm một cái bìa vô.

« Thế là có một cơ quan ngôn luận rồi, và cơ quan tạo ra nhu cầu (tác giả thật là mỉa mai !) và công sở đó cho rằng « học-thuyết » của mình đến lúc phải truyền bá khắp nơi. Không phải chỉ là vấn đề hoàn toàn thông tin nữa ; nó thành một việc triết-chánh-kinh (philosophico — politico — économique) rồi. Ông giám đốc nào cũng cho rằng một tạp-chí như vậy

có lợi : nó giúp chính phủ và các vị dân biểu hiểu quan điểm của mình ; phí tổn không bao nhiêu mà sau này lợi gấp mấy. Và người ta đã bước qua giai-đoạn in có thêm hình. Phí tổn thì nhét vào mục nào trong ngân sách mà chẳng được ?

« Nhưng thỉnh thoảng cũng phải đập một « cú » mạnh chứ ! Phải ra một sổ đặc biệt in trên giấy keo và biết đâu chừng chạy bốn màu cho bảnh nữa. Những sổ đặc biệt đó gom lại thành một tập. Biết bao công trình giá trị như vậy, làm vẻ vang cho chính phủ, bỏ đi có uổng không ? Phải in thành sách thêm vào tờ tạp chí.

« Thế là bước qua giai đoạn : sách. Chỉ còn thiếu một tiệc rượu để giới thiệu đứa con tinh thần với ngài Bộ trưởng. »

Kết quả là có lần chính phủ Pháp có sáng kiến tổ chức một cuộc hội nghị quan trọng giữa các nhà khoa học các nước, phí tổn rất lớn, thành công hoàn toàn, và cần phải in bản ký lục để truyền bá khắp thế giới. Nhưng vấn đề đó chuyên môn quá, phí tổn in rất nặng, các nhà xuất bản xin chính phủ trợ cấp, chính phủ từ chối : ngân sách không đủ. Một nhà xuất bản *Anh* xin in, được chính phủ Anh trợ cấp, thế là danh dự về cả người Anh.

Trong khi đó một công sở khác của Pháp có vô số tiền in những cuốn về địa dư, du lịch, mỹ nghệ, để cạnh tranh với các nhà xuất bản tư ; mà những cuốn đó một nhà xuất bản lớn nào cũng có thể tự lực in lấy được.

Để kết luận, tác giả đặt những câu hỏi này :

— Có một cơ quan nào kiểm soát những chi phí về ấn loát đó không nhỉ ?

— Có bao nhiêu nhân viên trả lương để làm việc chuyên môn mà lại dùng vào những việc coi sóc sự ấn loát, phát hành đó không nhỉ ?

— Giá sách chính phủ in có rẻ hơn giá sách tư gia in không nhỉ ?

— Cái lợi của một người, một công sở có chắc là cái lợi chung không nhỉ ?

Vân . vân . . .

Ông còn đưa ra vài câu hỏi mắc-mỏ nữa, nhưng thôi, hơi đâu mà bàn chuyện của người. Họ có dư tiền liệng không biết bao nhiêu tỉ vào chiến tranh Algérie để sa lầy ở đó còn được kia mà !

Ta hãy xét tình-hình của ta thôi. Nhưng về tình hình của mình thì tôi thú thực là chả biết gì cả ; mấy năm nay chả gần gũi gì với các công sở. Tuy nhiên đôi khi lại thăm vài bạn công chức được lén coi vài tờ « nội san » và những tờ báo của vài cơ quan, tôi tự hỏi : « Có lẽ mà tình hình nước mình cũng hơi giống ở Pháp chăng ? » Tôi chỉ đoán vậy thôi, không biết rõ, không dám nói chắc. Nếu lời tôi đoán

mà đúng thì thật là Việt Pháp cách nhau mấy đại-dương mà sao khéo gặp nhau đến thế !

Dù sao thì những câu hỏi của ông Paul Angoulvent cũng gợi cho ta nghĩ vẩn vơ như vầy :

— Một số sách, báo của các cơ quan Văn hoá của ta, mà tôi nhận là rất bổ ích, rất có giá trị, không chê được vào đâu nếu giao cho một nhà xuất bản nào đứng đắn lo công việc ấn loát, phát hành, — nếu cần thì trợ cấp họ và định giá bán, định mức huê hồng cho họ — thì biết đâu chừng, chẳng những rút được phí tổn cho chính phủ, bớt được công việc cho một số công chức lỗi-lạc mà lại có lợi cho các nhà xuất bản tư nữa ? Vâng, biết đâu chừng ? Cứ thử nghiên cứu vấn đề để xem sao ?

Riêng về sách giáo khoa, tôi cũng xin góp một ý mọn.

Bộ Quốc-gia giáo-dục có một sở Tu thư, ngân sách năm rồi nghe đâu như tới hàng chục triệu đồng gì đó ; Sở Tu thư của bộ tất nhiên là được những học giả uyên bác, có thành tích giúp sức ; vậy thì khả năng vật chất cũng như tinh thần gấp chục khả năng những nhà xuất-bản lớn nhất trong nước. Thế thì — noblesse oblige — có lẽ Bộ cũng nên « tu » những « thư » nào kho khó một chút, mà để những công việc dễ dễ cho tư nhân. Như vậy, công việc sẽ tiến triển mau hơn.

Tôi đã nói rồi — trong một loạt bài đăng ở tạp chí *Mai* — và tôi xin lỗi độc-giả phải nhắc lại ở đây, tôi đã nói rằng hiện nay học-sinh và Phụ huynh chúng tôi mong có một bộ Tự-điển Việt-Nam tạm đủ cho học-sinh dùng mà giá rẻ. Bộ đó, giá Sở Tu thư soạn cho thì quý lắm vì chỉ có sở mới đủ phương-tiện để làm cho đàng-hoàng mà lại mau, in được nhiều và bán giá vốn. Còn những cuốn như Vệ-sinh lớp năm, Toán lớp nhất, thì tất nhiên Sở Tu Thư soạn thế nào mà chẳng kỹ, in chẳng đẹp hơn người ở ngoài, song chưa gấp bằng những bộ Tự-điển cho học-sinh.

Tóm lại ở Pháp cũng như ở Việt có một sự sản-xuất hỗn độn : các nhà xuất-bản và các cơ-quan công, bán công chen lấn nhau, có khi đổ xô nhau về một khu vực đã dư sách mà bỏ trống những khu vực khác cần thiết cho văn-hóa ; như vậy thì văn-hóa làm sao phát-triển điều hòa cho được. Đó lại là một điểm mà Pháp, Việt giống nhau nữa.

* * *

Một sự phát hành còn hỗn độn hơn

Sản-xuất xong rồi tới việc phát hành.

Một tục lệ kỳ dị. — Nhưng trước khi phát hành, nhà xuất-bản phải phát không một số đã. Ở Pháp phải nạp 7 bản ở nước ta 12 bản (tám cho Thư-Viện, hai cho Bộ Thông-Tin, hai cho Bộ Nội-Vụ). Không kể ít chục bản dành riêng cho

tác-giả, mấy chục bản tặng không cho các nhà báo để báo giới thiệu giùm, lại còn hàng chục bản để dâng các nhân vật có thế-lực và cả những kẻ che tàn cho những nhân vật đó nữa. Tôi nói ở Pháp — Cái món hàng đó thực kỳ dị : hễ đem ra bán thì rẻ mạt, mà hễ cho không thì người ta lại rất quý. Người ta chả đọc đâu, bày tủ sách để chơi vậy thôi, mà mua để bày thì lại chẳng thú chút nào cả. Tác-giả đã phải phàn nàn rằng không có ngành sản xuất nào có tục lệ kỳ dị như vậy. Một bác bán thịt, một chú phó may hoặc một nhà chế-tạo xe hơi khó mà tưởng tượng được sự biếu không như vậy. Nhưng theo tôi, ông cũng khe-khắt quá lắm. Đã là tục lệ ở khắp nơi từ xưa tới nay thì mỗi lần in, ta in thêm năm chục, một trăm cuốn để phân phát một chút hạnh phúc cho thiên hạ thì cũng là việc nên làm chứ ? Với lại, ai mà đi so - sánh những công trình văn hoá với cân thịt bò, cái áo sơ-mi, như vậy ?

Vậy là sau khi mất toi đi một số đáng kể rồi, nhà xuất bản mới lo việc phát hành. Việc này còn hỗn-độn hơn là việc sản xuất.

Một lối chở sách cũng kỳ dị

Quận VI ở Ba-Lê cũng như quận II ở Sàigòn là trung-tâm của nghề sách. Người ta chở sách bằng mọi phương tiện mà không có một sự tổ-chức nào cả : từ những xe máy chở được vài chục cuốn, những xe máy dầu, xe ba bánh, tới những xe căm-nhông nhỏ chở được vài ngàn cuốn, những xe căm-nhông lớn chở được hàng vạn cuốn. Vậy thì đâu có khác Sài-gòn là mấy ? Tôi đã thấy những tiệm phát hành lớn cần dùng mười cuốn sách cũng sai một người lái xe máy dầu đi hai ba cây số tới nhà xuất-bản để lấy. Bán được mười cuốn đó họ lời khoảng ba chục đồng, như vậy thì làm sao chịu được phí tổn mướn người, sửa xe và mua xăng ; ấy là chưa kể những phí tổn về kế toán, về mướn nhà... Nhưng chưa lạ lùng bằng tình trạng này : nhà xuất-bản có máu mặt nào ở nước ta cũng đua nhau đem xe căm-nhông đi khắp nơi trong nước để bán sách mỗi tháng hai chuyến, có chuyến lỗ năm sáu ngàn đồng, như vậy mấy năm nay rồi.

Một tổ chức bán sách cũng kỳ dị

Ở nước nào cũng vậy có hai hạng độc giả : hạng trí-thức cho sách là một món ăn tinh thần, có tiền, mua sách đều đều, hiểu được những sách viết hơi cao cao ; hạng bình dân, ít biết phân biệt sách có giá trị, lựa sách theo tên sách và hình ảnh ngoài bìa, ít tiền để mua sách và lâu lâu mới đọc để tiêu khiển. Theo hai ông Dumazedier và Hassendorfer trong cuốn *Le loisir et le livre* (Nhàn nhã và sách vở) thì ở Pháp hạng trên có chừng hai triệu người, và hạng dưới có khoảng bốn chục triệu người (gấp hai mươi lần hạng trên), Tôi cho rằng những con số đó quá đáng, vì ở Pháp

có bốn mươi bốn triệu người mà chính Paul Angoulvent cũng nhận rằng đa số dân quê không hề đọc sách, vậy những con số đó cứ rút đi một nửa thì có phần đúng hơn.

Ở nước ta, tôi đoán rằng hạng trên có độ mười ngàn người và hạng dưới trăm ngàn người..

Ở Pháp hạng trên thường lại các nhà sách chuyên nghiệp (libraire professionnel) để mua, còn hạn dưới hay lại các tiệm sách nhỏ, các chỗ bán thuốc lá và các sập báo. Có phỏng hai ngàn tám trăm tiệm sách lớn hoặc trung bình và năm ngàn tiệm sách nhỏ, tính ra thì đồ đồng mỗi tiệm bán được : 40 tỉ quan chia cho tám ngàn tiệm = 5 triệu quan cũ một tiệm mỗi năm, khoảng 500.000$ mỗi năm, hay 40.000$ mỗi tháng. Tất nhiên những tiệm nhỏ bán sợ không được mười ngàn đồng mỗi tháng, mà như vậy thì lời được một, hai ngàn đồng.

Ấy là chưa kể những người đi bán dạo, ôm một chồng sách gõ cửa từng nhà để năn nỉ mua giùm ; những câu lạc bộ sách (Club de livre) có một sổ khách hàng riêng và bán thẳng cho họ, những hợp-tác-xã « lậu » vì không có môn bài, không đóng thuế — của các hội, các hãng, các sở.

Nghề bán sách bên đó cũng dễ như bên mình : chẳng cần có học thức, khả năng gì hết, ai mở tiệm cũng được ; vốn nhiều ít gì cũng được, có nhiều tiền thì mua nhiều mặt sách, ít thì mua ít, bán xen sách với những món hàng khác cũng được. Thành thử người ta cạnh tranh nhau ráo riết, và mười năm nay tình trạng cứ bi đát thêm làm cho Nghiệp đoàn phải lên tiếng than van rằng thế này thì nguy kịch mất, còn các nhà xuất bản cứ phải tăng hoa hồng lên cho các nhà bán sách vì các quán sách, các sập báo tranh mối nhau cũng « trừ » cho độc giả y như ở bên mình.

Người ta biết « trừ » như vậy là không hợp lệ : Từ năm 1891, ngành Bán sách ở Pháp đã đặt ra những những lệ buôn bán với nhau ; tới năm 1903, những lệ đó được ghi chép lại ; các năm 1933 và 1943 lại sửa đổi lại thành một bản *Quy định sự bán sách*, buộc các nhà bán sách phải có những bảo đảm về kỹ thuật, về tài chánh ra sao đó thì mới được nhận vô hội, mới được hưởng sổ huê hồng của các nhà bán chuyên nghiệp ; và cấm ngặt sự phá giá sách, chỉ có quyền để một mức huê hồng nào đó cho một số độc giả nào đó thôi (như 10% cho giáo sư).

Nhưng trên giấy tờ như vậy, mà ngoài thực tế thì chỉ có những nhà sách đứng đắn (trong số này được vài chục nhà là phát đạt), còn thì cũng sống lắng nhắng) là giữ đúng điều lệ. Và giữa các nhà sách nhỏ, các sập báo là sự hỗn độn, ai muốn định giá ra sao tùy ý, thành thử thiệt thòi cho các nhà bán sách chuyên nghiệp.

Chính phủ Pháp chẳng những không can thiệp mà còn ghét cái lối bán giá nhất định, cho rằng như vậy là hạn chế sự cạnh tranh, làm mất

tính cách tự do của nền kinh tế. (Sắc lệnh ngày 9 tháng 8 năm 1953 và sắc lệnh ngày 20 tháng 6 năm 1958) chính phủ muốn bênh vực quyền lợi của người mua mà cái lợi của người mua là mua rẻ, mua gần, khỏi phải đi kiếm ở xa.

Nhưng các nhà xuất bản và các nhà bán sách chuyên - nghiệp lại trả lời rằng : « Sách không phải là một món hàng như mọi các món khác. »

Rất đúng. Trừ loại sách giáo khoa ra, hễ thấy chỉ cuốn nào, trò mua cuốn đó ; còn những sách khác người mua ít khi lại tiệm sách với ý định trước mua cuốn này hay cuốn nọ.

Bạn muốn mua một gói thuốc lá, bạn có thể sai người nhà và dặn lấy gói Cotab hay Mélia. Bạn muốn mua một cái nón thì cũng đã định trước mua kiểu nón nào, Mua xe hơi thì cũng vậy : chỉ có vài ba chục kiểu cho bạn lựa thôi.

Còn sách thì có hằng vạn thứ nếu kể cả những sách cũ in mấy chục năm trước còn lại thì tới nửa triệu thứ ngay trong một loại như Sử ký, Du lịch cũng có hằng trăm thứ (tôi nói ở nước người) bạn phải có trông thấy, có lật ra coi mục lục mới biết là nên mua hay không, cho nên cái người mua sách hay la-cà cả một buổi ở các tiệm sách rồi mới quyết định. Như vậy một tiệm sách vì vốn ít hoặc vì chỉ nghĩ tới cái việc kiếm lời cho mau, chỉ buôn những sách bán chạy thôi — mà những sách này thường giá trị thấp vì hợp với độc giả bình dân — có phải là không làm tròn cái nhiệm vụ phụng sự độc giả, phổ biến văn hóa không ? Ấy là chưa kể cái nhiệm vụ hướng dẫn độc giả nữa. Một người bán sách cần phải đọc qua những tạp chí về văn chương, khoa học... để có thể giới thiệu với độc giả những cuốn mới ra nhất về một vấn đề nào đó, đôi khi có thể khuyên độc giả nên đọc cuốn này hay cuốn khác tùy trình độ và mục đích của độc giả nữa.

Vậy thì một nhà sách đứng đắn cần có một số vốn tối thiểu là bao nhiêu và có một khả năng kỹ thuật tới mức nào đó. Những nhà đó bị các sập báo, các quán sách cạnh tranh bằng cách phá giá sách, chẳng là thiệt cho họ ư, mà nếu bắt họ cũng hạ giá sách như các quán nhỏ thì tổn phí của họ quá lớn, làm sao họ chịu nổi?

« Kết quả — lời của tác giả — là chẳng những thiệt cho các nhà sách chuyên nghiệp (..) mà còn thiệt cho sự giáo dục quần chúng, cho văn hóa nữa. » Và chính-quyền tốn biết bao công lập trường, đào tạo nhà giáo để dạy dỗ dân chúng, rồi khi họ ở trường ra thì mặc họ, không giúp họ có phương tiện học hỏi thêm bằng cách đọc sách, như vậy có khác gì cày xong một thửa ruộng rồi bỏ hoang nó không? Khi người ta đã coi sách như mọi món hàng khác, khi người ta để cho tự do cạnh tranh, lấy lý rằng phải bênh vực túi tiền của đọc giả thì tất nhiên các nhà xuất bản chỉ chuyên cho ra những loại sách

rẻ tiền mà giá trị kém. Văn hóa như vậy làm sao tiến được ?

Các nước khác đã giải quyết vấn đề đó một cách ổn thỏa : Thụy Điển, Na - Uy thì bắt các nhà sách phải vô một hợp tác xã mà điều kiện gia nhập khá gắt ; Áo thì buộc ai muốn ra mở tiệm sách phải có một bằng cấp chứng tỏ rằng mình có đủ khả năng về kỹ thuật, y như các dược-sư vậy.

Ở Pháp thì hoàn toàn tự do như ở ta; ai mở tiệm sách cũng được mà ai cũng chỉ nghĩ tới cái lợi trước mặt bán những sách mới ra mà chạy, chứ điên gì mà chứa và bày hằng vạn cuốn cũ rất kén độc giả để lâu lâu mới bán được vài cuốn ; thành thử hạng độc giả trí thức vào tiệm sách chẳng thấy có gì đáng mua cả.

Cũng may ở Pháp có vài chục nhà môi giới (commissionnaire) như nhà *Rayonnement du livre français* ở Ba-Lê, họ có thể tìm kiếm giùm cho mọi thứ sách, còn ở nước ta thì như tôi đã nói trong bài *Tình hình xuất bản năm 1960* (Bách khoa số kỷ niệm đệ tứ chu niên) muốn kiếm những sách cũ mới gì cũng vậy, phải viết thư hỏi từng nhà xuất bản một, vì trừ vài tiệm sách lớn ở Sàigòn, còn thì trong số vài ba trăm nhà đại lý khắp nơi, không có nhà chứa đủ mặt sách cả.

Tiệm sách thì nhiều mà lại chỉ bầy những sách dễ bán, tình trạng đó làm cho các nhà xuất bản khổ tâm : một số sách mới ra mà trình độ hơi cao chỉ bán được ở vài chục tiệm sách lớn ; còn những sách khác thì phải gởi đi rất nhiều nơi, mỗi nơi năm mười cuốn, phí tổn gói, cột, chở chuyên, làm toa tính tiền... rất nặng mà lại phải để hoa hồng cao ; cho nên họ nhăn mặt với nhau cả, y như ở bên ta. Họ còn khôn hơn ta là không ganh đua nhau đem xe riêng chở đi khắp các quận trong chín mười mươi mấy tỉnh ở Pháp, nếu làm thì chắc-chắn là đã chết hết ráo rồi.

Có nhiều người đã nghĩ đến giải pháp gom hết các ngành xuất bản vào một mối, vào một nhà xuất bản thực mạnh, và các nhà khác dù muốn hay không cũng phải sáp nhập vào mối đó để cho việc phát-hành được giản dị, đỡ tốn ; nhưng giải pháp đó rất đáng sợ. Khi đã độc quyền, không còn sự cạnh tranh nữa thì cái phẩm của sách tất phải kém mà độc giả sẽ bị bắt chẹt. Lại có thể rằng sự tự do tư tưởng cũng mất luôn, vô số nhà văn có tài sẽ bị dìm.

Người ta phải dùng một giải pháp đỡ nguy hơn : gây một sự hợp tác giữa các nhà xuất bản và các nhà bán sách để giản-dị hoá vấn đề bán. Nhưng vì thiếu phương tiện, có lẽ cũng vì thiếu lòng tin nhau nữa, giải pháp này chưa thấy có công hiệu gì nhiều.

Trong khi chúng tôi viết những hàng này thì ở nước ta đương có đại hội toàn quốc của các nhà xuất bản, phát hành và đại lý. Nghe nói một trong vấn đề được đem ra bàn là lập một công ti phát hành gồm có nhiều nhà

trong cả ba giới đó hùn vốn. Vậy là người ta cũng đã tính dẹp bớt sự cạnh tranh đi mà hợp tác chặt chẽ với nhau. Thí nghiệm đó nên làm, nhưng kết quả chưa biết ra sao.

Tóm lại, một sự tự do quá mức do sự hiểu lầm của chính phủ Pháp về quyền lợi độc giả : chỉ bảo vệ quyền lợi vật chất mà không nâng cao tinh thần của quần chúng, văn hóa của dân tộc — một cạnh tranh ráo riết, thiếu một tổ chức phát hành lý, thiếu sự tôn trọng quy chế bán sách ; đó là nhược điểm của sự phát hành sách ở Pháp hiện nay. Nhược điểm đó, hai ngành xuất bản Pháp và Việt cũng giống nhau nữa.

Lạ thật ! Về ngành xuất bản, Pháp và Việt trong nước năm nay không có liên quan gì tới nhau cả : mỗi xứ có những nhu cầu riêng, chính quyền của mình không phải là bắt chước Pháp trong sự nâng đỡ các công việc văn hoá ; Các nhà văn, các nhà xuất bản của mình cũng không theo đường lối của các bạn đồng-nghiệp Pháp : hai xứ lại cách nhau non nửa trái đất ; vậy mà cùng có những cái tên y như nhau, cùng lâm vào ngõ bí như nhau, là tại đâu nhỉ ? Phải chăng cùng một đường lối kinh tế thì tất cũng có ưu điểm và nhược điểm như nhau chăng ? Nhân nào quả nấy chăng ?

Kỳ tới : *Một kế hoạch cải cách*

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

TĂNG-QUỐC-PHIÊN
(1811 — 1872)

✱ Phàm sự vật gì nhác qua đã biết ngay, đều là sự vật không đáng kể.

(Tăng-quốc-Phiên)

✱ Có tính vô thường, bất nhất, trọn đời không làm nên công chuyện gì.

(Tăng-quốc-Phiên)

Kinh nghiệm

Có một ông già nọ ngỏ tâm sự với François Périer :

— Tôi muốn tìm hiểu đàn bà và đã mất cả cơ nghiệp cùng năm mươi năm của đời tôi. Cho tới nay, tôi vẫn không hiểu gì hết.

THÔNG - ĐIỆP KINH - TẾ CỦA TỔNG THỐNG KENNEDY

gửi Quốc-hội Hiệp-chúng-quốc.

★ HOÀNG-MINH-TUYNH

Tổng thống Ken-nơ-đi vừa gửi cho Quốc-Hội Hiệp-chúng-quốc một thông-điệp kinh-tế rất mực quan trọng.

Chúng ta không thể coi thông-điệp của Tổng thống Ken-nơ-đi chỉ là thông điệp có liên-quan đến Hiệp-chúng-quốc và dân chúng nước họ, hay nhiều lắm đến các nước trong thế-giới tự-do là cùng.

Thật ra thì tình hình kinh-tế và tài-chính Hiệp-chúng-quốc quan-hệ đối với chúng ta thế nào, chỉ nguyên sự kiện giá vàng lên cao vừa rồi cũng đã đủ chứng minh cho chúng ta thấy rõ phần nào.

Do đấy, chúng tôi tự coi có nhiệm-vụ phải trình bày cùng quí vị độc-giả những nét đại-cương về những biến chuyển trong những xứ, tuy đối với chúng ta là xa vời, mà ảnh hưởng thực là trực tiếp, gần gặn, không thể nào nhắm mắt bỏ qua mà không phân tích các nguyên nhân xa gần để ước lường hậu quả. Đó là chưa kể sự kiện các quốc-gia, các dân-tộc trong thế-giới ngày nay đang chuyển mình đi tới chỗ hiệp nhất; không có sự việc này xảy ra nơi này mà không ảnh hưởng ít nhiều đến nơi khác, và ngược lại.

Vậy trong bức thông-điệp kinh-tế gửi cho Quốc-Hội, Tổng-thống Hiệp-chúng-quốc đã nói lên những gì cấp bách đáng phải quan tâm ?

Chúng tôi xin theo tin tức báo Le Monde (từ 8-2 tới 24-2), thuật lại dưới đây những khoản chính yếu :

THÔNG ĐIỆP KINH TẾ CỦA TỔNG THỐNG KENNEDY

Ông Ken-nơ-đi vừa gửi Quốc-Hội Hiệp-chúng-quốc một thông-điệp nói về chương-trình cải tổ kinh-tế của ông và đề nghị những biện pháp cần phải áp-dụng để đối phó với hiểm tượng kinh-tế ngưng trệ có thể xảy ra cho Hiệp-chúng-quốc, nếu không kịp thời sử-dụng những phương dược thích nghi.

Trong bức thông-điệp, vị Tổng Thống đã đề cập đến một số biện pháp nhằm giải quyết một vấn-đề không những làm cho chính quyền Hoa-thịnh-đốn phải băn khoăn mà còn khiến cho toàn thể Tây phương và thế-giới tự-do phải lo ngại : đó là vấn-đề cán cân chi phó của Hiệp-chúng-quốc hiện đang thiếu hụt nặng nề, gây ra bởi sự chênh lệch trong giao dịch kinh-tế giữa trong nước và ngoài nước. (1)

Những đề-nghị của Tổng-thống Ken-nơ-đi đưa ra vừa đúng lúc, làm cho mọi người được yên lòng. Các đề-nghị có thể xếp thành ba loại và đặt trên ba cương vị khác nhau : thứ nhất là chấm dứt những thủ đoạn đầu cơ của một số tài phiệt hoạt đầu đổi với đồng Mỹ-kim (đồng Mỹ-kim vẫn giữ y giá 35 Mỹ-kim một once vàng ròng ; không kiểm soát hối đoái...) ; thứ hai là thi hành những biện pháp ngắn hạn nhằm cải thiện các cơ cấu tiền tệ quốc-tế (phải tăng cường trữ tệ để mở mang thương vụ, dịch vụ và vận chuyển tư bản trong thế-giới tự-do ; từ trước các quốc-gia tự-do thường chỉ trông cậy vào sự tăng-gia sản-xuất vàng và đua nhau thu về thật nhiều Mỹ-kim hay Anh-kim, từ nay không nên để họ trông cậy quá nhiều vào những tài nguyên đó nữa) ; thứ ba là áp dụng những phương dược « căn để » để lấy lại thăng bằng cho cán cân chi phó trong một thời gian dài hạn hơn (nỗ lực khuyến khích tăng-gia sản-xuất và xuất-cảng chế phẩm, sản phẩm thật nhiều, thật rẻ).

Tuy đề-nghị xếp thành ba loại, nhưng hẳn chính quyền Ken-nơ-đi cũng thấy rằng trong ba loại, không loại nào kém quan trọng hơn loại nào, và đặt thứ bực trên dưới cho từng loại là điều nguy hiểm. Muốn chặn đứng chứng « băng huyết » vàng hiện nay, cố nhiên Hiệp-chúng-quốc phải thi-hành ngay một số quyết-nghị cấp thời, song những quyết-nghị này sẽ trở nên vô hiệu, nếu « đồng thời » Hiệp-chúng-quốc không chịu thi-hành những cải tổ cơ cấu cần thiết và kêu gọi các quốc-gia Tây phương cùng hợp-tác với mình.

Đã đành, Hiệp-chúng-quốc không thiếu gì phương tiện để tự thúc đẩy mình tiến tới. Như Quốc khố Mỹ vừa mua của quỹ Tiền-Tệ quốc-tế 300 triệu Mỹ-kim vàng và trong bức thông-điệp gửi Quốc-Hội, ông Ken-nơ-đi đã nói rõ nước ông có thể sẽ sử-dụng quyền vay quỹ này những ngân khoản cần thiết để bù đắp sự

---

(1) Cán cân chi phó này, nhập không phụ xuất, tính ra thiếu hụt tới 3 tỷ, 8 Mỹ-kim trong năm 1958 ; 5 tỷ, 2 Mỹ-kim trong năm 1959 và trong năm 1960, tuy có giảm đi mà người ta vẫn dự tính còn thiếu vào khoảng 3 tỷ Mỹ-kim nữa. (xem Bách-Khoa số 93, ngày 15-11-1960, « Đồng Mỹ-kim có thể bị giam giá không ?»)

thiếu hụt của cán cân chi phó, quyền-mà từ trước tới nay Hiệp-chúng-quốc chưa hề sử-dụng. Ngoài ra, cuộc điều đình với Đức-quốc tới đây cũng sẽ đem về được cho Hiệp-chúng-quốc lối 900 triệu Mỹ-kim, một số tiền không phải nhỏ. Sau hết, để làm thỏi chí những tay tài phiệt và những chính-phủ ngoại-quốc muốn đòi đổi Mỹ-kim lấy vàng, chính-phủ Ken-nơ-đi đã tìm ra được cách thế đối phó rất mực khôn ngoan là để cho các ngân hàng dự trữ được hưởng một lợi-xuất cao hơn lợi-xuất quốc-nội.

Tuy nhiên tất cả những biện pháp cơ-hội này chỉ là những thủ-đoạn đỡ thời, những « nhất thời chi kế », nếu Hiệp-chúng-quốc không chịu giải quyết vấn-đề tự căn-bản để lấy lại thăng bằng cho cán cân chi phó trong một thời gian lâu dài.

Chương-trình của ông Ken-nơ-đi là một chương-trình rộng lớn. Nó nhằm đúng vào những nhược điểm trong chính sách kinh-tế đối ngoại của Hiệp-chúng-quốc : như sự suy nhược trên thị-trường xuất-cảng, sự lơ là đối với vấn-đề mời đón những du khách tới viếng thăm Mỹ, những cách đánh thuế quá cao vào tư bản Mỹ ở ngoại-quốc, những khoản chi tiêu lớn lao của các nhân-viên Mỹ lưu trú tại các căn cứ quân sự Mỹ trong khắp hoàn cầu, v. v. Đại-quan mà xét, trong tất cả các biện pháp ông Ken-nơ-đi đề ra, tựu trung có biện pháp thúc đẩy xuất-cảng là biện pháp dài hạn coi như chắc chắn làm lợi cho Hiệp-chúng-quốc hơn hết và dường như được chính quyền mới đặc-biệt lưu tâm. Tuy nhiên những nỗ lực trên chỉ có thể thực-tế đem lại kết quả nếu các nhà cầm quyền Mỹ tìm được phương thế ngăn chặn giá phí tổn, không để cho nó tiếp tục tăng cao lần mãi lên như hiện giờ. Ông Ken-nơ-đi có tuyên-bố trong thông-điệp thứ nhất gửi Quốc-Hội Mỹ kỳ trước rằng : để đối phó với nguy cơ ngưng trệ về kinh-tế có thể xảy ra cho Hiệp-chúng-quốc, ông sẽ cố gắng « tiêm chích » mãi lực mới cho dân chúng Mỹ. Song phải chăng lời tuyên-bố ấy có chỗ mâu thuẫn với những mục tiêu ổn định giá thành là những mục tiêu cần-thiết, chính-phủ Hiệp-chúng-quốc không thể không đem ra thi-hành để thực-hiện tăng gia xuất-cảng ? Nếu đã ổn-định giá thành của các sản-phẩm thì làm sao có thể tăng mãi lực của dân chúng lên, và trái lại, nếu định tăng mãi lực của dân chúng lên thì làm sao ổn-định giá thành của các sản-phẩm ?

Sau hết ông Ken-nơ-đi biết rằng đồng Mỹ-kim không chỉ là đồng tiền lưu hành nguyên trong nội bộ Hiệp-chúng-quốc, mà đã trở nên một bản vị tiền tệ quốc-tế. Cái gì động chạm đến nó là động chạm luôn đến cả thế-giới Tây phương, và sự khủng hoảng của đồng Mỹ-kim rất có thể sẽ là dịp để hiệu đính lại toàn thể hệ-thống chi phó ở khắp hoàn cầu. Cho nên chúng ta không ngạc nhiên khi hay tin ông Ken-nơ-đi tuyên-bố trong thông-điệp thứ hai vừa gửi cho Quốc-hội Mỹ, sẽ sử-dụng một cách hữu hiệu hơn quĩ Tiền-Tệ Quốc-Tế, để ngăn chặn cơn khủng hoảng cho

đồng Mỹ-kim, có thể kéo theo sau nó những tai hại khó lòng lường trước được cho cả Hiệp-chúng-quốc lẫn Thế-giới Tự-do.

Tổ chức Hợp-tác và Phát-triển Kinh-tế (O.C.D.E.) cũng là tổ-chức được ông Ken-nơ-đi đề cao rất mực trong thông-điệp. Ông tha-thiết kêu gọi Quốc-Hội Mỹ tán thành việc Mỹ gia nhập tổ-chức được coi là lợi khí chủ yếu trong cố gắng phát-triển lực-lượng đoàn-kết của toàn bộ thế-giới tự-do. Tổ-chức kinh-tế mới của Tây phương này gồm hai mươi nước, trong đó sẽ có Hiệp-chúng-quốc và Gia-nã-đại, và mục-đích của tổ-chức là : 1º) Đạt tới mức tối đa trong công cuộc phát-triển kinh-tế ; 2º) Tăng-gia và cải thiện công cuộc viện-trợ kinh-tế và kỹ-thuật của các nước hội-viên đã đạt tới độ kỹ-nghệ hóa cao cho các nước mở mang còn thua kém tại Châu-Á, Châu-Phi, và châu Mỹ la-tinh ; 3º) Thiết-lập chính sách mậu dịch để đóng góp vào công cuộc phát-triển kinh-tế và xây-dựng phồn vinh cho Thế-giới tự-do. Như để cụ-thể hóa lời kêu gọi và thúc đẩy thiện chí của Quốc-Hội, vị Tổng thống Hiệp-chúng-quốc đã lần lượt mở các cuộc hội đàm với đại-diện của các nước đồng minh, trước hết với đại-diện Đan-Mạch là ông Viggo Kampmann ngày 14-2, sau đó với ông Von Brentano, tổng trưởng ngoại-giao Đức-quốc ngày 16-2, rồi lần lượt sẽ tới các ông John Dicfenbaker, thủ tướng Gia-nã-đại, ông Menzies, thủ tướng Úc-đại-lợi, ông Holyoake, thủ tướng Tân Tây-lan, ông Harold Mac-Millan, thủ tướng Anh-cát-lợi, nội trong vòng tháng ba tới thượng tuần tháng tư này.

Với chủ-trương và hành-động mới, ông Ken-nơ-đi muốn đánh những lá bài quyết-liệt và quảng-đại, vừa để gỡ thế bí cho Hiệp-chúng-quốc, vừa để đóng một vai trò dân-chủ hơn với các nước đồng minh, mà cũng vừa để thi đua chinh phục nhân tâm trong « thế-giới đệ tam » với người Cộng-sản.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Ông Hàn thực tế

Labiche vừa được bầu vào viện Hàn-lâm Pháp, liền được mời đi dự một bữa tiệc sang trọng. Có bà khách ngồi kế bên hỏi cảm tưởng của ông khi được bầu vào viện Hàn-lâm. Ông mỉm cười đáp với một nụ cười dễ thương :

— Cảm tưởng của tôi là được ăn uống no say ngon lành.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

Tiền đồ vô biên, tiến bộ vô tận

Có nhiều người ca tụng hiện tại, tin tưởng vào hiện tại, coi những phát minh của thời hiện tại như có phép thần-thông biến cải được mọi khía cạnh của cuộc sinh hoạt, nhiều khi lại tỏ ý coi thường coi rẻ tiền nhân, phàn nàn tiền nhân là những kẻ lạc hậu hay có chủ trương làm tê liệt cuộc tiến hóa của nhân loại.

Có những người lại tôn sùng quá khứ, coi sáng kiến của thời quá khứ là khuôn mẫu tuyệt đích cho muôn đời, và tiền nhân là những hạng người siêu đẳng đã đề cập đến mọi vấn đề, đã khám phá ra hết mọi sự, hậu sinh chẳng nên tìm tòi, bày vẽ cho thêm phiền toái, phức tạp.

Thật ra thì đam mê hiện tại cũng không hay gì hơn say sưa quá khứ. Kẻ đam mê hiện tại, cũng như kẻ say sưa quá khứ cùng có một ý niệm giống nhau là tuyệt đối kỳ vọng vào « thời gian ».

Người « già » cột mình vào với quá khứ, chính vì họ thuộc vào quá khứ. Người « trẻ » chỉ thấy hiện tại chính vì họ tưởng tương lai không thể tốt hơn hiện tại.

Không thể giam mình trong hiện tại mà cũng không thể ẩn mình trong quá khứ, vì hiện tại hôm nay trở thành quá khứ của ngày mai rồi.

Đem mình đối kháng với dòng thời gian là kìm hãm tiến bộ.

Điều cốt thiết là khi nhìn quá khứ hay hiện tại, ta không nên nghĩ rằng : nhân loại đã tiến đến cùng đích, nhân loại không thể lên cao hơn nữa ; hết thịnh hội, nhân loại tất phải đi tới suy vận.

Không, phải hướng về tương lai để thấy rằng tiền đồ của loài người vô biên thì tiến bộ của loài người cũng vô tận.

PHẠM-HOÀNG

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

MỘT QUAN-NIỆM VỀ PHƯƠNG-PHÁP ĐỌC SỬ

★ ƯNG-TRÌNH

Sử sách

SÁCH là sử, sử là sách ; chỉ trừ những sách chuyên khoa, ngoài ra, bất cứ sách gì đều thuộc về sử cả. Như Ngũ-kinh Tứ-thư, có sách do Khổng-tử san định hay là sáng tác ; có sách do người đời sau thuật lại việc làm lời nói của Thánh, Hiền ; ấy là sử của phương Đông, sử đời thượng cổ về quốc gia, về xã-hội, về phong-tục, về kinh-tế về đạo-đức, về giáo hóa ; nào có phải chỉ những gì có tương-quan đến duyên-cách biến thiên, mới gọi là sử hay sao ? Sự vật gì cũng có thể xét ra hai phần : một phần hiện-tại, một phần về quá-khứ, tức là về lịch-sử, dầu là việc mới xảy ra.

Người phương Đông, tại Trung-Quốc cũng như tại Việt-Nam, làm sử theo thành kiến : quốc-sử là cơ-quan của nước, dã-sử là của tư nhân ; giã-sử, lại là do bạn sĩ-phu, tự đóng một vai quan-sát việc đời, thường viết theo lối ngụ-ngôn, lối thơ, lối tuồng, lối văn, hay là lối tiểu-thuyết, mong sửa đổi phong-tục chính-trị, một phần nào. Bạn nầy học lối bao biếm trong sách Xuân-thu, theo lòng ưu thời mẫn thế.

Đái-Cát-Phu, một đại Nho nhà Thanh, trong bài bàn về phép viết sử, có nói : « Theo tầm mắt người phương Đông, thì sử học ngày xưa chỉ là một môn luân-lý, dùng sử để khuyến trừng ; thành-thử người viết sử chỉ biên những gì có thể dạy đời, dầu thiện dầu ác, đều đủ khuyên răn. Vì vậy cho nên người làm sách không lưu tâm nghiên-cứu, để thu lấy hình ảnh chân-chính của thời-đại đã qua, cũng chẳng vụ chứng minh : thế nào là đúng, thế nào là sai, chỉ trau lời văn về luận-lý ! »

Edouard Chavannes, sau khi dịch phần Sử-ký của Tư-Mã-Thiên, có phê-bình rằng « Người Tàu làm sử, chỉ lo sưu-tập những gì đời trước lưu-truyền, rồi xếp đặt đoạn nọ vào với đoạn kia, nhiều khi hai đoạn không liên lạc với nhau ; chẳng những thế,

người viết sử hầu như không nhìn-nhận trách-nhiệm công việc của mình... thậm chí tự đứng ra ngoài ; người đọc không thấy rõ là lời của ai, của nhân vật trong sử, hay là của người viết sử ! »

Theo lời bình-phẩm của hai nhà học sử đã nổi tiếng, thì người đời xưa làm sách không theo một phương pháp nào ; chỉ vụ cây bút trổ hoa, văn cho tươi, và có ngụ ý khuyên răn là đủ. Không phải như tại Hy-Lạp, La-Mã, từ xưa, đã coi công việc viết sách là một nghệ-thuật thông thường đến thế kỷ 17, 18, người viết sử đã vào thời kỳ chuyên-khoa, nghĩa là viết có phương pháp, song hành với các khoa thực nghiệm khác ; viết có những đặc tính sau nầy :

— 1°) Không chuyên viết về vua quan, hay là những nhân vật trứ danh, hầu như viết liệt truyện, không phải là viết sử. Huống dầu muốn biết rõ sự nghiệp một người nào, tất phải biết thời thế lúc bấy giờ ; thành thử phải đi ngược dòng lịch-sử.

— 2°) Không chuyên ở trong giới chính trị, giới quân-sự, hay là giới đạo đức như đời xưa ; mà phải quan sát đến chế độ, tư tưởng, phong tục và lối sinh hoạt nhân dân, không có một môn học nào mà không có một phần lịch sử.

— 3) Từ thế kỷ 19 về sau, là về « thời kỳ của lịch sử », việc trước liên tiếp với việc sau, làm nhân quả lẫn cho nhau, tuần tự tiến hóa. Có người đã nói : « Tạo vật chỉ bước dần, không bao giờ nhảy vọt », Người làm sử phải đi theo từng bước, cuộc tiến hóa trong lịch sử, cũng như cuộc sinh trưởng muôn loài : sinh ra, lớn dần lên, già dần dặn, không hốt-nhiên mà già ngay, hay là trở lại trẻ.

— 4°) Mọi việc đều có nguồn gốc, có trước sau, người làm sử phải nhìn nhận từng việc nhỏ, để tìm qua việc lớn ; rồi cai quát tất cả các việc, theo phép qui nạp, để định luật sau khi đã suy lý. Nói tóm lại là sát hạch cho kỹ, lý luận cho rõ ràng. Nhà làm sử phải lấy phần thực làm cốt, lúc phần thực đã sung mãn, mới nhìn đến phần luân-lý và văn chương.

Đồ thư

Nhờ có những phương-pháp, vừa kể trên này, nên mấy thế kỷ nay, sách ra như hoa nở tự-nhiên, vừa lượng vừa phẩm, đã có nhiều sách, lẽ tất-nhiên là phải có sở bảo-tàng. Tại Âu-Mỹ, có thư-viện xưa nhất lớn nhất cả hoàn-cầu ; tuy đã bị mấy phen binh-hỏa, song ngày nay, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, tương-đối có những thư-viện đại qui-mô, tùy mật số học-sinh, nhiều địa-phương, một thư-viện có hơn vạn bảnsách.

Theo phương pháp tổ-chức của Mỹ, thì mỗi thư-viện là một cơ-quan văn-hoá : chính là nhân-viên trong thư-viện đã phải tự nghiên-cứu, để đem những phương-pháp có hệ thống, có hiệu quả, phổ-biến sâu rộng, cho độc-giả vui mà đến ; nhân-viên ấy trở thành những cán-bộ chuyên khoa. Mỹ còn lợi-dụng thư viện làm tự-động cơ-quan, để giáo-dục quốc dân, đủ cho các hạng tuổi : chưa biết đọc, thì nhân - viên ấy bày cho mà đọc.

Người quản-lý đã thành người giáo-dục chuyên khoa, chẳng những phục-vụ đồng-bào, mà còn chiêu-chuộng khách phương xa đến nữa.

Tại châu Á, vua Càn-Long nhà Thanh, trị-vì có 60 năm (1736-1739), tuy ngọn lửa nhà Tần đã tiêu hủy sách mất tám phần mười, mà còn thâu thập lại bốn kho, gọi là Tứ-khố-toàn-thư ; đến vua Cao-Tổ

nhà Hán lên, sai Trần-Nông trưng cầu thêm thư tịch ở ngoài dân ; thành-thử, nhà Đường có viện Tập-hiền, nhà Tống có viện Sùng-văn, nhà Nguyên, nhà Minh, tiếp-tục mở những viện Bảo-tàng, tức là thư-viện ngày nay ; đến cuối nhà Thanh, ngoài Tứ-khố-toàn-thư, còn mở Đồ-thư-quán.

Tại Nhận-Bản, thì lịch-sử về đồ-thư rất ngắn ; chỉ sau triều Minh trị, mới có Hồng-diệp-sơn văn - khố, Thiên - thảo văn-khố. Sau có lập Đồ-thư-quán tại Đông-Kinh, cả các tỉnh-thành, cho đến các hương-thôn, ngày nay đều có thư-viện tương-đối cả.

Tại Việt-Nam, từ triều Minh-Mạng mới qui tụ sách vào trên lầu Đông-các, dành riêng cho nhà vua. Đến triều Khải-Định, mới cho đưa ra viện Tàng-cổ sau Quốc-tử-giám, một phần sách ấy, gọi là viện Tân-thư, có sách chữ Pháp, có sách quốc-văn, theo nhu-cầu công chúng.

Năm 1943, Chính-phủ Việt-Nam đổi tên Viện Tân - thư ra Viện Văn - hóa ; đến năm 1946, lại bị ngọn lửa Việt-minh tàn phá, chẳng thua gì ngọn lửa nhà Tần, bao nhiêu châu bản trong Quốc-sử-quán, đồ tịch trong sở Tàng-thư, một phần bị hóa ra tro, một phần bị nhơn dân lấy về dùng giấy. Từ năm 1958, Chính - phủ Cọng - hòa mới mở Viện Đại-học tại Huế, Thư - viện Đại-học cũng được tổ-chức với đại qui-mô.

Song có Thư-viện cũng chẳng ích gì, nếu không có người đến đọc, Vì vậy cho nên tại các Thư-viện trong nước Mỹ, viên Quản-lý tự đóng vai cán-bộ, khuyên rủ quần chúng đến, chưa biết đọc, thì bày cho mà đọc ; thành - thử, Thư-viện trở thành một cơ-quan văn-hóa phổ-thông.

Sách cần độc-giả, cũng như độc-giả cần sách, sở-dĩ gọi là sách, là vì có người xem ; nếu một tác phẩm của một nhà văn, mà chưa vào tay độc-giả bao giờ, thì chưa phải là quyển sách. Theo luật ấy, tác-giả nào, sau khi viết thành một quyển sách, tất phải có người đề tựa, hay là phê-bình ; người đề tựa tức là người đọc đầu-tiên ; sau khi có người đọc, hay là người phê-bình, thì tác-phẩm mới thành là quyển sách. Từ xưa đã có quan-niệm ấy, nhiều quyển sách nhờ bài tựa mà được lưu truyền. Vậy người đọc sách, hay là người phê - bình sách quan - trọng biết chừng nào? Cổ nhân đã trả lời rằng : « Tác-giả nan, duyệt-giả vưu nan ! » — Người làm khó, mà người đọc càng khó.

Tác-giả và Độc-giả

Không riêng gì những bạn tranh bằng-cấp, chính ngay các bạn khoa-cử ngày xưa, mở sách ra, chỉ chăm đọc thuộc lòng, có rảnh đâu mà suy-nghĩ. Họ không phải là độc-giả, mà chỉ học để kiếm tấm bằng ; còn độc-giả là hạng phê-bình, khẩu tụng tâm suy, có não phán-đoán.

Bacon, người Anh, thường khuyên độc-giả phải biết phán - đoán, nghĩa là biết phân biệt vật quan với tâm-quan. Vật - quan là nhìn nhận sự vật giữa vũ-trụ, theo luật thiên-nhiên ; còn tâm-quan là tranh-đấu với thiên-nhiên, tâm không để cho sự vật chi-phối. Có biết phân biệt, mới biết phê-bình.

Kant người Đức, lại lấy nhận-thức là đối tượng phê-bình. Kant nói : « Chúng ta phải nhìn riêng chân tướng từng sự vật, rồi chứng - minh mỗi sự vật với quan-niệm của tiền - nhân, có tư khảo nhiều, đã viết thành sử sách. Nếu muốn nhận - thức một cách chân chính, thì nên lấy tâm-lý-học làm phương-châm, và phê-bình với sử sách lưu truyền, mà tự mình cho là đúng. »

Có người nói : Tại phương Đông, Việt-Nam cũng như Trung-Quốc, không có nhà nào biết phê-bình theo nhận-thức, như học-thuyết của Kant. Người nói đó, là người chưa nhận-thức mà đã phê-bình, nói cho đúng hơn, thì tại phương Đông nầy, nhiều nhà đã nhận-thức phê-bình ; từ mấy ngàn năm trước. Khổng-tử đã bày phương-pháp, thường khuyên môn đệ rằng : « Đọc sách cũ mà có phát-minh gì thêm, thì có thể dạy người sau, những gì trong sách cũ chưa có. » — Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hỉ.

Mạnh-tử cũng nói : « Nếu chỉ tin vào sách, ấy là làm nô-lệ cho người viết sách, vậy thì không có sách còn hơn. » — Tận tín thư bất như vô thư. — Các bậc Thánh hiền đều khuyên độc-giả phải có não phán đoán, tức là phải biết nhận-thức phê-bình có nhận-thức mới biết phê-bình ; mà có biết phê-bình, mới là độc-giả.

Tại Việt-Nam, người biết phê-bình không phải ít. Trong tập văn Vỹ-Dã, có bài « Húy biện. » Bàn về chữ húy là gì. Đó là phê-bình các sách xưa của người Tàu, truyền sang nước Việt-Nam, có mấy ngàn năm, mà không ai dám phê-bình, vì chưa nhận-thức.

Theo Tuy-Lý-vương, tác-giả tập văn Vỹ-dã, thì đời thượng cổ chưa có húy, đến đời nhà Chu, theo lòng tôn kính quỉ thần, trước bàn thờ, không dám nói đến tên thần, chỉ xưng rõ tên người chính tế. Cũng do tư-tưởng ấy, nhà Chu mới bày phép đặt « Thụy », thế tên người quá vãng khi tế chỉ xưng hô bằng tên Thụy, tức là tên đặt sau khi mất, tên để trên thần vị, thần chủ ; còn chữ húy là tên lúc sống, thì không bao giờ được dùng trước bàn thờ.

Từ Tần, Hán, trở về sau, tôn kính vua, tôn kính cha, như tôn kính các vị thần ; thành-thử, không dám nói đến tên, chữ « Húy » mới có từ đời ấy. Vì quá kiêng - cữ, cho nên những tiếng thường nói, những chữ thường dùng, đều bị nói lệch, đọc sai, không đúng nguyên âm, hại không phải nhỏ ; chỉ vì tập quán, không nhận thức lý-do.

Trương-Đăng-Quế, ngày nhỏ, đọc sử Tàu, đời Hậu-Hán, thấy chép chuyện một ông kia, đêm mang vàng đến nhà Dương - Chấn tạ ơn. Dương - Chấn nói : « Ông tưởng là đêm không ai biết, song giữa nầy có trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, là đủ tự thẹn với nhau, ông nên cầm vàng về, sau đừng làm theo thói ấy ! » Độc-giả phê-bình rằng : « Nếu không ai biết, sao sử gia biết rõ mà biên ! » Ấy là chê nhà làm sử chưa phải sử học chuyên khoa, viết còn thiếu lẽ.

(Còn tiếp 1 kỳ)

ƯNG-TRÌNH

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

❋

Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

❋

Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ hồng - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).

❋

Nam - Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

❋

Chi - nhánh thành - lập tại các nước Viễn - Đông

❋

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

tìm hiểu người thanh-niên

✱ NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

(Xin đọc từ B. K. số 100)

Đến tuổi dậy-thì, đứa trẻ thấy sinh-lực dồi-dào, nên muốn tung ra để thử : trong người thấy ngứa ngáy, không yên, dường như 10 ngón tay không biết để dùng làm gì cho hết. Nhưng vì cử-động còn vụng về, nên đụng đâu, vỡ, đổ đấy. Về phần trí-tuệ cũng thế : nói trước, quên sau ; nay nghĩ thế này, mai nghĩ thế khác. Rồi chúng dâm ra *nóng nẩy*, vì muốn một đằng, lại phải làm một nẻo, hoặc muốn mà không thể thực-hiện được. Đây là lúc đứa trẻ đã khám phá ra một việc rất quan trọng trong đời, điều mà ít bậc phụ-huynh để ý tới, đã tìm thấy cái « Tôi » của nó, cái « Tôi » gồm có bao sự ước-mơ, tình-cảm, cảm-xúc, và..... huyền-bí.

Nói cho đúng ra, không phải đến tuổi dậy-thì đứa trẻ mới khám phá ra sự kiện nói trên, nhưng từ thời-kỳ « tuổi khôn », nghĩa là vào khoảng lên 6 đến 12 tuổi.

Trước kia, cha mẹ bảo sao nghe vậy : vâng lời để lấy thưởng, hoặc để được tiếng khen ngoan ; và cưỡng lời, là con hư, con bất-hiếu.

Nhưng từ ngày cắp sách đến trường, được tham - gia vào đời sống học-đường, được xúc-tiếp với xã-hội — dù là xã-hội tí hon —, biết thế nào là kỷ-luật, rồi dần dần thế nào trách nhiệm, bổn-phận, ý-niệm được công-bằng, công-lý, tình đoàn-thể, nghĩa hợp-quần là gì, nó biết xét đoán cha mẹ, thấy rằng những tập-quán xưa cùng những sự bó-buộc, ngay đến uy-quyền của cha mẹ, nhiều khi cũng lỏng lẻo, nếu không hẳn là không còn dựa vào sự tuân lời thụ-động, hay uy-quyền như trước, lại cần phải có sự tham-gia của đứa trẻ.

Nhưng những ý-tưởng đó chưa được rõ rệt hẳn, và đến tuổi dậy-thì, cái «TÔI» mới xuất đầu lộ diện.

Cái « TÔI » kia cần phải phô ra cho mọi người biết

Đó là một nhu-cầu của tuổi trẻ cho biết bằng mọi cách, từ phục-sức loè-loẹt, có khi lố lăng, đến cử-chỉ, ngôn-ngữ, tư-tưởng... Có lập-dị, khác đời, mới khiến cho mọi người chú-ý đến mình, mới cảm thấy thích-thú.

Thi-sĩ Musset, hồi tứ tuần, đã nói về Muset khi hãy còn là một trang niên-thiếu :

«Một tư-tưởng kỳ lạ, miễn là chướng với lẽ thường, cũng đủ để cho tôi hoan-nghênh rồi.»

Dĩ-nhiên «lẽ thường» đây, ám-chỉ gia-đình và những người xung-quanh.

Đến tuổi dậy thì, đời sống tinh thần của đứa trẻ bắt đầu thay đổi, và mặc dầu sự thay đổi kia không đột ngột đi nữa, vẫn có những trạng thái « căng giữa nó và gia-đình, làm cho nó khó chịu, và đôi khi phản kháng công nhiên.

Một vài dấu hiệu cho ta đoán thấy sự thay đổi nói trên. Trước hết là đứa trẻ không tuân lời dễ dàng như trước, và cảm thấy bực bội khi bị ngăn cấm luôn. Nó muốn được tự-do trong mọi hành-động đã đành, lại tự-do cả về xét đoán, phê-bình nữa, muốn được như người lớn, « làm người lớn » càng sớm, càng hay.

Muốn được như người lớn, lại thường bị coi như trẻ con ; thích được ngợi khen, mà nhiều khi bị miệt-thị, nên phải chống-đối lại. Có chống-đối, thì cái « Tôi » kia mới bật ra, khỏi bị lu-mờ, và như nhắc nhở cho ai nấy biết « cũng còn có ta đây ! ».

Khi một thanh-niên làm được một việc đáng khen, ta nhận thấy khi hỏi họ, họ cũng không biết trả lời ra sao. Có khi trái với mọi dự-đoán của ta, không vì tư-lợi, mà cũng chẳng phải vì quyền-lợi chung. Cũng không phải để làm hài lòng người này, người nọ. Hành-động sao thì hành động, *miễn là hành-động của mình, cho mình*. Thích tình thì làm, hoặc làm cho có việc ; càng khó, ít người làm nổi, hay dám làm, lại càng thích, càng hăng hái, phấn-khởi. Vì đối với tuổi trẻ, gan dạ, liều là thiên-tính, có gì là khó ? Ngay như khi phạm lỗi, họ nhận ngay là lỗi của họ, sẵn sàng đợi hình-phạt, không cần biết hình-phạt kia nó xứng-đáng hay không. Như trường-hợp tên « teddy boy » ở bên Anh-quốc : biết mình sẽ bị tội xử-giảo vì đã giết một mạng người, mà vẫn « tỉnh » như không, không buồn và cũng không hối-hận.

Như thế, *phản ứng chống đối là một đặc sắc của tuổi dậy thì*, không có không được, miễn sao đừng chống-đối nhiều và lâu, cũng như đừng chống-đối ít và chóng. Nhưng biết thế nào là vừa phải ?

Nếu không biết đến phản-ứng chống-đối, tất không hiểu nổi tại sao đứa trẻ có những hành-động nghịch-thường. Có trẻ sống trong gia-đình nền-nếp, được cha mẹ dạy bảo đến nơi đến chốn, không bị ảnh-hưởng xấu của bạn bè, thế rồi, một ngày kia, không hiểu tại sao phạm lỗi nặng, một loạt lỗi, rồi bị giải toà, làm cho ông tòa, và cha mẹ ngạc-nhiên. Nhưng khi khám đứa trẻ, gạn hỏi nó, hoặc dùng đến phương-pháp tâm-phân học, tâm-lý học để xem phản-ứng ra sao, người ta thấy có sự xung-đột ngấm-ngầm, tiềm-tàng đối với một người nào đó trong gia-đình, hoặc bố, hoặc mẹ.

Như thế, ta hiểu vì cớ gì, một đứa trẻ bị đòn từ lâu lắm (theo nó, thì bị

đòn oan), đối với bố hay mẹ có mối ác-cảm vô-ý-thức, rồi dần dần, đâm thù oán. Sự hằn-học của đứa trẻ không biểu-lộ ngay ra lúc đó bằng lời nói, hay cử-chỉ, nhưng bằng sự chống-đối, nhận thấy qua những hành-động khác thường mà bề ngoài, xem như không dính-líu gì đến những người xung-quanh cả, không ai tìm ra được đầu mối: như ăn cắp, bỏ nhà đi, hành-hung, gây án-mạng...

Ông Chazal, cố-vấn tòa thượng-thẩm Ba-Lê, đã thuật lại truyện trẻ tự-vẫn để « phiền cha mẹ chơi », hoặc thiếu-nữ đi làm mãi-dâm, thanh-niên đi trộm, cướp, không ngoài mục-đích gieo tai vạ cho gia-đình để « bõ ghét ».

Tóm lại: *Phản-ứng chống-đối cho ta thấy rõ những khuynh-hướng tình-cảm, tiềm-tàng từ thuở nhỏ, và chờ đến tuổi dậy thì, mới bùng phát ra.* Vì thế, theo các nhà tâm-lý học, mỗi khi có cuộc xung-đột xảy ra trong gia-đình, hay ngoài xã-hội, hoặc một sự phi-pháp có vẻ không giải-thích nổi, cần phải đi ngược lại thời-gian. để tìm những nguyên-nhân ở thời thơ-ấu mới hy-vọng có phương cứu chữa.

Sự chống-đối thường thường, bắt gốc ở gia-đình nhưng cũng có khi từ học-đường ra. Có nhiều trẻ rất thông-minh, giỏi toán chẳng hạn, nhưng lại ghét thậm tệ môn đó, có khi vì thầy dạy dở, có khi vì ác-cảm với thầy.

Sự-nghiệp của con người ta. nhiều khi bị tình-cảm chi-phối, và một phần nào nữa cũng do phản-ứng chống-đối gây nên.

Nhiều nhà văn-hào trứ-danh, khi tự-thuật, đã cho ta những tài-liệu rất hứng-thú về phản ứng chống-đối.

Stendhal, vì ghét gia-đình, nên đã sáng-tác ra cuốn « Đỏ và Đen » (Le Rouge et le Noir); trong đó ông lên án gắt gao gia-đình, đã đàn-áp ông hồi thơ-ấu, nhất là lòng căm hờn bố.

Nhà văn nổi tiếng ở Mỹ, Upton Sinclair, trong cuốn tự-thuật, đã cho ta thấy phản-ứng chống-đối của ông ngay từ khi ông còn nhỏ. Ông xuất-thân ở nơi bình-dân, cha thì rượu chè be bét, tối nào về nhà cũng say lướt, đánh con, hành hạ vợ để « moi tiền » đi « nhậu ». Sinclair kể lại rằng: mẹ ông, trái lại, là một người hiền mẫu, đảm đang, một mình quán-xuyến việc gia-đình, bênh vực các con. Ông nói ra miệng là ghét bố vô cùng, và suốt đời ông, ông chống-đối. Sở-dĩ ông đứng lên chủ-trương bài rượu và bênh-vực phụ-nữ, vì trong tâm-khảm, lúc nào ông cũng in sâu hình-ảnh của mẹ ông, cột trụ của gia-đình. Ông là một nhà xã-hội học, xuất-thân ở nơi hàn-vi. Và ông viết văn, vì chỉ nhờ có tưởng-tượng, câu văn nhờ tiểu-thuyết, mới thoát-ly, mới vượt được lên trên thực tế, ra khỏi địa-vị thấp kém, hèn mọn của mình, trả thù được xã-hội. Ông Sinclair đã thành-công, và trở nên một nhà đại văn-hào.

Tất cả những nhận-xét nói trên cho ta thấy đứa trẻ *cần phải chống đối*, để phát-huy nhân-cách của nó. Đó là một cuộc tiến-hóa không thể tránh được. Một trẻ mà từ nhỏ đến lớn không có một lần nào, không có một phản-ứng, đáng

cho cha mẹ lo hơn là mừng. Họa-hoằn lắm mới có đứa sau này nên người. Thường thường về sau là những hạng vô nhân-cách, không có óc sáng tạo, chỉ biết ỷ-lại vào người khác, hoặc bê tha chè, rượu, cờ bạc, dâm-ô...

Một đặc điểm nữa của tuổi trẻ là phản-ứng bắt chước, phản-ứng đồng-nhất.

Đứa trẻ không bắt chước người lớn như hồi lên 5, lên 8, « thấy đâu bâu đấy. »

Đứa trẻ không lấy lý-trí ra để bắt chước, hoặc để lựa chọn. Nó chỉ bắt chước người nào gây được cảm-tình với nó, người nó mến, phục. Sự bắt chước bắt nguồn ở tình-cảm. Có trẻ ao-ước được như bố, hay như mẹ. Nhưng cũng có đứa muốn trái ngược hẳn.

Một nhu-cầu của tuổi thanh-xuân là *thoát-ly khỏi gia-đình*, bay nhảy, vượt qua khuôn-khổ chật hẹp, gò bó của gia-đình, thích kết bè, kết bạn, thích phiêu-lưu.

Muốn sớm được « tháo cũi, sổ lồng », nhưng họ vẫn cần đến cha mẹ, vì chưa thể tự-túc được, vẫn mong được dìu dắt, bảo ban về điều hơn, lẽ thiệt, và nhất là cần đến tình thương yêu.

Họ muốn vượt khỏi cả không-gian nữa, sống về tưởng-tượng để thoát vòng cương-toả của gia-đình, hoặc để thực hiện những điều thầm-ước. Thử hỏi trong chúng ta ai không trải qua thời kỳ mơ-mộng, huyền-ảo, lãng mạn của tuổi hoa-niên ? Ai chẳng có lúc cảm thấy mình như ngạt thở trong gia-đình, cho rằng không ai hiểu mình, và chính mình cũng chẳng hiểu ai nổi ?

Katherine Mansfield, hồi 18 tuổi, đã ghi vào cuốn nhựt-ký của nàng :

« Bổn-phận của người là đi. Đừng ở đây nữa, » Nhưng mấy chục năm sau, khi đã rời bỏ gia-đình rồi, và khi lâm bệnh, tấm thân đơn chiếc ở nơi quê người, đất khách, nàng viết : « Chỉ có một điều sung sướng nhất, là hồi tưởng lại thời thơ-ấu, bà tôi đặt tôi vào giường nằm, đem cho ly sữa nóng và một mẩu bánh, rồi bà cụ đứng dậy, hai tay chụm vào nhau, trìu mến bảo tôi : « Sữa bánh đây, cháu quý của bà dậy ăn đi » Ôi ! Còn gì cảm-động bằng ? Hạnh phúc biết bao ! ».

Vì thế, khi con cái đến tuổi dậy-thì, cha mẹ cần phải hồi tưởng lại thời quá-khứ của mình, đừng nên trách than sao chúng không nghĩ như mình, làm theo mình, tính-tình khác hẳn. Trên con đường đời, bắt buộc có những chặng mà ai nấy đều phải qua, và *tuổi nào có ý nghĩ ở của tuổi đó*. Hồi 20 tuổi, chúng ta có lúc nghĩ : một ngày kia, nếu ta có con, ta sẽ gần-gũi chúng ; đối với các con ta, ta sẽ là người bố (hay mẹ) không như bố ta ». Nhưng khi 50 tuổi, chúng ta lại gần giống bố (hay mẹ) ta khi xưa. Rồi đến lượt con chúng ta, sẽ cũng lại như chúng ta, nhưng lúc đó, chúng ta còn chứng-kiến sao được vai trò mà chúng ta đang đóng ngày nay ?

Ta thường nói : « *tuổi dậy-thì là tuổi bạc bẽo* », không sai ; và cũng là tuổi mơ-mộng. Nhưng mơ-mộng ở tuổi đó chỉ là một trò chơi vô hại, không ảnh-hưởng mấy đến sự hoạt-động của thanh-niên, hoặc chỉ ngăn trở trong một thời-gian ngắn. Thường thường, chỉ trong một vài năm, gần đến tuổi trưởng - thành, thời - kỳ đó dịu đi, rồi tan biến vào dĩ - vãng. Vì lúc đó, tư-tưởng của họ không trừu - tượng nữa,

nhờ có những bài học của thực-tại, nhờ có kinh-nghiệm ở bản-thân. Và phần nhiều cũng là thời thất-vọng, thời mà bao mộng xưa tan vỡ : nào lời gắn bó, nọ câu « thệ hải, minh sơn », bao sự phản-bội, lường-gạt, phụ-dãy.....

Con gái đến tuổi dậy-thì lại càng hay « thơ mộng » hơn con trai. Đây là lúc thấy cần có người để tâm-sự, cần yêu-đương, dù đôi khi biết chỉ là mối tình yêu vơ vẩn, không đi tới đâu, một mối tình tuyệt-vọng, nhưng cao đẹp, sáng ngời, như giữa Mộng-Hà, Lê-Ánh trong « Tuyết-Hồng lệ-sử », như Lan và Ngọc ở « Hồn Bướm mơ Tiên », yêu được ngày nào, hay ngày ấy, không dám nghĩ đến tương-lai. Có khi họ mê một tài-tử chiếu bóng, một nghệ-sĩ, một kép hát, hoặc một lực-sĩ có danh, một nhà vô-địch thể-thao, hay một ông hoàng đẹp trai...

Nhà văn-hào Maurice Bedel đã thuật lại rằng, có biết bao trái tim thiếu-nữ Hung-Gia-Lợi đã hồi hộp vì quận-công Otto, chàng thanh-niên « có đôi mắt đượm vẻ buồn, diện-mạo thanh-tú, và mớ tóc rậm ». Ở thành-phố Budapest, không có một thiếu-nữ nào là không treo lên tường, hoặc để trên đầu giường mình một tấm ảnh của Otto. Chàng là ý trung-nhân, là hôn-phu của hàng ngàn thiếu-nữ Hung ».

Khi con trai treo ảnh của một « minh-tinh màn bạc, » hay hình một nữ ca-sĩ lên tường, là vì họ có sắc đẹp quyến-rũ một nụ cười duyên-dáng, hoặc một thân-hình cân đối.

Nhưng khi một thiếu-nữ để trên bàn học, hay cất vào ngăn kéo tấm hình của một « tài-tử chiếu bóng », một « nghệ sĩ », ít khi họ bảo vì đẹp trai, mà bởi người đó » tài-hoa, lỗi-lạc » (có lẽ vì đã thủ những vai đáng mến trên mà ảnh hay trên sân khấu), có nhiều đức-tính đáng để họ phục, những đức tính này, khi có, khi không, nhưng thường được thêm thắt, tô-điểm vào để tạo nên con người lý tưởng.

Có khi họ yêu không tính-toán, cho rằng thế mới là yêu, hay tưởng rằng đã tính-toán kỹ càng, và đã hiểu rõ lòng mình lắm. Họ yêu một người gấp đôi, gấp ba tuổi họ, yêu một người tàng-tật, một phế-nhân, như trường-hợp của một cô nữ y-tá rất xinh đẹp, dòng dõi quý-phái, mà giáo-sư Majocchi đã thuật lại trong cuốn hồi-ký của ông :

« Ma vie chirurgien ».

Cũng may là thời-kỳ thơ mộng đó không lâu, và với thế-hệ ngày nay, những mối tình lãng-mạn cũng ít có hơn xưa. Nhưng đôi khi vẫn còn một vài thiếu-nữ thơ ngây, xây hạnh-phúc trên ảo-vọng, tin rằng thế nào cũng tìm được người chồng « lý-tưởng », như trong tiểu thuyết. Như thế, rất có thể, suốt đời họ sẽ ở vậy, trừ khi, rốt cuộc « già kén kẹn hom », hoặc họ « lấy làm thích tình, sung sướng, làm bạn với một kẻ phàm phu, tục-tử » (Mendousse).

Tình bạn giữa con gái với nhau, cũng thường khi trải qua những thời-kỳ đam-mê, những cơn giông-tố mãnh-liệt. Họ yêu nhau như đôi nhân-tình : cũng hờn, rỗi, khóc than, cũng ghen, và có khi tự-vẫn nữa. Có người không muốn lập gia-đình, thích sống với nhau như một cặp vợ chồng vậy.

Không những họ say mê bạn đồng tuổi hay sấp-sỉ tuổi họ, mà cả những người lớn

tuổi hơn, cô giáo chẳng hạn. Những sự-kiện này thường sẩy ra trong ký-túc-xá nữ-sinh, như trong truyện « Những cô gái đồng phục » (Madchen in Uniform).

Trong đời con người ta, và nhất trong những cuộc đời tươi đẹp nhất, bao giờ cũng có một thời-kỳ vô cùng nguy-hiểm. Tuổi trẻ quả thật là một tuổi khó khăn !

Nguy-hiểm vì không phâu-tách được *thực*, *hư*. Nguy hiểm khi giữa *mộng* và *thực*, không có một sự tương-xứng như trên đã nói, nhất là khi họ có những *mối hàm hở về thần bí* (élans mystiques), thí-dụ như muốn vào tu-viện, hoặc tình-nguyện xin thế-phát ở chùa.

Nhiều thiếu nữ yên-trí là họ có tâm-đạo, nhưng kỳ thực, đó chỉ là những cảm-tình mạnh mẽ nhất thời. Trừ khi họ bị trúng kế của chính họ không kể.

Những *cao - thượng-hoá giả* (fausses sublimations) nói trên, thường gặp trong đời sống tình-cảm của nữ-giới. Họ cầu sao được *sống được trong sạch*, dù thác cũng cam lòng. Nếu không được toại-nguyện, họ coi như một thảm-hoạ vậy. Nếu họ có một người bạn, hay người tình, họ sẽ đòi hỏi ở người này những điều không thể làm được. Nếu không được hài lòng, họ sẽ có cảm-giác như bị phản-bội, và họ sẽ không dung-tha.

Có nhiều thiếu-nữ nuôi trong đầu óc, ý nghĩ tự-vẫn, và tuy ngày nay, họ không « khóc mướn, thương vay » như thời « Tuyết-Hồng lệ-sử », « Tố-Tâm », hay « Trà hoa nữ » cho rằng sống quá tuổi 18, đôi mươi, là sống vô vị, nhưng vẫn có người cho rằng chết trẻ, chết trong, còn hơn sống dục, không thích sống cho tới lúc da mồi, tóc sương.

Những vụ tự-sát, và tự-sát cả đôi trai gái, để « nếu không đồng sinh, thì cũng được đồng tử », hoặc tự-sát rồi cố sát người yêu, đã từng xẩy ra, chứng tỏ rằng không phải là câu truyện đùa, hay lời nói gở của tuổi trẻ.

Cũng có thiếu - nữ tự cho mình là người con gương-mẫu, mà bổn phận là hy-sinh cho gia-đình, nhất là cho mẹ (ít khi cho bố), tận-tụy cho các em, còn ngoài ra không thiết gì nữa, không tính đến hạnh-phúc riêng của mình. Đó cũng là cao thượng hóa giả, chứ thật ra, không phải là khuynh hướng của họ, nên sớm muộn, thế nào cũng sẽ quật trở lại, làm cho họ âm-thầm đau khổ : đau khổ thấy xung quanh mình ai nấy đều đã yên phận, còn mình vẫn kéo dài những ngày buồn thảm, vô vọng của đời sống cô đơn.

Có người lại cho mình như có thiên chức cao cả, tuy không cứu nhân, độ thế, nhưng tưởng suốt đời, có thể hiến thân cho nhân loại được, như trông nom trẻ em, săn sóc, an ủi người xấu số, bệnh tật... Nhưng chỉ trong ít lâu, họ nhận thấy ngay chỉ là ảo vọng.

Chúng tôi không dám phủ-nhận tấm lòng vị tha, những mối từ tâm từ ngàn thuở của nữ giới, nhiều khi có những hành động làm ta kinh ngạc, đến nỗi giáo sư Majocchi đã phải thú nhận : « Lòng dạ của phụ-nữ có nhiều bí ẩn không thể dò được, mà chúng ta cũng không nên dò làm gì. Chúng ta chỉ biết lặng lẽ cúi đầu mà cảm phục thôi. »

Nhưng thiết tưởng để cho những người còn đầu xanh, tuổi trẻ, nuôi những ảo

vọng, có cao thượng hóa giả nói trên, không mau tỉnh ngộ, quả thật là một điều tai hại. Ta đã từng thấy có nữ cán bộ y-tế hay xã-hội tình nguyện, khi mới bước chân vào nghề, hăng hái, tận-tâm vô cùng. Nhưng một vài năm sau, sự chán nản, thất-vọng, mệt-mỏi về tinh-thần cũng như vật-chất, đã thấy hiện ra trên nét mặt, trong khoé mắt. Vì phận-sự mà buổi đầu họ quyết-tâm, hăm hở đảm-nhiệm, thật ra không thích-hợp với bản-năng, nhu-cầu của họ. Đã lỡ đi lầm đường, nhiều khi họ không thể xoay chiều được nữa, nên chỉ đành ngậm đắng, nuốt cay, coi phận-sự mình như một gánh nặng trên vai.

Vì thế, trước khi thu-nạp một tín-đồ quyết chí vào tu-viện, hoặc nương đầu cửa phật, hay đảm-nhiệm một chức-vụ đòi hỏi nhiều hy-sinh, người ta thường để cho họ một thời-gian suy nghĩ, và khuyên họ đổi hướng, nếu cần.

Sau hết, cũng thuộc về loại cao-thượng-hoá giả, *trên phương-diện trí thức*, một số thiếu-nữ, mê mải vào việc học, đoạt hết bằng nọ đến bằng kia, và hình như ngoài sách đèn ra, họ không còn biết gì khác hết.

Thường thường, vì họ phục một người đàn ông, một giáo-sư chẳng hạn, mà có khi chính họ cũng không hay.

Sự đam-mê đó, nguồn cảm-hứng tiêu-cực ra, nên ta có thể hiểu tại sao, khi đã gặp được cái gì thích-hợp với nguyện-vọng thầm-kín của họ rồi, thí-dụ như khi đã lập gia-đình họ bỗng dưng vô cớ, bỏ rơi hết, không thiết gì học nữa, coi học là một sự chán nản, mệt mỏi nữa là khác.

Như thế, tuổi trẻ bao giờ muốn cái gì cũng phải là tuyệt-đối, hoàn-toàn, vì họ chưa thích-nghi được với đời sống, chưa có nhận-thức về thực-tại, không hiểu rằng thực-tại đâu có đem lại cho người ta những điều toàn thiện, toàn mỹ ?

NGUYEN-HỮU-PHIÊM

Không dùng đàn bà

Có người hỏi nhạc trưởng nổi danh Arturo Toscanini tại sao ông không muốn cho đàn bà dự vào giàn nhạc của ông. Ông đáp :

— Rất dễ hiểu. Nếu là đàn bà đẹp thì họ gây trở ngại cho các nhạc-sĩ của tôi, còn nếu là đàn bà xấu thì họ gây trở ngại cho chính bản thân tôi.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TUY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TAN NARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ-DO

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

VIỆT-NAM DANH-NHÂN TỰ-ĐIỂN

của NGUYỄN HUYỀN-ANH

(DO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN ẤN-HÀNH)

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS-RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON
TÉL: { 22.102 / SGN: 34

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

THỬ TÌM HIỂU HỘI-HỌA

✶ ĐOÀN-THÊM

CŨNG như rất nhiều bạn, tôi đã ưa chuộng nét vẽ cùng ánh sắc từ hồi thơ ấu, hễ thấy tranh thì cò ngắm, và dĩ-nhiên thích thú hoặc chê bai, chỉ tùy cảm-giác hồn-nhiên, không lý luận gì.

Về sau, nghe những người lớn phê bình, hay đôi khi đọc vài câu dẫn-giải dưới những tranh in trên sách, tôi thấy những gì tôi đã khen đẹp thì bị [illegible] xấu, và ngược lại. Ngoài ra, thấy nhiều họa-sĩ cũng được tôn-trọng như văn-hào, tôi càng tin rằng hội-họa là môn rất cao rất khó, không thể ỷ vào nhận xét riêng của mình mà biết được.

Cho nên, trong một thời-kỳ khá lâu, tôi rất ngờ vực mình khi đứng trước những bức tranh, không dám khen chê, dù thấy đẹp cũng chẳng còn can-đảm thích nữa, sợ lắm. Mà chẳng biết hỏi ai, bạn hữu cũng như tôi, không được huấn luyện để thưởng thức sành hơn ; hoạ-sĩ quanh mình cũng rất hiếm.

Các phương-tiện học hỏi quá thiếu thốn, nhưng sự phổ-biến hội-họa mỗi ngày một nhiều : các bộ sử Pháp, các phụ-bản báo Tết, nhất là các sách và tạp-chí ngoại-quốc... Tính tò mò và sự ham muốn hiểu biết càng bị kích thích, cũng như lòng tự-ái : vô-lý, trình-độ học-thức phổ-thông của mình chẳng kém Tây, mà Tây hạng trung bình coi triển-lãm tỏ ra thành thạo, mình cũng xem mà đành lặng thinh biết vậy ; khen chê ra miệng ngộ lắm thì bị cười, lắm bận có bạn hỏi ý-kiến, chỉ ấm ừ đôi câu mơ hồ.

Bực lắm, tôi cố làm quen vài họa-sĩ để hỏi. Nhưng không may, mấy bạn đó lại chẳng ai đồng ý với ai về nhiều lối vẽ, nên tôi muốn hiểu mà chỉ được

nghe tranh luận, và tôi có cảm tưởng rằng hội-hoạ còn gây nhiều xung đột ý-kiến hơn cả thi-ca. Khổ hơn nữa, là mấy bạn chỉ cảm xúc riêng cho mình, không giải thích tường tận cho một phàm-nhân như tôi ; mãi về sau, tôi mới nhận ra : các bạn cứ nói như là tôi đã từng có nhiều ý-niệm căn-bản về hội-họa rồi, yên trí rằng tôi phải biết sẵn nhiều điều mà các bạn coi là dĩ-nhiên.

« Ánh sáng này chia khéo lắm, nổi hẳn toàn-thể » : nhưng tôi nào thấy khéo ? vì muốn tôi thấy, đáng lẽ bạn phải cho tôi hiểu trước luật Rubens mà bạn quên rằng tôi chưa biết : trong một bức họa, bóng tối và ánh sáng không được chiếm quá 1/3 diện-tích, còn 2/3 khác nhường cho các ráng tỏ-mờ (demi-teintes).

Cực chẳng đã, khi vốn chữ Pháp kha khá, tôi đành tìm sách đọc, từ sách dạy vẽ (1) đến sách in tranh lớn nói về hội-họa thân-thể sự-nghiệp họa-sỹ, lịch-trình tiến-triển các môn-phái (2). Đọc một tác-giả, chưa hiểu, tôi tìm đọc hai, ba. Mất nhiều thì giờ, tốn công-phu, nhưng kết-quả ra sao ?

Sau một hồi nghiên-cứu, đầu óc tôi đầy những hình-ảnh lộn xộn : tranh La-Mã, tranh Phục-Hưng Ý, tranh cận-kim, tên họ Raphaël, Tintoret, Poussin, Manet, Goya, Matisse, Miro, Picasso, Gromaire, Masson v.v... và rất nhiều danh-hiệu môn-phái tận cùng bằng vần « isme » : néo - classicisme, romantisme, réalisme, orphisme, rayonnisme v.v.. nghe kinh khủng như các danh-từ triết-học « vỡ đầu ».

Giá thử dự kỳ thi nào mà vào vấn - đáp bị hỏi về các vị, các môn kể trên, có lẽ tôi cũng ấp úng được dăm bảy câu cho đủ điểm khỏi rớt. Song khuân vác cả kiến-văn nặng nề của tôi ra trước các họa-phẩm, tôi cũng chẳng rạng tỏ hơn chút nào, chỉ càng thấy rối-ren lủng-củng : hễ coi triển-lãm hoặc gặp bức tranh nào, tôi cũng tưởng phải áp dụng những điều học qua trong sách, và tự hỏi : thuộc môn-phái nào ? Phái Trực-cảm (Impressionnisme) Thực - hoạ (Réalisme) hay chi khác ? 7 qui-tắc về bố-cục phóng-tác của *Ruskin* ra sao ? 6 qui-tắc về màu sắc theo *Lhote* như thế nào ? v.v... (3). Nhưng tôi chỉ nhức

---

(1) L' Art de la peinture, Lois, métier, pratique. *Ch.. Rudhardt* — Traité de paysage, *F.Goupil.* — Figures et Animaux, *E. Hareux.*

(2) Histoire de la peinture, Louis Hourticq

La peinture dans le monde de la préhistoire à nos fours, *H et D. Janson* —

La Peinture moderne, *Maurice Gieure* — La peinture contemporine, *Robert Genaille* — Peinture moderne, *Maurice Reynal*— L' art moderne *Maurice Du* et Le XVIIè siècle français, Connaissance des Arts, *Stéphane Fantel* — Les Voix du Silence, *André Malraux*... Encyclopédie française, tome XVI. v.v...

(3) *7* qui-tắc do *Ruskin* tóm tắc, đại k... sau ; cần chọn màu chính (Dominante), cần thay đ... sắc vật song đừng nhiều quá (Répétition) cần liên tiếp điều hòa (Continuité), cần lựa nét tròn (Courbure) cần tỏa ánh sắc (Radiation), cần đối chiếu ánh sắc (Contraste) cần xen lẫn nét màu nhịp nhàng (Alternance) cần nét màu vững chắc (Stabilité) cần hòa hợp cân xứng (Harmonie). (Theo *P. Signac* — Les besoins individuels et la peinture)

André Lhote cũng mách 6 điều về cách lựa chọn cân nhắc để sử-dụng ánh sắc (Dosage des Valeurs et Couleurs) *(* Xin coi Encyclopédie Française tome XVI và *xin cáo lỗi nếu thiếu danh-từ chuyên-môn để phòng dịch, vì không ở trong nghề.)*

đầu hoa mắt, và rốt cuộc cũng chẳng nhận xét được đầy đủ chắc chắn, càng thấy phân vân là khác. Một lần nữa, tôi lại thấy cách học « nhồi sọ » của tôi chỉ khiến tinh-thần hoang-mang, và các lý - thuyết chồng chất thành một hàng rào ngăn cách xa hơn những bức họa và con mắt tôi.

Mãi về sau, ngẫm lại, tôi mới nhận ra : khi đọc thơ, thấy hay, là nhờ sức thụ-cảm mà tôi vui buồn hoặc thấy du-dương lộng lẫy, chớ nào có đem những niêm luật thi pháp rắc rối khô khan ra để tìm hứng thú ? Khi nghe nhạc cũng vậy : tôi thả tâm hồn mơ theo cung điệu, chớ có lúc nào nghĩ tới âm-luật ? Vậy thì đối với tranh, tại sao tôi quá e-ngại lạc lầm, để khi cảm thấy đẹp lại nghi ngờ, thấy thích mà dè dặt ? Nhiều người ít học ở thôn quê, thuộc Kiều và thấy thú, không cần biết cú pháp hoặc cách buông vần lựa chữ của Nguyễn-Du. Đứng trước người đàn-bà, thấy xấu, đẹp, có cần chi lý-luận ? Không ai nhân-danh học-thuyết nghệ-thuật nào, để cưỡng lại cảm giác và tự dối lòng. Tôi cần chi những « Dominante » những « nombre d'or » (1) để chuộng tranh Rubens hay Marquet, mà khi chưa từng đọc sách hội họa nào, tôi vẫn ưa thích ? Mấy nét huyền ảo của *Hartung* mới đây không ra cảnh vật gì có thực quanh mình, đã đưa tôi vào cõi mộng : cần gì qui - tắc ? và chăng, chính những họa - sỹ vẽ theo lối « trừu tượng » này đã phủ nhận tất cả các qui-tắc, dù qui-tắc cổ-điển hoặc bất cứ thể-lệ nào của ai đặt ra (2).

Song như vậy chẳng cũng chủ-quan lắm sao ? Để tìm thú cho mình thì được, vì « đối với màu sắc và sở-thích riêng, không thể bàn cãi phải trái » như người phương Tây thường nói. Mà chắc đâu tôi không hẹp hòi, thẩm ghét oan nếu chẳng lên tiếng chê oan những tác-phẩm có giá-trị vững chắc ? Hợp hay không, là một chuyện ; còn xấu tốt của người ta là chuyện khác. Và có khi thoạt tiên không ưa, khi hiểu rồi lại thích ; đối với những người chung quanh, đối với nhiều loại thơ, nhạc v.v... còn thế, vậy đối với hội

---

(1) (*Dominante*) màu chủ sắc ở mỗi bức họa, trong 7 màu của ánh sáng chiếu qua lăng kính (couleur du prisme) cần chọn lấy 2 màu chính, một màu « nóng » thiên về đỏ (teinte chaude) một màu « nguội » ngả về xanh (teinte froide). Rồi trong 2 màu đó, chọn một màu cho nổi bật hơn. Tỉ-dụ : có thể lấy orange-bleu hòa hợp, chọn bleu làm dominante.

Nombre d'or luật cân xứng tỷ lệ của Hy-Lạp, do Vitruve đặt thành công-thức : nếu một vật chia ra 2 phần không đều nhau mà vẫn đẹp, thì tỷ lệ của phần nhỏ đối với phần lớn, cũng phải bằng tỷ lệ của phần lớn đối với toàn-thể.

(2) Ít ra tôi đã may mắn gặp một nhà phê-bình nghệ-thuật tha thứ trước cho sự liều lĩnh của tôi, và còn khuyến khích nữa là khác. Bàn về cách huấn luyện nghệ-thuật cho phàm-nhân, Pierre Abraham đã viết đại-ý như sau : « Ta cũng nên mong rằng kẻ thưởng thức có thể « ngẫm lại » về tác-phẩm « cho chính mình, không cần ảnh - hưởng nào của « người khác. Ngẫm lại với những vốn liếng tinh- « thần mà hắn gạn trong thâm tâm, những lúc nhàn « nhã để học hỏi, mà xã-hội có bổn-phận dành cho « hắn (On en arrive à souhaiter que l'usager puisse « repenser » l'oeuvre pour son propre compte, sans intervention d'une influence étrangère. La repenser au moyen des ressources qu'il puisera dans son être intérieur, au long des loisirs de culture que la société a le devoir de lui ménager. P. Abraham — L'Art et l'Individu).

Một bức tranh của Hartung, 1935, không có « đề tài » chỉ như mấy nét bút lông với mực tàu.

họa, sao lại khác ? Cho nên, dù chỉ muốn thích thú, cũng nên mở rộng nhỡn-quan để được nhiều hơn. Nói một cách khác, vẫn nên tìm hiểu, dẫu ỷ vào con mắt mình và cảm-giác tự-nhiên, cũng cần đôi chút công - phu vận dụng lý-trí, và những điều học hỏi được về lý-thuyết, dù chỉ có tánh cách hướng dẫn, chẳng phải là vô-ích cả.

Nhưng tại sao những lý-thuyết đó đã bao ngày không giúp tôi hiểu ? Chắc tại có trở - lực trong tâm-hồn tôi : thiếu hiểu thấu thông cảm ở lãnh vực nào, cũng thường do những ngộ-tưởng lâu ngày sinh ra thành - kiến, cần phải triệt đi đã.

Vậy những ngộ-tưởng thành - kiến của tôi ra sao mà ngăn cản tôi trong sự tìm hiểu ? *nghĩa là vì sao tôi đã không hiểu* hội họa ? Sự tự - kiểm, phân tích để rút kinh - nghiệm, biết đâu không có đôi chút ích lợi cho những bạn đã cùng tình - trạng như tôi ? Chẳng được nghệ - sỹ nào soi sáng giúp, thì kẻ phàm-nhân đành lần mò lấy, mắt mờ chân chậm dìu nhau phiêu lưu trên đường nghệ - thuật mông lung, tránh sao khỏi vấp váp hay lạc bước ? Nghĩ cho cùng, liều đưa chân cồ tiền còn hơn ngồi đợi, đợi ba mươi năm trong đời học hỏi, đã nhà danh-họa nào ở xứ ta buồn giúp cho đâu ? Ít ra cũng xin nói thực để

được kiểu chính giác ngộ nếu cần.

Sự không hiểu của tôi trong bao năm, có thể tóm tắt trong hai câu hỏi thường vụt ra mỗi khi tôi ngắm tranh :

— Cái gì thế này ?

— Sao lại thế ?

*
* *

I — Cái gì thế này ?

Đó chẳng những là câu hỏi của Thống-chế Foch như người ta kể, mỗi khi ông xét một việc (De quoi s' agit-il ?), mà của mọi người đứng trước một sự bất-thường : như thấy ồn ào xúm đông ngoài đường.

Đem tính tò mò « muốn biết chuyện » để ngắm tranh, tôi hay chú ý nhất đến những gì được vẽ, những nhân-vật nào, những phong-cảnh gì, những sự-tích gì : các hoạ-sĩ gọi là *đề tài ngoạn mục* (le sujet pittoresque).

Hồi nhỏ, khi ngắm tranh Tàu, như « Tam anh chiến Lã-Bố » hay « Đường Minh-Hoàng du nguyệt-điện », tôi để ý đến mặt đỏ râu dài của Quan-Công áo giáp vàng của Lã-Bố, những chiếc đèn lồng treo ở cung trăng, và nhìn hình sắc để tưởng tượng cho thích như khi đọc truyện, *chớ không hề tự hỏi lối vẽ như thế nào.*

Lâu dần quen thói, về sau tôi xem tranh phương Tây cũng chỉ quan tâm đến « cốt truyện » và những chi-tiết gì lột rõ cốt truyện đó ra : mặt mũi, quần áo, khí-giới ở những tranh chiến-trường đời Nã-phá-luân, của Gros hay Géricault ; những cây nào, nhà gì, bóng ai ở những phong-cảnh của Constable, Turner hay Courbet,

Tôi tìm kiếm ở tranh những gì thoả mãn nhu-cầu tưởng tượng, phiêu lưu, mơ mộng, thương yêu, và đòi hỏi ở hoạ-sỹ những tích gì tin là đáng kể, những bộ mặt xinh tươi hơn người thường, những cây có nước mây mà tôi coi là nên thơ.

Không thiếu gì hình sắc cho tôi toại nguyện : những nàng tiên lộng lẫy của Rubens, những thiếu-nữ trắng tròn của Fragonnard diễm-lệ hơn cả nhiều minh-tinh điện-ảnh ; những « sơn-thủy » của Corot hay Monet, đã đưa tôi đến một thế-giới êm đềm phất phơ sương khói...

Nhưng rồi tôi lại chán nản dần ; vì tới những thời sau, tôi gặp rất nhiều sự chướng mắt. Người ta vẽ những người những cảnh mà tôi thấy xấu xí, tầm thường, quái lạ : con bò phanh thây đẫm máu treo ở quầy hàng thịt (*Le boeuf écorché — Soutine*) mấy con cá vàng nhem nhuốc sặc sỡ (*Poissons rouges Sculpture — Matisse*) chú nhà quê với bộ mặt nhăn nhó (*Paysan de Camargue — Van Gogh*) những nàng cổ dài ngoẵng như của Modigliani hay méo mó như của Picasso ; những đồng hộp vuông ngổn ngang mà người ta bảo là nhà cửa hoặc cây đàn của họa-sỹ phái Cubisme...

Lắm khi ngắm kỹ nhiều bức họa ngày nay, chẳng ai nhận ra người

nào, vật nào, cảnh nào hết. Cái gì xanh nhợt đen xẫm như chữ C, như chữ E, như chiếc đinh-ba, lại ngọ ngoạy như xâu bọ, mà chẳng có đầu đuôi ? (L'oiseau-fusée của Joan Miro) Cái gì dăn dúm sù sì lúc nhúc, không phải đất, không phải rêu, không phải vỏ cây ? được dẫn giải mới biết là bao tải rách (họa-sỹ Ý Burri dùng những miếng bao này dán lên tranh).

Sửng sốt rồi bực bội, tôi tự hỏi có phải hội-họa phương Tây, cũng như thi ca, đến lúc suy đồi lăn xuống vực thẳm ? Thời xưa, người Âu-Châu hay vẽ các tánh-thích Công-giáo cũng như người Hy-Lạp La-Mã hay vẽ thần-thoại : vẽ Chúa Jésus, Thánh-Mẫu Marie, thiên đường, địa-ngục... Rồi vẽ những hình danh nhân, mỹ-nữ, những cảnh lịch-sử, chiến trường, những vẻ đẹp ở con người hay tạo-vật, hoặc những cảnh đời sống hàng ngày trong xã-hội, ở cung-đình, thành-thị, thôn-dã. Họ tin tưởng hay hoài nghi, hy vọng hay thất vọng, mơ mộng hay châm biếm, thương yêu giận tiếc buồn vui, dù dụng trí hay buông tình, họ vẫn không quá những mức độ khiến cho ta cảm tưởng sa-đọa loạn-cuồng. Họ đi từ thiêng liêng cao mạnh, qua yêu kiều tình-tứ đến thiết-thực máy móc là cùng, chớ không quái-dị. Tại sao từ cuối thế-kỷ thứ XIX tới nay, họ cứ xa dần mãi những gì được coi từ xưa như « Chân, Thiện, Mỹ », và mỗi ngày hội-họa càng hướng mãi về những đề-tài không đẹp, không ý nghĩa gì đối với mọi người, không ai hiểu được nữa ? Chắc cũng phải có nguyên-do gì đây.

Lý của họ tất phải mạnh mẽ, mới đủ làm động-lực thúc đẩy bao nhiêu tài-năng trên đường nghệ-thuật mới, và ưa hay không ưa, chúng ta cần khách-quan và kiên-tâm tìm hiểu.

*
* *

Theo nhiều họa-sỹ nổi danh, cũng như nhiều nhà phê-bình nghệ-thuật (critiques d'art), thì *hội-họa xưa kia chỉ là phương tiện thỏa mãn người đời, ngày nay là một nhu-cầu riêng biệt của họa-sỹ với những đặc-tính của nhu-cầu đó.*

Phương tiện đó để phụng sự tôn-giáo (tranh thần Hy-Lạp, tranh thánh Trung-Cổ và sau này) — để phụng sự đạo-đức (tranh khuyến thiện như của Greuze) — để phụng sự chánh-trị (tranh vua chúa, tranh lịch-sử) — để phụng sự vài lớp người trong xã-hội : (tranh gây mỹ-cảm lãng-mạn, khiêu mơ mộng, gợi thất-tình, cho tức cười hay thương nhớ v.v . . .)

Đã là phương-tiện phụng sự, tất phải lệ thuộc những xu-hướng của người đồng-thời, những qui-tắc của giới có uy-quyền uy-tín, như các thánh-đường, các triều-đình, các viện Hàn-Lâm, các học-hiệu. Song những luồng dư-luận nhất-thời của phàm-nhân, cũng như bao nhiêu khuôn-khổ thế-lệ, đều cản trở bó

buộc sự phát triển tài-năng. Như nghệ-thuật cổ-điển thời Louis XIV đòi hỏi trật-tự, điều-độ, qui-mô định theo lý-trí, và bắt vẽ cho ngay ngắn, cân đối, đường hoàng, rút cuộc đi tới những bức tranh tẻ ngắt và lạnh lùng như đá của « họa-bá » Poussin, những nét màu diêm dúa hời hợt của Boucher, hay vô-duyên vô-hồn của Bouguereau, những điệu bộ của Nã-Phá-Luân và các tướng oai hùng như tướng phường tuồng trên sân khấu (tranh của David, Gros, Géricault, v. v...)

Tranh Võ tướng xung phong thời Nã-phá-Luân đệ nhất (officier des chasseurs à cheval chargeant) của Gé icault. 1812 Tranh. phụng sự, với « đề tài » lịch sử cổ và cho thật oai hùng.

Muốn phụng-sự, tất phải trình bày những gì thích-hợp để chiều đời. Vẽ các bà quí-phái, như De Montespan hay La Pompadour, phải giống và đẹp hơn người thật. Muốn gây mộng diễm-tình, phải có cảnh nước mây dịu mát thuận tiện cho những cuộc ái-ân tâm-sự để giai-nhân tài-tử hẹn hò (Jardin d'amour của Rubens 1632-34) hoặc dập dìu xuống thuyền tình cập bến Cythère (Embarquement pour Cythère của Watteau, 1777, cần tán dương công nghiệp, ghi lại cho hậu-thế bóng vinh-quang của các nhà cầm-quyền (các sa-trường đầy cờ chiến-thắng trong khói lửa, của các đế-vương Louis XIV, Louis XV, Nã-Phá-Luân đệ-nhất, Nã-Phá-Luân đệ-tam...) Những cảnh cần lao cũng đáng thương đáng quí, của người thợ mỏ, người phu làm đường, người nông-dân (tranh Millet, Courbet) v... v... Tóm lại, họa-sĩ vẽ tranh với mục-đích biểu lộ ý-tưởng hay tâm-tình, tả cảnh thực hay mộng, thuật truyện hoang-đường hay đời sống hàng ngày, không khác nào nhà văn nhà thơ dùng văn-tự viết tiểu-thuyết hay buông vần điệu : và muốn hấp dẫn, muốn ve vãn, *đề-tài* ở tranh cũng như ở sách, phải « đáng ghi » « đáng kể » hoặc « nên thơ ».

Nhưng thơ hay, truyện hay, đâu phải tùy ở đề-tài lựa chọn ? *Giá-trị*

nghệ-thuật, là ở tài-năng sáng-tạo và cách-thức thực-hiện tác-phẩm. Bức chân-dung đáng quí, không phải vì nhan-sắc của người trong tranh, nhưng chính ở nét vẽ linh-động của họa-sĩ.

Những cây cỏ, những bộ mặt, những nhà cửa, những tích thuật lại, nghĩa là « đề-tài ngoạn mục » le sujet pittoresque) là phần phụ-thuộc đáng khinh, làm mờ mắt phàm-nhân khiến họ quên mất tài-nghệ của tác - giả. » « Đề tài ngoạn mục » chỉ gợi cảm cho « những kẻ nào không có năng-khiếu « cảm giác hình sắc (émotion picturale). Khán-giả càng không hiểu mỹ-« thuật và kỹ - thuật, càng dễ bị hấp-« dẫn bởi đề-tài ngoạn mục. Đối với « phần đông khách đi coi các viện bảo « tàng ngày chủ-nhật, đề-tài ngoạn-« mục là phần chủ-yếu ở tranh . . . « Những kẻ rung động trước nụ cười « của nàng La Joconde, hoặc tưởng « nghe thấy tiếng chuông khi ngắm « tranh l'Angélus, hay tiếng gió tiếng « sóng trước tranh biển cả của Mo-« net, cũng thuộc một phái khác đáng « thương, không cảm nổi vẻ đẹp « hòa hợp của nét và mầu. Một hạng « nạn - nhân khác, là những kẻ muốn « thấy ở tranh trăm thứ mà họa - sỹ « chẳng hề nghĩ tới : nào nhân - đạo, « nào dục - tình, nào lòng thương mến... » (1).

Đó là lời danh-họa Paul Signac, và tuy thuộc môn-phái Tân Trực - cảm (néo- Impressionnisme) ông đã nói hộ như phát-ngôn-viên cho đại đa-số họa sỹ từ đầu thế-kỷ tới nay. Một họa-sỹ khác, Maurice Denis, tuy ôn - hòa, cũng viết một câu mà rất nhiều nhà phê-bình đã nhắc lại, vì vạch rõ được hơn hết đặc-tính căn-bản của hội họa ngày nay : theo ông, khi vẽ con ngựa chiến, hay người đàn bà khỏa thân, hoặc thuật một tích gì, họa - sỹ chỉ mượn những hình thể đó mà thực hiện ý-chí sáng tạo, bằng cách sử dụng các nét các mầu theo đường lối riêng.

Vì thế « trước khi là con ngựa « chiến, người đàn bà khỏa thân, hoặc « một tích gì, bức tranh trước hết và « cần nhất là *một diện tích phẳng. tô « bằng những mầu xếp đặt theo một lề lối nào đó* (Un tableau — avant d'être un cheval de bataille, une femme nue, ou une quelconque anecdote — est essentiellement *une surface plane recouverte de couleurs en un certain ordre assemblées*). Maurice Denis, de l'Institut de France.

---

(1) Le sujet pittoresque, comme facteur d'émotion, n'agis que sur ceux qui sont incapables d'émotion picturale. Moins l'observateur est sensible à l'expression esthétique ou technique, plus il est sensible au sujet. Pour la plupart des visiteurs dominicaux de musées, le sujet est tout... Ceux qui tremblent d'émotion devant le sourire de la Joconde, qui entendent le son des cloches dans l'Angélus, ou le bruit du vent et de la mer devant les marines de C. Monet, forment une autre catégorie, tout aussi déplorablement insensible *aux harmonies des lignes et des couleurs*. Une classe d'autres victimes est composée par ceux qui veulent voir dans la peinture un tas de choses, à quoi le peintre n'a pas songé : humanité, sensualité, tendresse etc... *Paul Signac* : Le sujet en peinture, le pittoresque et le pictural).

Tranh cá vàng « Poisson rouge et sculpture » của H. Matisse, 1911.
« Đề-tài ngoạn-mục » không có gì đáng chú ý.

Nói một cách khác, đáng chú ý nhất và cần chú ý nhất ở một bức tranh, là sự hòa hợp của các ánh sắc và của nét hình « harmonies des couleurs et des lignes), còn mượn cảnh gì, vật gì, tích gì để đi tới sự hòa hợp đó, không quan - trọng chút nào.

Manet vẽ Clémenceau không giống Clémencaeu, nhưng người ta nhận thấy ngay lối vẽ đặc-biệt của Manet. Họa-sỹ chỉ mượn mặt Clémenceau để biểu lộ một trạng-thái tâm-hồn mình, và có như vậy tài-năng mới khỏi lệ-thuộc ngoại-vật ngoại-cảnh, nghĩa là đề-tài ngoạn-mục, mà phát huy bằng

nét và mầu ; và hội-họa không còn mục-đích chiều ý vui mắt người đời, mới thành nghệ-thuật hoàn-toàn vì có tự-do sáng tạo (autonomie de la peinture).

André Malraux, tác-giả cuốn nghiên-cứu phê-bình nổi tiếng « Les voix du Silence », đã quả quyết : « *Đề-tài « ngoạn-mục phải mất*, vì một đề-tài « mới đã « nảy ra để gạt lùi tất cả các « đề-tài khác : đó là sự hiện-diện « lẫn át của cá-nhân họa-sỹ. « Muốn Manet vẽ được chân- « dung Clémenceau, phải để cho « họa-sỹ phơi hết bản-ngã ra « bức tranh, còn về phần Clé- « menceau, thì ít lắm. (*Le sujet doit disparaître* parce qu'un nouveau sujet paraît, qui va rejeter tous les autres : la présence dominatrice du peintre lui-même. Pour que Manet puisse peindre le portrait de Clémenceau, il faut qu'il ait résolu d'oser y être tout, et Clémenceau, presque rien).

***

Sự thoát-ly của hội-họa đối với đề-tài, đã có ý-nghĩa gì và kết-quả như thế nào ?

mơ huyền - ảo, cũng như nhiều âm-thanh nếu khéo liên hợp dung hòa, có thể thành bài du-dương (Mélodie) hà tất theo một đề-tài đầy nghĩa-lý hay hợp những tình chi có danh-từ

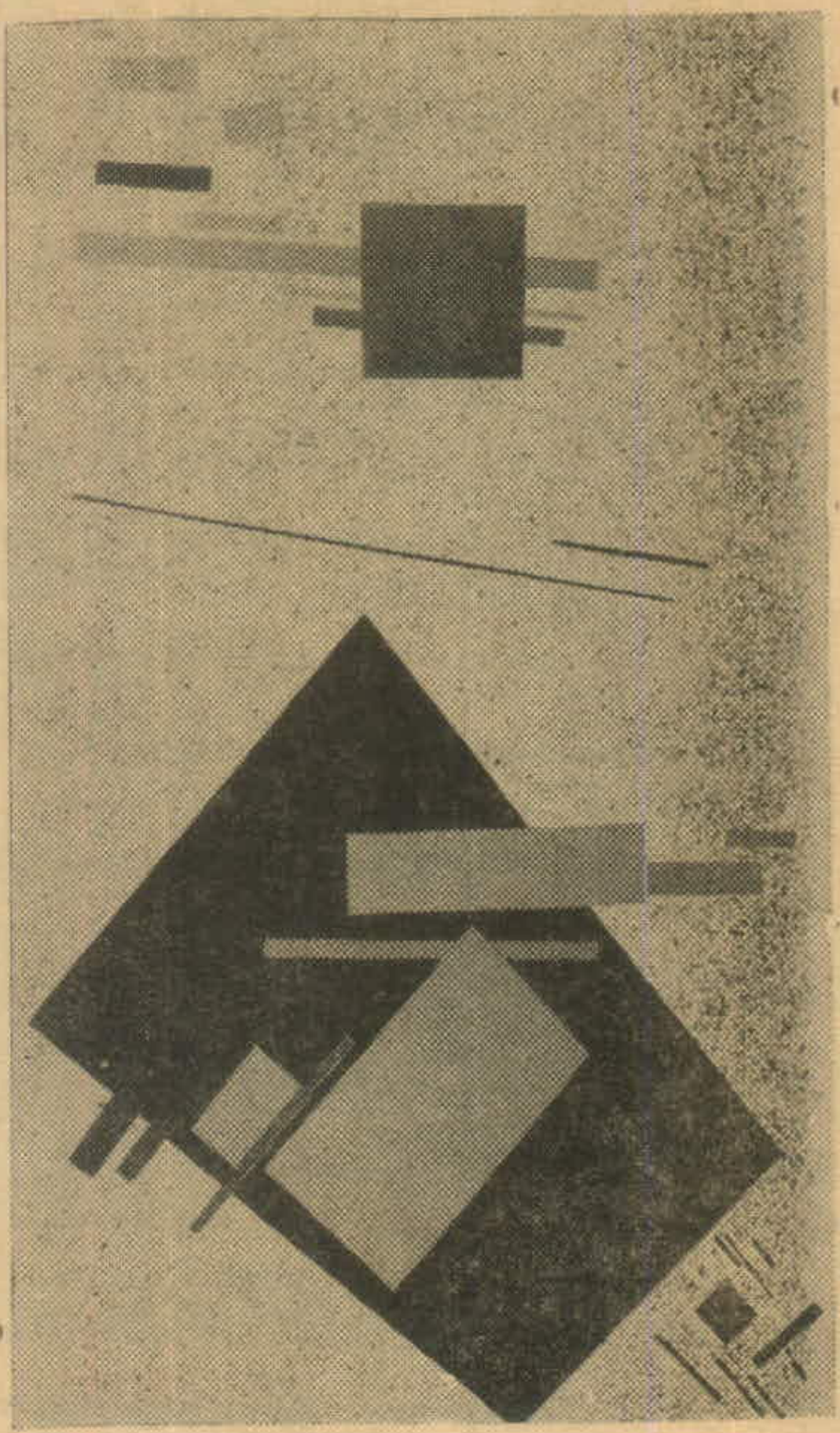

Tranh Compotion « suprématiste » của Malevitch 1915. Không có « đề tài » chỉ có nét hình và màu.

Thiết nghĩ hội - họa cũng cần được giải - phóng như thơ và nhạc. Làm nhạc, làm thơ, có cần chi kể lể sự tích, tả rõ sự vật, hoặc tưởng tượng những cảnh-trạng gì khiến người nghe người đọc hình-dung được ? Thơ « thuần-túy » của Mallarmé thường lơ chỉ rõ ? Vậy sao không thừa nhận cho họa-sĩ quyền đó ?

Tranh trừu-tượng « L'Arc Noir » 1912 của Kandinsky, chỉ là một sô vệt sơn nâu xám hồng xanh và nét xẫm nét mờ buông phóng ; tranh trừu-tượng « Composition supréma-

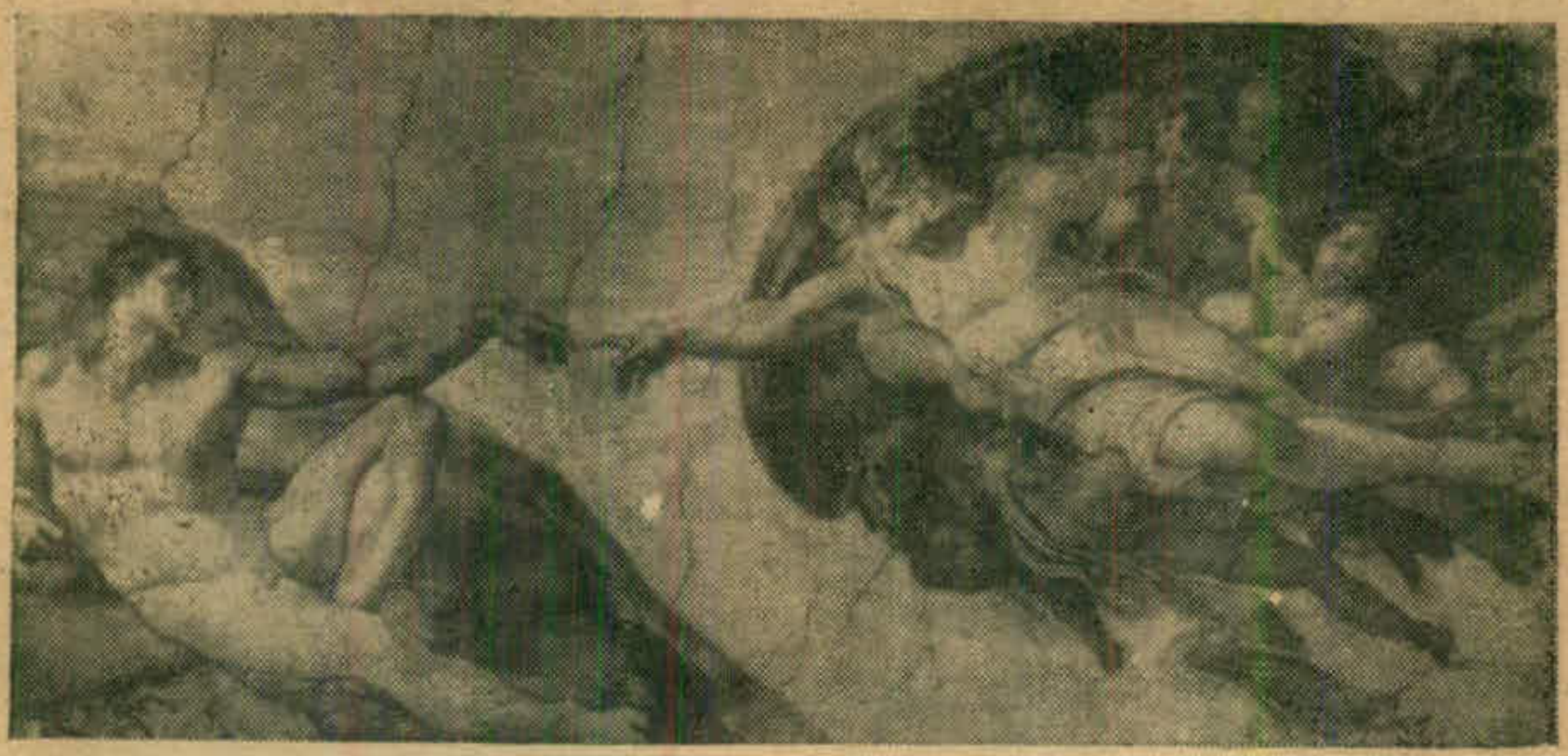

Tranh « A-Dong » giáng sinh » của Michel Ange, 1508-1512. « Đề tài » là cả một sự tích.

tiste » 1915 của Malévitch chỉ như một tấm vải dán vài miếng giấy màu, hình vuông, hình chữ nhật đỏ vàng tím xanh (1)... Ngắm kỹ, dù lạ mắt, cũng thấy vẻ đẹp riêng do sự hòa-hợp các nét, các hình, các sắc.

Vả chăng, có buông tha cây chổi lông, không ràng buộc vào những qui-lệ thẩm - mỹ, thì hội - họa mới tiến-triển mạnh và mạnh thật : nếu trong bốn thế-kỷ trước chỉ có một vài nhóm đều qui phục nghệ-thuật cổ-điển, thì từ giữa thế-kỷ XIX đến nay, sổ môn-phái xuất hiện nhan nhản, nhiều trào-lưu bồng bột phát sinh, ít nhất cũng dăm bảy ngành lan rộng. Bỏ đề - tài, hội-họa đã từ hữu-hình cụ-thể (art figuratif, représentatif) đi tới siêu-hình trừu-tượng (art non-figuratif, abstrait).

Song nếu những thể-lệ trói buộc các tài - năng vào những khuôn khổ cứng nhắc để dễ mắc nạn giả-tạo vô-duyên, thì cách phóng thả tự-do cá-nhân dễ đưa và đã đưa tới lạm-dụng cùng lập-dị không lợi gì cho họa-sĩ, lại khổ cho mắt và lòng người xem tranh.

Những ông tướng, những ông vua có thái-độ kép tuồng, những phong-cảnh phải vẽ cho thật cân đối và giả vờ có bề sâu (perspective), kể cũng đáng chán. Song chưa ai phủ nhận tài và đẹp của những bậc thày cổ-điển Léonard de Vinci, Michel - Ange, Raphaël. Vẽ không thành hẳn cảnh vật gì, cũng có chất thơ truyền cảm, đó là kỳ-thú mà một số họa-sĩ lớp sau này đã cống hiến cho nhân - loại ; nhưng vứt vào mắt chúng ta những thứ trông như đống gạch đống đá lộn xộn, những hình sắc kèm lẫn cả nhiều mảnh giấy lộn dán lên trên (tableaux cubistes avec papiers collés như bức Le Hollandais của Braque), những hình quái gở như lưỡi sẻng gắn cả những miếng thép và đinh ốc (như bức họa nổi của Kemeny) hoặc một tấm xù xì lẫn cả đất cát,

(1) Nhóm này vẽ những gì không có thực, không giống sự vật gì có thực, không thành hình thể gì có tên gọi.

xi-măng (như Ocre Gris của Antonio Tapiès). Thật là quá lắm, và lăng nhăng như vậy, vì chẳng cần chi đề-tài ngoạn-mục (1).

Sự thái quá đã gây những phản-ứng khá mạnh. Ngay từ 1920-1924, một số họa-sỹ Pháp, Ý, Nga trắng, trong nhóm « Ecole de Paris » gồm cả Foujita, Kokoschka, Chagall, Soutine, Modigliani, đã rời bỏ lối trừu-tượng vô-đề mà trở lại những sắc hình cụ-thể. Sau Đại-chiến II, nhóm « Nhân-chứng, L'homme Témoin », với Thompson, Charazac, B.Buffet, lại còn phản đối kịch liệt hơn những lối vẽ siêu-hình kỳ-dị (2) : họ chủ trương rằng hội-họa phải hướng về con người với mọi trạng-thái tâm-tình hay thân-thể, mọi nỗi buồn vui. Kế đến 1953, một nhóm họa-sỹ thanh-niên khác « La jeune Peinture », dứt khoát quay về « đề-tài », căn cứ vào thực-tế và nhân-loại, và họ đã được dư-luận nâng đỡ ; cứ nghe đề-tài cũng đủ rõ xu-hướng của họ : « Đầu lợn rừng, Tête de sanglier » của R.Guerrier, được giải thưởng Prix des Jeunes Peintres 1953 ; — Người bán trái vả, Marchand de Figues » của Jansem, được giải Prix Antral 1953 ; — « Những kẻ lát đường, Les Paveurs »

Tranh « Ocre gris » của antonio Tapiès chộn lẫn cả cát và si-măng.

của Lublin, được giải Prix Benveniste 1955...

Theo thiển ý, các phong-trào kể trên đều có ích chung cho hội-họa, bổ túc lẫn cho nhau và kiểm chế bớt những sự quá đà, chớ không nên coi là những sự xung-đột có mục-đích phá-hoại. Và dù các họa-sỹ tìm kiếm bàn cãi thế nào để sáng tác theo quyền tự-do của họ, thì khán-giả chúng ta cũng chiếu quyền tự do mà lựa chọn ưa thích, không nên một mực phủ nhận xu-hướng nào cả. Trái lại, với thái-độ bao dung rộng rãi, ta thấy

---

(1) Jardin des Arts — số đặc biệt tháng 4/1960.

(2) « Chúng ta cần xét lại xem có phải quả thực « thế-giới thuộc về bọn nấu rượu tốn công gạn lọc « những nguyên-chất, bọn trừu-tượng, bọn cắt cái « tóc ra làm bốn ?... Ta phải vẽ con người đương « sống, với những niềm vui, những đau khổ, lòng « kiêu ngạo, các mặc-cảm, các tâm-tình, các bắp « thịt của con người đó ».

(Il s'agit de savoir si le monde appartient aux distillateurs de quintessence, abstracteurs, coupeurs de cheveux en quatre... Il faut peindre l'homme vivant, avec ses joies, ses souffrances, son orgueil, ses réflexes, ses sentiments, ses muscles.— Theo *R.Genaille* — La Peinture contemporaine — Les problèmes récents.)

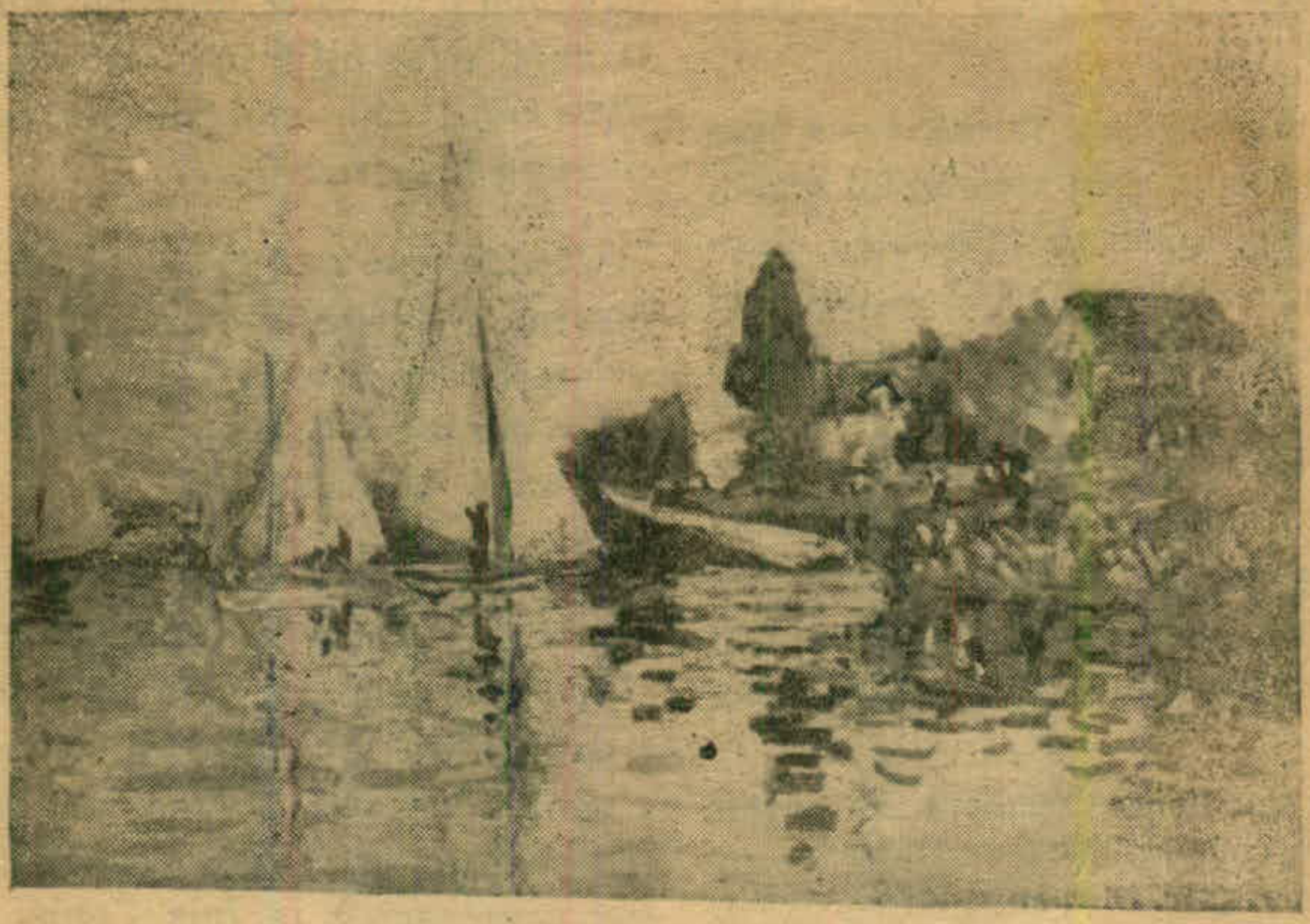

Tranh Claude Monet « Régates d'argenteuil » 1873. Chỉ nên thưởng thức nét màu, hay cũng còn có thể mơ màng vì phong cảnh, bỉ « đề tài » ?

môn phái nào có tiếng, cũng đã thành công và cho nhân-loại những họa - phẩm đáng quí : giữ hay bỏ đề-tài ngoạn - mục, cũng vẫn có thể rung động lòng ta. Ngắm nhiều mỹ - nhân của Renoir, người xem có thể vừa phục màu và nét vẽ, vừa mơ nhan - sắc người trong tranh : sao lại cấm ? Họa sỹ xét tác - phẩm của đồng - nghiệp, mới chú trọng nhất đến đường lối vẽ, cũng như thi-sỹ đọc thơ của nhau mới hay thắc mắc về thể cách vần điệu : vẫn biết người xem tranh hay đọc thơ cũng cần tìm hiểu để nhận xét cho công minh, nhưng tại sao không cho phép rung động nhân thể về tích truyện, về cảnh vật trông thấy, nghĩa là về « đề-tài » ? Tôi phục ánh sắc của Monet, song có hại gì, nếu tôi ước mơ vì thích thú, được đến rong thuyền ở Argenteuil để thưởng ngoạn cây cỏ nước mây mà vẻ đẹp tươi sáng đã hiện trên tranh ? Cũng như Chu-Mạnh-Trinh vừa ưa vần điệu Nguyễn - Du, vừa khóc Thúy-Kiều bạc mệnh, nếu thành-thực, thì có hại gì đến sự thông - cảm với tác - giả Đoạn - Trường Tân-Thanh ?

Theo Paul Signac, hiểu một bức tranh, hiểu tại sao và bằng cách gì nó rung động ta, là hiểu biết họa-phẩm đó đã được họa-sỹ quan-niệm cấu tạo như thế nào và thực hiện bằng những phương-tiện kỹ-thuật gì, là chia xẻ cảm - hứng

cùng họa-sỹ và ý niệm được cách-thức vẽ (1).

Song thưởng thức tài-nghệ của họa-sỹ chỉ là một điều-kiện ngắm tranh, chớ không phải là điều-kiện duy-nhất : người ta xem, không phải chỉ để bái phục nghệ-sỹ, mà còn tìm hứng thú (délectation). Nhiều nghệ - sỹ các ngành hiện nay chủ - trương rằng mục-đích nghệ-thuật không phải là cung-cấp hứng thú nữa, mà để tìm hiểu sự vật (un moyen de connaissance) hoặc để sáng-tạo ra một vũ-trụ riêng (création d'un autre univers), song đó là một quan-niệm quá cao xa, cần dành riêng cho một thiểu-số xét về phương-diện triết-lý.

Còn đối với đại đa-số chỉ muốn có ý-niệm tối - thiểu về hội-họa, thiết tưởng không gì bằng giữ một thái-độ dung hòa mà Baudelaire, thi-hào kiêm phê-bình hội-họa, đã bày tỏ hộ chúng ta :

« Hội - họa tạo ra một sự huyền-
« diệu gợi cảm trong đó vừa có đối-
« tượng vừa có chủ-động, vừa thấy
« ngoại-cảnh vừa thấy tâm-hồn họa-sỹ
(La peinture crée une magie suggestive contenant à la fois l'objet et le sujet, le monde extérieur à l'artiste et l'artiste lui-même).

Đ. T.

Kỳ sau sẽ tiếp : Thử tìm hiểu hội-họa : II/ Sao lại thế ?

(1) La meilleure manière de savoir comment comprendre un tableau, de savoir pourquoi et par quoi il émeut, c'est de savoir et de comprendre comment ce tableau a été conçu, senti, pourquoi et par quels moyens il a été réalisé. Comprendre la signification d'un tableau, c'est partager l' émotion et le travail du peintre devant le motif P. Signac.

THƠ BÙI-KHÁNH-ĐẢN

BÀI THƠ KHÔNG GỬI

tặng Ng.v.Thư

Thơ viết bao lần định gửi anh
Xem xong lại thấy thẹn cho mình
Đời qua dâu biển tình phai thắm
Thân góp phong trần mộng hết xanh
Vắng tựa canh khuya đò cổ-độ
Buồn hơn xuân sớm linh biến-thành
Từng tờ lịch sé, vùi năm tháng
Dòng chữ không hồn khó kết tinh

B. K. Đ.

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIẾU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GẦY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC

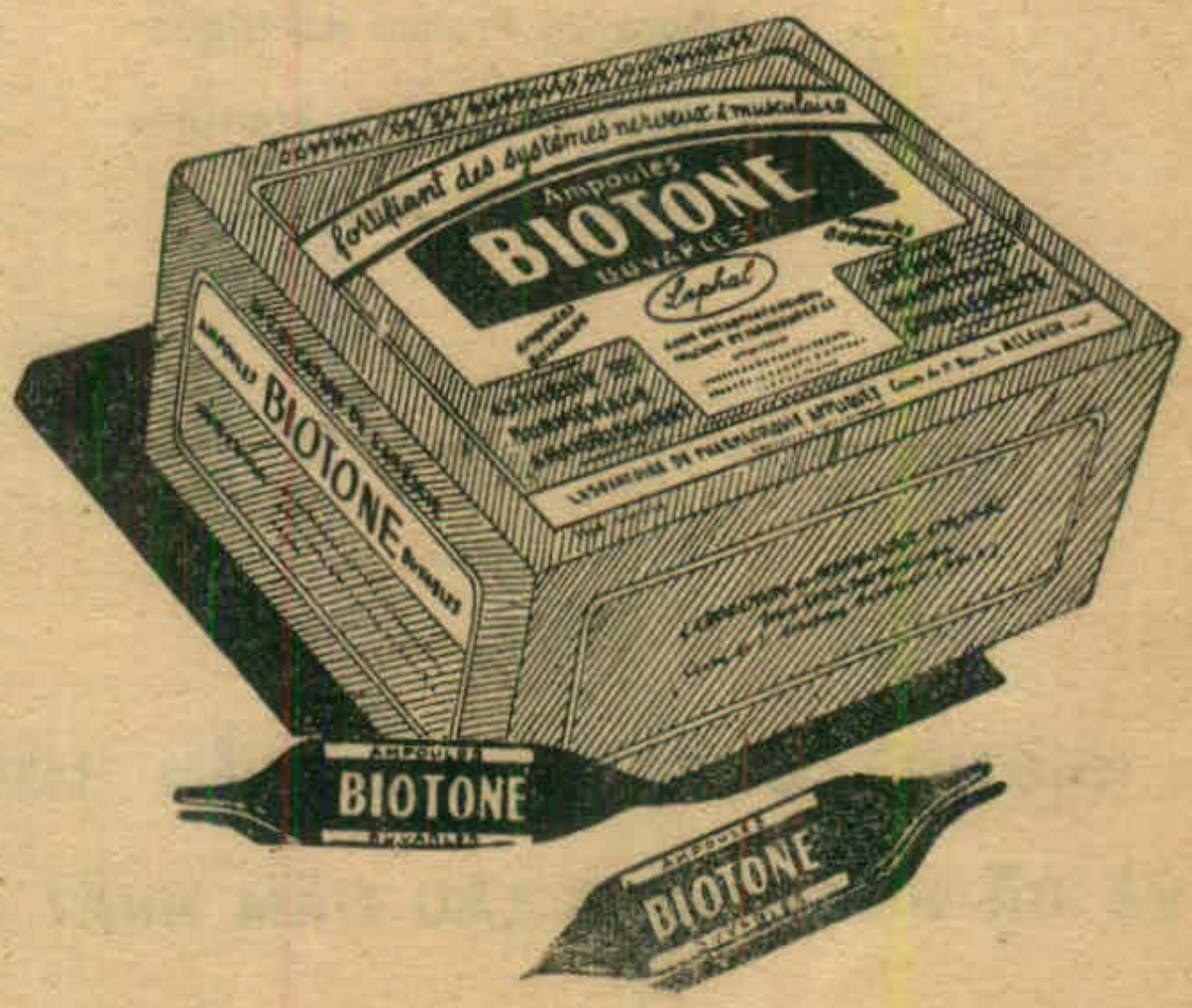

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY

HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY

TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

Nhân đọc bài của Ô. Nguyễn-Thiệu-Lâu.

Phải chăng vua Gia-Long và vua Quang-Trung là hai anh em bạn rể ?

★ *BỬU-KẾ*

Số Bách khoa 99, xuất bản ngày 15-1-61, Ô. Nguyễn-Thiệu-Lâu có viết một bài nhan đề : « Lăng Hoàng Đế Quang-Trung ? » trong đó có một đoạn ngắn-ngắn như sau :

« Nhưng Ngọc-Hân công-chúa, con gái vua Lê và là Hoàng-Hậu hay quí-phi của Hoàng đế Quang Trung được tha tội chết và được tuyển vào hầu hạ Hoàng-đế Gia-Long ở trong cung... »

Tuy chỉ một đoạn ngắn, nhưng mà là cả một vấn-đề có liên quan đến lịch-sử, tưởng chúng ta cần xem-xét lại. Đó là vấn-đề vua Gia-Long và Ngọc-Hân công chúa. Hình như câu chuyện nầy trước đây, có một vài tờ báo nào đó đã đề-cập đến. Nhưng hồi ấy hoặc vì tôi đang còn nhỏ hoặc bận vì công việc khác, nên rồi bỏ qua, thành thử bây giờ không còn nhớ một mảy may nào cả.

Câu chuyện vua Gia-Long kết-duyên với Ngọc-Hân công chúa ở Huế vẫn có dư-luận đó, nhưng riêng về phần tôi, tôi không tin. Tôi chỉ bằng theo lý-luận thông-thường xét đoán những người của thế-hệ trước, chứ không bằng theo sử-sách nào cả. Đối với thời đại của chúng ta, việc vua Gia-Long lấy Ngọc-Hân Công-chúa không có gì là lạ. Nhưng thời bấy giờ mặc dầu là vua chúa, vẫn bị triều-đình chi-phối, lễ nghi ràng buộc. Đã lên ngôi thì thiếu gì cung phi mỹ-nữ, hà tất phải hưởng một « của thừa » do kẻ thù để lại ?

Còn Ngọc - Hân Công chúa đã từng được vua Quang - Trung phong Bắc cung Hoàng-hậu (Lập Lê-thị-Ngọc-Hân vi Bắc cung Hoàng hậu, đích tử Quang Toản vi Thái tử... Đại nam liệt truyện sơ tập) và qua bài Ai-tư vãn, ta thấy mối tình của bà đối với vua Tây-sơn rất nồng nàn, thế sao lại chịu thất thân với kẻ khác ?

Cũng có những trường-hợp không thể chống-chọi được, nhất là đuối với một người đàn-bà yếu đối. Nhưng đây lại khác.

Như ta đã thấy, trước khi thắng đến Kinh-Đô Phú-Xuân, vua Gia-Long còn phải chiến đấu ở Thi-Nại, rồi cửa Tư-Hiền, sông Trường-Hà mới vào được cửa Duyên-Hải (Cửa Thuận-An) để lên Phú-Xuân. Vua Quang-Toản đủ thì giờ để đem theo đồ châu báu ra Bắc. Thế sao trong khi Quang-Toản bỏ chạy Ngọc-Hân lại không chạy theo, ở lại làm gì trong cung để trở thành vợ của kẻ địch ?

Ngoài cái dư luận nói trên, ta thấy trong Bulletin des Amis du Vieux Hnế, số 4 năm 1941, Ông Việt-Thường có viết một bài, nói về mối tình duyên giữa vua Gia-Long và bà Ngọc-Hân. Đọc bài nầy ta có cảm-tưởng như đọc một thiên truyện ngắn, vì không thấy tác-giả nêu lên những sách đã tham-khảo.

Bài đó đầu đề là : Les caprices du Génie des mariages ou l'extraordinaire destinée de la Princesse Ngọc-Hân (Những sự bất thường của Ông Tơ hay duyên số ly-kỳ của Ngọc-Hân công chúa) Nhưng rất tiếc là tác-giả không cho ta biết đã tham-khảo sách nào để viết bài ấy. Trước khi vào bài, tác giả có dẫn hai câu ca dao, dịch ra tiếng Pháp nhưng không có câu tiếng Việt kèm theo :

Quel rare destin que celui de cette femme :
Fille de roi, elle épouse successivement deux rois.
(Chanson populaire)

Câu ca dao trên nầy thì tôi vẫn thuộc, nhưng có một vài chữ khác với câu dịch của ông Việt-Thường :

Số đâu có số lạ đời,
Con vua mà lại hai đời chồng vua.

Mở đầu, tác giả nói rằng những du-khách đến viếng Cố-đô Huế, không khỏi ngạc-nhiên trước vẻ huy-hoàng nhưng u-buồn của cung điện lâu đài tản mác đó đây hoặc ở vùng quê hoặc trên đồi núi. Trong số các điện dài ấy, nhà thờ của hai ông Hoàng Quảng-oai Quận-công và Thường Tín Quận-công nhắc nhở ta nhớ đến cuộc tình duyên của Ngọc-Hân công chúa, người đã từng làm vợ hai vị anh hùng của Việt-Nam Nguyễn-Huệ (Quang-Trung) và Nguyễn-Ánh (Gia-Long) là hai kẻ thù không đội trời chung.

Tiếp theo đó, tác giả nói đến cuộc chiến tranh giữa Tây-Sơn và nhà Nguyễn. Nguyễn-Ánh tròn qua Xiêm để tổ chức lại quân đội, trong khi đó Nguyễn-Huệ chiếm cứ tỉnh nầy đến tỉnh khác. Lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh, sau khi thắng một trận lớn tại sông Vị-Hoàng, Nguyễn-Huệ và Nguyễn-hữu-Chỉnh kéo quân ra Kinh-đô Thăng-Long.

Nguyễn-Huệ yết kiến vua Lê-Hiển-Tôn và tỏ lòng trung thành với Ngài. Vua Lê phong cho Huệ chức Nguyên-Soái Phụ chính Dực võ Úy Quốc công và gả con gái là Ngọc-Hân Công-chúa.

Sau đó Nguyễn-Huệ lên ngôi Hoàng-đế lấy niên hiệu là Quang-Trung (1788), và Ngọc-Hân trở thành Hoàng-hậu. Nhưng qua đến năm Nhâm tý (1792), Quang-Trung bị bệnh mà mất để Ngọc-Hân lại trong cảnh góa bụa sống cô đơn trong cung để khóc người chồng quá cố và chôn vùi nhan sắc nguyệt thẹn hoa nhường.

Quang-Toản nối ngôi cha, lấy niên hiệu Cảnh - Thịnh nhưng từ đó quân Tây-Sơn trở nên suy yếu.

Năm 1801, vua Gia-Long đánh lấy Phú-Xuân. Vua Cảnh-Thịnh lúc ấy 19 tuổi, thất bại chạy ra Bắc.

Cuộc thất trận của Tây-Sơn và việc vua Cảnh-Thịnh chạy trốn như cả một tiếng sét đối với Ngọc-Hân, từ nay rơi vào trong tay chúa Nguyễn.

Đoạn trên đây, tôi lược thuật theo thứ tự trong bài của Ô. Việt-Thường, nay đến đoạn nói về cuộc tình duyên Gia-Long Ngọc-Hân tôi xin dịch hết cả đoạn để độc giả được tường-tận :

« Một hôm, dưới ánh sáng mờ nhạt của ngọn đèn, Ngọc - Hân thấy một người đàn ông lực - lưỡng và uy - nghi lẫm-liệt, tiến về phía bà và cúi chào.

« Công chúa run lên khi trông thấy người đàn ông ấy xuất hiện nhưng cũng đánh liều hỏi một câu :

— Nầy võ tướng của Nguyễn quân, ngươi muốn gì ta ?

Người kia đáp : Không, bà đừng sợ. Võ tướng của quân Nguyễn cũng là người và có lẽ còn nhân-đạo hơn một võ tướng của Tây-Sơn nữa.

Trong khi Ngọc-Hân im lặng, thì người kia tiếp :

— Việc dầu xảy ra thế nào, cung điện này cũng vẫn là của bà.

— Nhưng thưa tướng quân, cung điện này đối với tôi chỉ là một ngục-thất. Ngọc-Hân đáp thế rồi nước mắt chan hòa. Trong nỗi đau thương, bà đã cho vị võ tướng trông thấy cái nhan sắc rực rỡ của mình.

Muốn tôn trọng nỗi khổ đau của Ngọc-Hân, viên võ tướng vô danh ngỏ vài lời an ủi rồi cáo từ.

Sau một đêm mất ngủ, công-chúa mệt lả cả người, trở dậy giữa những tiếng chim hót vui vẻ và hình như còn nghe cả tiếng gào thét của binh sĩ đang đánh Kinh-thành. Lòng đau khổ, công-chúa không nghĩ đến việc điểm trang, bỗng thấy một người mang huy-hiệu quân-vương, đi đến. Công - chúa nhận ra là viên võ tướng vô danh hôm qua. Đó chính là Nguyễn-Ánh.

Ngọc-Hân công-chúa đứng dậy, xin lỗi về sự lầm lẫn của mình.

Nguyễn-Ánh mỉm cười, nói :

« Bà là một vị Hoàng-hậu anh minh. Bà cũng biết rằng, mặc dầu có những cuộc đổi thay, giang-san Việt vẫn còn như cũ. Bà cũng nên khuây khỏa, dẹp nỗi ưu phiền, những cung điện này sẽ thuộc quyền sở hữu của bà mãi mãi.

— Tâu Hoàng-thượng, chúng tôi xin cảm tạ những lời vàng ngọc. Nhưng... Tiếng nấc và dòng lệ đau thương tràn xuống đã làm cho Ngọc - Hân công-chúa nghẹn ngào không sao nói tiếp được nữa

Một hôm, trong một buổi thiết triều, viên đại-thần hoạn quan Lê-văn Duyệt đã đưa ra những lời bình phẩm Nguyễn-Ánh như sau :

Chúng ta tuy thắng nhưng kẻ thù chưa hẳn đã bại. Chúng tôi không thể nào để Bệ - hạ bị một người đàn bà làm mê hoặc đến nỗi công - trình đeo đuổi trong bao năm nay giờ đây phải bỏ dở. Xin Bệ - hạ tha tội cho chúng tôi, mặc dầu người đàn bà ấy nhan sắc diễm lệ tuyệt vời nhưng cũng vẫn là vợ của kẻ thù - nghịch. Gái đẹp nào có thiếu gì, Bệ-Hạ không nên

vì một người đàn bà mà đề phạm đến uy-danh. Chúng tôi mong Bệ-hạ suy nghĩ lại.

Nguyễn-Ánh mỉm cười, điềm tĩnh đáp :

— Khanh nói phải. Đàn bà đẹp nhiều thật. Nhưng không có một người nào vừa ý trẫm thì sao ? Ngọc Hân là vợ của kẻ phản-nghịch, câu nói ấy thật là tàn ác. Ngọc-Hân chỉ là một người đàn bà như bao nhiêu người đàn bà khác, đáng yêu, đáng kính và trẫm chắc rằng trên đời không có được một người đàn bà thứ hai như thế nữa. Sau khi biết được Công-chúa, trẫm không còn muốn thương yêu ai nữa. Trong 24 năm chiến-chinh, Trẫm không một giờ phút nào xao lãng bổn phận của một tướng lãnh, mặc dầu trải qua bao nỗi gian - nguy. Khanh nên tin chắc rằng : Ngày hôm nay, không thể nào vì một người đàn bà mà trẫm từ bỏ nhiệm-vụ. Tình-ái là tình-ái, nào có liên quan gì đến mục đích cao cả mà trẫm đang đeo đuổi hay là ý chí thành tựu của Trẫm đâu ? Hậu thế sẽ không trách cứ gì một ông Vua đã trót thương yêu, và chắc Khanh với Đình-thần cũng vậy.

Trước ý-chí cương-quyết của Nguyễn-Ánh, triều-đình đành thúc thủ và Ngọc-Hân vui vầy duyên mới, để khuây lãng niềm xưa.

Qua năm 1802, Nguyễn - Ánh tức vị Hoàng-đế lấy niên hiệu là Gia-Long. Lúc sinh thời vua Lê-Hiển-Tông có đặt mua tại Trung-quốc săn gỗ đã chạm trổ sẵn để làm cung điện. Khi gỗ sang đến nơi thì Ngài đã thăng hà. Người thầu gửi thẳng ra Huế. Vua Gia-Long muốn làm vui lòng bà Ngọc-Hân, con vua Lê-Hiển-Tông, nên nhận số gỗ đó để dựng lên một cái điện nguy-nga trong Đại nội. Người ta bảo chính là điện Cần-chánh ngày nay vậy. »

Cuộc gặp gỡ giữa vua Gia - Long và Ngọc-Hân công chúa cũng như cuộc đối thoại giữa vua Gia-Long và Lê-văn-Duyệt không rõ ông Việt-Thường đã dựa theo tài liệu nào đã viết, hay là do trí tưởng tượng của tác giả.

Về việc lấy Kinh-đô Phú-Xuân, trong sử chỉ chép : « Giặc nghe đại-binh đến, bỏ chạy cả, lấy được hết thảy binh thuyền và khí giới ; đại binh kéo thẳng vào Phú-Xuân, Quang - Toản đem đồ quí báu bỏ thành chạy ra Bắc ; Ngài (vua Gia-Long) ngự vào thành, coi khắp các cung khuyết ; lấy được 13 cái ngụy ấn, 33 bản ngụy sách ; niêm phong kho tàng, tịch biên tiền của, cấm quân không được nhiều hại, để cho yên dân. »

Việc gặp Ngọc-Hân công chúa không thấy nói đến. Còn câu chuyện vua Gia-Long dùng gỗ của vua Lê-Hiển-Tông gởi mua ở Trung-quốc để dựng điện Cần-chánh thì trong khi đọc những bài viết về điện Cần-chánh, tôi không thấy nói đến.

Đoạn văn của Ông Nguyễn-Thiệu-Lâu tôi trích ở trên, không rõ Ông kê cứu ở sách nào hay chỉ nghe theo dư-luận.

Riêng về phần tôi, tôi nghi rằng có lẽ ông đã bị ảnh hưởng bài báo của ông Việt-Thường mà tôi vừa dịch ở trên, vì cũng ngay trong số Bulletin des Amis du Vieux Huế ấy, cạnh bài của Ông Nguyễn-Thiệu-Lâu viết về Minh-Hương ở Faifo.

Đi ngược lại với Ông Nguyễn-Thiệu-Lâu, Ông Việt - Thường cùng là dư luận của một số người về việc nầy, chúng ta thấy có các ông Ngô-Tất-Tố trong quyển Thi văn bình-chú và Hoàng-Thúc-Trâm trong quyển Quốc-Văn đời Tây-Sơn.

Trước khi đưa ra những ý-kiến trái ngược, Ông Hoàng-Thúc-Trâm nhắc lại hai giả thuyết :

1o — Sau khi Tây-Sơn bị diệt, vua Gia-Long đã lấy bà Ngọc - Hân làm vợ. Đình thần can thì vua bảo : Giang sơn nầy cái gì chẳng phải mình lấy lại của Tây-Sơn, lựa là một đàn bà ?

2o — Sau khi nhà Tây-Sơn mất, bà Ngọc-Hân cùng hai con, một trai, một gái, giả dạng con người lái buôn trốn vào một miền hẻo lánh tỉnh Quảng - Ngãi nhưng sau đó tung tích bị bại lộ, bà và hai con đều bị nhà Nguyễn bắt tội chết.

Để bác hai thuyết này, tác giả có đưa ra để dẫn chứng, 5 bài văn tế bà Ngọc-Hân công chúa. Năm bài nầy đều có phép trong Dụ Am thi tập, tác-giả là Phan-Huy-Ích làm thay thế cho những kẻ khác trong lúc tế Ngọc-Hân công chúa (I bài làm cho vua Cảnh - Thịnh, I bài khác cho công chúa con vua Quang Trung, một bài bà từ cung Nguyễn-Thị-Huyền thân mẫu bà Ngọc-Hân, một bài những người trong Hoàng-tộc nhà Lê và một bài cho bà con bên quê ngoại của công chúa)

Trong đó có những câu :

Nguyệt in phách quế, mái trường thu
vừa giải vẻ làu làu,
Sương ủ hồn hoa, miền thượng uyển
chợt phai mùi thoảng thoảng.

hoặc :

Hẳn non Lam khí vượng đã tàn rồi ?
Nên hương Lãng cảnh khơi mà vội thế ?

(Câu trên : Hai vế nầy ý nói bà Ngọc Hân được lập làm hoàng hậu mới ít năm, đang rực rỡ như vầng trăng vằng vặc, thì đóa thiên hương bỗng tàn tạ (tức là bà chết) làm cho vườn ngự mất thơm.

Câu dưới : Có lẽ cái vượng khí ở Lam sơn là chỗ phát-tích của nhà Lê đến lúc đã tàn vạc, cho nên bây giờ bà Ngọc-Hân mới vội chơi cảnh tiên (sớm mất) như thế ! (Hai câu chú thích trên nầy trích trong sách Quốc văn đời Tây-sơn của Sơn-tùng Hoàng-Thúc-Trâm, trang 35 và trang 81)

Để kết luận, Ô. Hoàng-Thúc-Trâm cả quyết không thể nào có cuộc tình duyên giữa vua Gia-Long và bà Ngọc-Hân được. Vì bà sinh năm 1770 và mất năm 1799, và vua Gia-Long đến năm 1801, tức là hai năm sau mới đánh lấy kinh đô Phú-Xuân.

Khi bà mất, nhà Tây-Sơn truy tôn miếu hiệu là : Như-Ý Trang-Thân, Trinh-Nhất Vũ Hoàng-Hậu.

Nay tôi xin trích tiếp một đoạn của Ô. Ngô-Tất-Tố nói về việc nầy. Tuy giữa Ô. Tố và Ô. Trâm cùng chung một ý kiến, cái ý kiến Ngọc-Hân công chúa không phải là vợ vua Gia-Long, nhưng lại không giống nhau về những điểm khác :

«...Khi nhà Tây Sơn mất nước, bà và con đổi tên họ, lẩn vào ở ẩn ở một làng trong tỉnh Quảng-Nam. Nhưng không bao lâu, có kẻ phát giác bà phải uống thuốc độc tự tử, hai con đều phải thắt cổ.

« Bấy giờ mẹ bà còn sống. Bà cụ họ Nguyễn đời vua Hiển-Tông nhà Lê, được phong làm chức Chiêu-nghi, quê ở làng Phù-Ninh (tục gọi làng Nành, thuộc tổng Hạ-Dương, huyện Đông-Ngàn, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh). Từ khi nhà Lê mất nước, bà ấy vẫn về ở tại làng ấy. Khi được tin con gái và cháu ngoại đều bị chết thảm, bà cụ cực kỳ thương xót, liền thuê người

lần vào Quảng-Nam, lấy trộm cả ba cái xác đưa xuống thuyền vượt biển ra Bắc, đem về chôn ở đồng làng Nành. Cạnh những ngôi mộ đó, bà cụ có lập lên một tòa miếu nhỏ, để thờ con gái và cháu.

« Sau đó chừng năm chục năm, vào khoảng đời vua Thiệu Trị, miếu ấy hình như bị đổ nát. Ở làng Nành có ông Tú tài, nghĩ đến công đức của Chiêu-nghi họ Nguyễn đối với làng mình, bèn đứng lên quyên tiền người làng để sửa lại miếu đó. Chẳng ngờ trong làng có tên phó tổng vốn thù nhau với ông Tú này, được dịp hắn liền vào Huế tố cáo Ông Tú đó lập miếu để thờ nguỵ-hậu.

« Lập tức ở Huế có lệnh truyền ra bắt quan bản hạt phá ngôi miếu đó và khai quật cả ba ngôi mộ của bà và hai người con, lấy hài cốt đem đổ xuống sông. Viên tú tài bị tội rất nặng. Ông Nguyễn-Đăng-Giai lúc ấy được làm tổng-đốc Bắc-Ninh cũng bị đáng cấp về tội « thất-sát ».

« Trong đời Gia-Long ở làng Phù-Ninh, cũng có người được làm cung phi vẫn gọi là bà Chúa Nành. Vì thế người ta tưởng lầm là bà Ngọc-Hân sau có lấy vua Gia-Long. Sự thực thì bà không hề biết mặt vua ấy bao giờ... (Trích Thi văn bình chú của ông Ngô-Tất-Tố, quyển thứ nhất, trang 148-149) »

Tôi cố ý kiểm soát lại những điều Ô. Ngô-Tất-Tố đã viết xem hư thực như thế nào, nhưng không thấy đâu nói đến việc Ngọc-Hân công chúa có con với vua Quang-Trung cả. Đọc trang Liệt-truyện tiền biên sơ tập và trong Thực-lục chính biên Đệ-nhất kỷ, chỉ thấy phép : « ..Quang Toản biết thế không chống nổi cùng em là Quang-Thùy, Quang-Duy, Quang-Thiệu với Tư-mã Nguyễn-văn-Dụng, Nguyễn-văn-Tứ, Đô đốc Tú, vượt sông Nhĩ-hà chạy về hướng bắc. Đến sông Xương-giang (thuộc Bắc-Ninh) trú trong chùa Thọ-Xương dân toan bắt, Quang-Thùy thắt cổ chết. Quang-Toản và Quang-Duy, Quang-Thiệu, Văn-Dụng, Văn-Tứ đều bị dân bắt, bỏ cũi đem nạp về thành Thăng-Long... »

Đọc trong Thực-lục triều Thiệu-trị cũng như đọc Liệt-truyện về nhà Tây-Sơn, không thấy đâu chép việc con của Ngọc-Hân công chúa bị giết ở Quảng-Nam cả. Đọc tiểu-sử Nguyễn-Đăng-Gia cũng không thấy nói Ông bị giáng chức về tội « thất sát » nên không rõ Ông Ngô-Tất-Tố đã dựa vào đâu để đưa ra những tài liệu nói trên.

Ta thử hỏi, nếu việc Ông Tố viết, quả có thật, thì trong Liệt-truyện có chép không ? Theo tôi thì thế nào cùng có nói đến vì bộ sách này đã chép việc giết hai người con của Nguyễn-Nhạc dưới triều Minh-Mạng thì sao lại bỏ qua việc giết con của Nguyễn-Huệ ? (Quật phá Nhạc Huệ mộ, đảo khí hài cốt, u kỳ đầu vu ngục thất, cải Tây-sơn ấp viết An-tây ấp. Minh-Mạng thập-nhị-niên tục hoạch Nhạc-tử Văn-Đức, Văn-Lương, tôn Văn Đâu (Văn Đức chi tử) các tọa yêu trảm. Ư thị Tây-sơn tộc loại vô phục khiết dị kỹ) Trích Đại-Nam liệt-truyện sơ tập, quyển 30, trang 516. (Dịch nghĩa : Quật phá các ngôi mộ của Nhạc và Huệ, nghiền bỏ hài cốt, giam sọ dừa trong ngục thất, đổi ấp Tây-Sơn thành ấp An-Tây. Năm Minh-Mạng thứ 12 lại bắt được con Nhạc, Văn-Đức và Văn-Lương, cháu là Văn-Đâu (con của Văn Đức) đều bị tội chém ngang lưng. Từ đó dòng họ Tây-Sơn không còn người nào nữa.)

* * *

Theo các tài liệu đã dẫn ở trên, ta có thể kết luận rằng việc hôn phối giữa vua Gia-Long và Ngọc-Hân không có.

Thế nhưng sao lại có một luồng dư-luận như thế ? Không phải Ông Nguyễn-Thiệu-Lâu, Ô. Việt-Thường vô cớ mà viết ra ? Có phải vì bà Chúa Nành mà người ta lầm là Ngọc-Hân công-chúa như Ông Tố đã nói ? Về bà chúa Nành, rất tiếc là tôi không có tài-liệu nhưng tôi còn một yếu-tố cuối cùng nữa để kêu cứu, là xét về tiểu sử của hai Hoàng tử Quảng-Oai và Thường-Tín con vua Gia-Long. Vì theo Ông Việt-Thường thì bà Ngọc-Hân đã sanh hạ hai Ông Hoàng nầy, nay tôi chỉ việc xem hai ông có phải là con của Ngọc-Hân công chúa không ?

Trong Liệt-truyện vẫn có chép tiểu-sử hai Ông Hoàng Quảng-Oai và Thường-Tín, nhưng chép vắn-tắt, nhất là đoạn nói về bà mẹ chỉ vỏn vẹn có mấy chữ :..Quảng-Oai công Thế tổ Đệ thập tử, mẫu Đức phi Lê thị, Gia-Long thập lục niên phong Quảng-Oai công (Quảng-oai công, con thứ mười của Thế-Tổ, mẹ là bà Đức Phi họ Lê, năm Gia-Long thứ sáu được phong Quảng-oai công..) Chỉ mấy chữ Lê thị không đủ bằng cớ mà bảo rằng đó là bà Lê-Ngọc-Hân.

Tôi mới sực nhớ đến Ngọc-điệp và Hoàng-tử nữ phồ trong Tôn-nhân-Phủ.

Đến đây, tưởng tôi xin phép dừng lại một chốc để nói sơ qua về các sách Ngọc-điệp, Tôn-phồ v..v..

Trong hoàng tộc có Ngọc-điệp tức là sách chép về sự tích các ông vua, con ông nào, bà nào, sanh ngày nào, mất ngày nào, chôn ở đâu, sinh thời đã làm những gì v...v... như cả một bản lý-lịch đầy đủ. Ngoài Ngọc-điệp nói về các ông vua lại còn Hoàng-tử-phồ (nói về các Hoàng-tử), Hoàng-nữ-phồ (nói về các công chúa) cuối cùng cả là Tôn-phồ vừa giống như quyển gia-phả vừa giống quyển nhân-thế bộ.

Trước khi Việt-Minh lên cầm quyền, Ngọc-Điệp, Hoàng-tử, Hoàng-nữ phồ đều để cả trong Đại-Nội, bỏ vào trong một cái tráp vẽ rồng, sơn son thếp vàng. Sách bia gấm, và bọc gấm. Riêng có tôn-phồ là để tại Tôn-nhân-Phủ mà thôi (nay đổi lại là nhà thờ họ của Nguyễn-phước tộc).

Nhưng sau khi ngai vàng bị tan rã, Ngọc-điệp, Hoàng-tử, Hoàng-nữ phồ đều đưa ra ngoài. Qua những ngày loạn lạc, giờ đây, các quyển sách nầy đều nằm tại Tôn-nhân-phủ.

Hay tin ấy, tôi vào Tôn-nhân xin phép để coi đoạn chép về hai ngài Quảng-Oai và Thường-Tín. Thì ra hai ngài nầy đều là cháu ngoại vua Lê-hiển-Tông, nhưng con của bà Lê-thị-Bình, con út của vua Lê-hiển-Tông và em của Ngọc-Hân công-chúa.

Tôi xin phiên âm đoạn ấy ra sau đây :.... « Kỳ mẫu Lê-thị húy-Bình, Thanh-Hóa tỉnh, Thoại-Nguyên huyện, Lam-Sơn xã-nhân, nãi Lê-hiển-Tông chi quí nữ, giáp thìn Đông thập nhị nguyệt, thập nhị nhật quí hợi thời sinh, tân dũ nhập thị, tấp tấn Tả cung tần, Gia-Long cửu niên Canh ngọ thu cửu nguyệt, thập nhị nhật, Bính dần thời tốt, tặng Đức Phi, thụy Cung Thận, sơn phần tại Trúc lâm xã, tọa hướng Sửu, kiêm Đinh quí, kiến từ vu Kim-

Long xã, tầm thiên kiến vu Phú-Xuân xã, đảng tử nhị, nữ-nhị. Trưởng hoàng tử Quảng-Oai công húy Quân, nhị Hoàng tử Thường-Tín công húy Cự, Trưởng Hoàng nữ An-Nghĩa công chúa húy Ngọc-Ngôn, Nhị Hoàng nữ Mỹ-Khê công chúa húy Ngọc-Quê. » (Mẹ họ Lê, tên húy là Bình, người làng Lam-Sơn, huyện Thoại-Nguyên, tỉnh Thanh-Hóa, con út của vua Lê-hiền-Tông. Bà sinh vào giờ quí-hợi ngày 12, tháng chạp mùa đông năm Giáp-Thìn (1784), năm Tân dũ (1801) vào chầu hầu) chẳng bao lâu được phong lên Tả cung tân. Ngày 12 tháng chín mùa thu năm Gia-Long thứ 9 (1810) mất, tặng Đức Phi thụy Cung Thận, tầm mộ tại làng Trúc-Lâm, tọa hướng Sửu kiêm Đinh quí. Nhà thờ tại Kim-Long xã, sau dời qua làng Phú-Xuân. Sinh hai người con trai, hai người con gái. Hoàng trưởng tử là Ngài Quảng-Oai, húy Quân, Hoàng nhị tử là ngài Thường-Tín, húy Cự. Hoàng trưởng nữ là An-Nghĩa công chúa húy Ngọc-Ngôn, Hoàng nhị nữ là Mỹ-Khê công chúa húy Ngọc-Quê (Bà nầy sau lấy con nuôi của Lê-văn-Duyệt).

Có lẽ người ta đã lầm bà Lê-thị-Bình với Ngọc-Hân công chúa vì hai bà đều con vua Lê-hiền-Tông cả.

Như vậy thì ra, Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Ánh là hai anh em bạn rể.

BỬU-KẾ

CÔNG-TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG:*
— Đường miếng lọc
— Đường cát trắng ngà
— Đường cát trắng tinh
— Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU:*
— Rượu đốt 90°
— Rượu thơm 90°
— Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại:
— *Các tiệm tạp-hóa*
— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* (Đ.T. số: 21.360)

Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

GIÁ BÌNH DÂN 10$

ĐỨC THU CO

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

NUÔI THAI TRONG ỐNG

★ *VÕ-QUANG-YẾN*

TRONG mấy ngày luôn, báo chí đã ồn ào xung quanh một nguồn tin thuộc về một thí nghiệm mà người ta cho là dị thường nhất của thế kỷ. Cứ đọc đầu đề các bài thì rõ : « Có chửa trong ống », « Thai nhân tạo », « Lần đầu tiên thụ thai trong thủy tinh (in vitro) »,... Tuy nhiên nếu báo chí và dư luận tỏ vẻ ngạc nhiên hoặc thâm phục thì các nhà chuyên môn dè dặt hơn. Không phải vì ghen tị mà họ chưa chịu phục tài vị giáo sư người Ý Petrucci, nhà thai sinh học đã đưa ra khỏi phòng thí nghiệm hình ảnh và các cuộn phim tả các công cuộc khảo cứu của ông ta. Họ còn chờ đợi là vì một đằng vị giáo sư nầy chưa có tên tuổi trong làng thai sinh học, một đằng khác nuôi thai trong ống không phải là chuyện mới lạ, nghĩa là giáo sư Petrucci không phải là người đầu tiên đã thành công trong công cuộc nầy. Thật vậy, hằng năm bất kỳ ở ngành khảo cứu nào cũng có hội nghị, gặp gỡ, các nhà chuyên môn, đồng nghiệp thường quen biết nhau, nghe nói đến nhau, tường trình cho nhau nghe những khám phá mới lạ của mình. Giáo sư Petrucci thì tới nay mấy ai biết tới. Thứ nữa, công cuộc khảo cứu về sinh vật cần dùng máy móc tối tân, ngân quỹ dồi dào, nhiều năm kinh nghiệm, không phải bất kỳ ai một đêm một ngày cũng có thể vỗ ngực bảo ngay đã khám phá ra được điều nầy chuyện nọ. Giáo sư Petrucci liệu có đủ những điều kiện nầy không ? Hơn nữa giáo sư lại như có ý tỏ ra mình đã là người đầu tiên nuôi được thai trong ống. Người ta biết các nhà bác học từ lâu đã kiếm cách thụ thai ngoài cơ thể các loại động vật có vú. Năm 1948, Rock và Menkin đã thử thí nghiệm với những yếu tố của người ta...

Để độc giả hiểu thấu nỗi khó khăn của các nhà khảo cứu, xin mở ở đây một vòng ngoặc. Trong phương pháp nuôi thai sinh vật ngoài cơ thể, loại chim chóc có phần đơn giản hơn hết. Phôi thai lấy ở trứng ra người ta đã nuôi lên được đến lúc thấy đầu, thân, chân cánh tượng hình. Chim nầy giống hệt chim ở trứng nở ra, chỉ có phần nhỏ hơn. Qua đến loại động vật có vú, thỏ chẳng hạn, phương pháp trở nên vô cùng khó khăn. Bắt đầu từ ngày thứ sáu khi trứng rụng và thụ thai, « trứng đóng tổ » vào tử cung và nhờ thai bàn — hay còn gọi là dau (placenta) — cung cấp dinh dưỡng. Muốn nuôi thai ngoài cơ thể, người ta tưởng tượng có thể chế ra một thai bàn nhân tạo thay thế thai bàn tự nhiên để nuôi thai lớn lên, nhưng tới nay chưa ai chế ra được. Người ta phải mượn thai bàn tự nhiên một sinh vật khác, không thụ thai để cho thai sống nhờ. Như vậy, với thai một sinh vật và thai bàn một sinh vật khác người ta đã nuôi thai được trong ống. Nhưng còn khó hơn là vấn đề thụ thai ngoài cơ thể, Ngoài điều kiện nhiệt độ phải luôn luôn giữ ở 37 độ, người ta đã mất biết bao công phu để biết thêm những tính chất của tinh dịch (khí) và tiểu noãn (ovule) vì không phải lúc nào để chung hai chất vă vật nầy lại với nhau là thụ thai ngay. Sau nhiều thất bại và lâu năm khảo cứu, người ta biết được tinh dịch tươi không có tính chất thụ thai. Trái lại, sau mười giờ nằm trong các ống sinh dục của giống cái, tinh dịch lúc ấy gọi là « chín » (« maturé ») mới có thể đem lại kết quả tốt. Tuy vậy, với 922 trứng thỏ, Charles Thibault chỉ thâu được có 122 lần thụ thai. Lại khảo cứu học hỏi. Người ta biết thêm được trứng phát ra một chất gọi là fertilizin mà tác dụng là đuổi xa các tinh trùng (spermatozoïde) ra. Vậy phải đem rửa trứng, để ít lâu cho « chín » mới đưa kết quả lên cao được. Gần đây người ta đã đạt được mức 70%.

Và đáng để ý hơn nữa, một nhà bác học Mỹ, Shettes, thụ thai được với tinh dịch của người ta và nuôi thai tới 5 ngày. Bao nhiêu khó khăn đã vượt qua để đạt được kết quả nầy và biết bao khó khăn còn chờ đợi đầy nếu muốn tiến bước thêm. Vì vậy, khi nghe nói giáo sư Petrucci nuôi thai được tới 29 ngày, và hơn nữa, quay phim được hết các giai đoạn nẩy nở, các nhà chuyên môn trên khắp thế giới rất lấy làm nghi hoặc. Xin biết thêm là muốn quay phim phải dùng đèn mạnh chiếu sáng, mà hễ nhiệt độ hơi lên chút cao thì các tiền triển sinh vật dừng lại ngay. Nếu giáo sư Petrucci thật đã quay phim được cách nuôi thai tới 29 ngày thì giáo sư đã thành công được cả hai mặt một cách vẻ vang, dù giáo sư không phải là người đầu tiên nuôi thai được trong ống.

Trong lúc nghi hoặc nầy, một nhà báo Pháp, Rosie Maurel, đã qua đến Bologne bên Ý, nơi quê giáo sư Petrucci để xem tận gốc. Trong một thiên điều tra, Rosie Maurel viết đã thấy được mẫu phim tả lúc những tinh trùng

Giáo-sư PETRUCCI và đoạn phim thí-nghiệm của ông

quây quần nhảy nhót xung quanh khối tiểu noãn cho đến lúc một tinh trùng nhảy vào trong chất nguyên sinh (protoplasme) và nằm dọc theo bì tiểu noãn : thai vừa mới thụ ! Giáo sư Petrucci giải nghĩa đã dùng ánh sáng các tia hồng ngoại, sáng gấp mặt trời 600 lần và có thể cho nóng lạnh như mình muốn. Như vậy giáo sư đã tự do mặc sức quay phim. Giáo sư còn bảo đã dùng ánh sáng ấy như những lưỡi dao cắt ngang ống thử để có thể xem từng chi tiết. Tiểu noãn, ông xin các bệnh nhân bị mổ (phần nhiều về ung thư), còn tinh dịch thì ông dùng những mẫu người ta gởi tới để thử về tính chất sinh sản. Giáo sư không để tinh dịch « chín » như người ta thường làm với các động vật có vú mà cho vào tiểu noãn những chất thuốc như hyaluônidasờ hay trypxin và tuyên bố hầu hết các thí nghiệm của ông đều đem lại thụ thai hoàn toàn. Rất có thể trong thời gian trở nên « chín », tinh dịch đã chế ra các chất nói trên. Giáo sư còn có chiếu thêm cuốn phim quan trọng nhất trong các phim của ông — đâu đến 20.000 thước phim, vì ông quay thành phim tất cả các khảo cứu của mình — là mẫu phim tả thai từ lúc mới thụ qua các giai đoạn liên tiếp với các tế bào sinh sôi nẩy nở...

Giáo sư giảng thêm là ông khảo cứu cách nuôi thai trong ống là để học hỏi tính chất « bất khả xâm phạm » của cơ thể. Trứng chưa thụ thai và tinh trùng khi vào một cơ thể mới bị xem như một ngoại vật và bị những phản chất (anticorps), quân tự vệ của cơ thể, quây lại đánh phá. Trứng đã thụ thai thì mất hẳn tính chất nầy. Nhưng trứng thụ thai trong ống, sau 8, 9 ngày, thì lại mang tính chất nầy. Để học hỏi giáo sư nuôi thai tới 29 ngày và dùng vào trong các thí nghiệm về tính chất nói trên. Vì sao chỉ tới 29 ngày ? Vì không thể nuôi lâu hơn được nữa. Bắt đầu từ lúc ấy cần phải có hồng huyết cầu, phải có máu,... Giáo sư cho biết thêm ông cũng không muốn nuôi thai lâu hơn nữa và không hề có ý

làm lại công cuộc của tạo hóa trong ống thử.

Kết quả các cuộc thí nghiệm của giáo sư Petrucci là theo phương pháp của ông, người ta có thể chứng xác thuyết Shettes cho rằng tinh trùng nhỏ thụ thai ra con gái và trái lại tinh trùng lớn sinh ra con trai. Thật vậy, với mẫu phim người ta biết được tầm vóc tinh trùng, còn đến một giai đoạn nào đấy, học hỏi chất chrômatin nằm trong tế bào là biết được thai con trai hay con gái. Theo một phương pháp Nga, giáo sư còn có thể lựa được ra các loại tinh trùng sinh con trai hoặc con gái Nguyên tắc hết sức dản dị : trên một tấm gương có hai điện cực bằng chì, ở giữa Ông để tinh dịch rồi cho một dòng điện chạy qua ; tùy theo mang tính chất X hay Y, nghĩa là sinh con trai hay con gái, tinh trùng chạy lại cực dương hay cực âm. Còn có một ứng dụng nữa cũng khá có ích là giáo sư chế ra được phương pháp để xem biết được người nào là con ai. Đến nay, người ta chỉ biết thử máu nhưng phương pháp nầy chỉ áp dụng được trong một vài trường hợp đặc biệt.

Công cuộc khảo cứu của giáo sư Petrucci, nếu không dị thường như báo chí đã nói ra, cũng đã đem lại một tiến triển lớn trong ngành thai sinh học. Ta còn nên đợi các nhà chuyên môn phán đoán vì giáo sư Petrucci đang có ý muốn đi trình bày công tác của mình trước nhiều Hàn lâm viện khoa học và y khoa các nước. Lẽ tất nhiên như trong các ngành học hỏi khác, người chỉ trích không thiếu gì, từ các đạo giáo cho tới các nhà luân lý. Có người bảo thụ thai, nuôi thai ít lâu rồi bỏ đi là sát sinh, tàn ác, nhưng đấy lại là một vấn đề khác, xin nhường lời lại cho những ai muốn bàn về nhân đạo trong khoa học.

VÕ-QUANG-YẾN.

(Thiên điều tra của Rosie Maurel đăng trong tạp chí L' Express, số 502.)

THE CHARTERED BANK

Anh Quốc Ấn Chiếu Ngân Hàng

Số vốn : **5.500.000** Anh kim
Dự trữ : **5.700.000** Anh kim

bóng làng

• TƯỜNG - LINH •

Người nhắn tôi về Trung-Phước chơi
Mừng đêm khai.hạ đuốc hoa bơi
Núi cao un-đúc niềm xa-vọng,
Rừng lá ươm xanh mộng thiếu.thời.

Sông, vẫn dòng xưa thiêm-thiếp trôi
Bắp vươn khoe mạch đất tân.bồi
Nông Sơn : xóm mỏ, tê lòng đá
Khói máy ngàn phương, than xứ tôi.

Đò sang làng ngoại già.nua lắm
Mạn gỗ meo phong giấc hải.hà
Cô lái buông chèo đưa-đẩy nhịp
Điệu buồn nương nhạc sóng loang xa.

Đồng Chợ, đồng Hương hợp « móng-chim »(*)
Tháng ba mùi rạ ngát trời đêm
Nồi cơm gạo đỏ thơm phưng-phức
Gây tự ngày đi một nỗi-niềm !

Nhà tôi giữa xóm Cà-Tang-Hạ
Lửa chiến.chinh thiêu rụi mái nghèo !
Tôi cũng lên đường từ dạo ấy
Mưa nhòe bến nước, mẹ trông theo.

---

* Tên một giống lúa.

Ôi, tiếng gà rơi đêm thu xa
Vườn sương khuya-khoắt lạnh bông trà
Gió lay cửa liếp nhầu tâm.sự !
Mấy kẻ lên đường theo bóng hoa ?

Đất lạ, mây che khuất bóng làng
Sông Thu-Bồn hỡi, núi Cà-Tang !
Người đau ly.cách, ôm thương nhớ
Sông lạnh.lùng trôi, núi vỗ-vàng !

Người nhắn tôi về, nhưng ở đây
Cánh chim chiều cũ lạc đường bay
Đêm thâu có kẻ nương hồn mộng
Thấy bóng làng vương nắng cuối ngày.

TƯỜNG-LINH

ĐIỆU MAI NON

★ *HOÀNG-ANH-TUẤN* ★

Tươi non mát rượi từng chùm
Giọt sương khẽ gửi lên hồn mới thêu
Mỏng từng tờ gió hiu hiu
Nhạt từng con chỉ rối nhiều ánh trăng
Hương sao chỉ mới nói thầm
Mà say sưa đã đôi lần ngó nghiêng
Nhờ em phủi hết ánh đèn
Cho mầu chín ngọt lả mềm giấc mơ

H. A. T.

lối «ca Huế» và lối «nhạc tài-tử»

★ TRẦN-VĂN-KHÊ

KHÔNG có sử-liệu nào nói rõ lối «ca Huế» có tự bao giờ, và ngày xưa thuộc về lối nhạc nào. Chỉ biết rằng lối «ca Huế» có thể sắp vào loại «phòng nhạc» (musique de chambre), một loại nhạc do một số ít nhạc-công biểu-diễn cho một số thính-giả. Trong nước Việt ngày xưa, không có những buổi hòa-đàn công-cộng cho dân-chúng nghe. Trong cung-phủ, có ban Nhã-nhạc, Tỉ-trúc tế nhạc, nữ-nhạc diễn tấu các lối Yến-nhạc, Trung-cung chi nhạc ở mấy buổi yến tiệc hay những cuộc lễ. Nhưng đó là những loại nhạc triều-đình mà chúng tôi sẽ đề-cập trong một bài khác.. Ca Huế, hay đàn Huế không phải là nhạc bình-dân.

Từ đời Lê, âm-nhạc chia ra làm hai loại: *quan nhạc*, lối nhạc dùng trong các nhà khá giả, nhà quan quyền hay trong cung-phủ và *tục nhạc* là lối nhạc dùng trong dân-gian. Ca Huế là một loại «quan nhạc». Những nhạc-sĩ, nhạc-công còn để tên lại trong loại ca hay đàn Huế, ngoại trừ một vài nhạc-công nhà nghề, tuy sinh trưởng ngoài dân-gian, nhưng thuộc về các đội ngự nhạc trong cung, còn hầu hết là những hoàng-thân hay quan chức trong triều-đình. Lần lần, lối nhạc ấy được nhiều người ưa thích nên từ đầu thế kỷ thứ XX, có nhiều gia-đình khá giả cho con học đàn để làm một thú tiêu khiển, không lấy âm-nhạc làm nghề sinh-sống. Những nhạc công, nhạc-sĩ chỉ học đàn để tiêu khiển, là những nhạc-sĩ «tài tử». Danh-từ «nhạc tài-tử» sau nầy lại được thông dụng trong Nam hơn ở miền Trung, và lối «nhạc tài-tử» trong Nam là con đẻ của lối «ca Huế» miền Trung.

Những người học nhạc trong Nam, cũng «đàn Huế» — Ông nội chúng tôi, ông Trần-Quang-Diệm chuyên đàn tì-bà theo lối Huế và cô ruột của chúng tôi bà Trần-Ngọc-Viện cũng thường đàn Cổ-bản Huế, kim tiền Huế. Cậu chúng tôi, ông Nguyễn-

Tri-Khương có nói lại cho chúng tôi biết rằng, ông nội chúng tôi có sáng-tác nhiều bản đàn tì-bà cũng theo lối đàn Huế nhưng vì chiến tranh, tập nhạc ấy thất-lạc đi và cũng theo lời cậu chúng tôi, thuở ấy có một lối đàn Huế và một lối « đàn Quảng » (Quảng Bình, Quảng Nam). Lối đàn này, do ông Nguyễn-Liêng-Phong và người con trai là Nguyễn-Tư-Bá đem dạy trong Nam khắp lục tỉnh. Đàn Huế và đàn Quảng vào Nam trở nên lối « nhạc tài-tử » và sau nầy từ lúc hát cải lương thạnh hành, từ khi «nhạc tài tử » được đem lên sân khấu, « nhạc tài tử » nhiều khi mang tên là « đờn cải-lương ».

Lối « Ca Huế » và lối « đờn tài-tử » là một loại « phòng nhạc » (musique de chambre) gồm có hai *điệu* chánh (hoặc hai giọng chánh) : Bắc và Nam và nhiều *hơi* như Xuân, Ai, Đảo, Oán (chúng tôi sẽ nói tại sao chúng tôi gọi là *hơi Oán* chớ không phải *giọng oán*).

Giờ chúng ta thử xem lại trong sách sử coi loại nhạc nào có thể là tổ tiên của lối ca Huế, xem qua các nhạc cụ được dùng để biểu diễn lối nhạc ấy, các giọng, các điệu các hơi, vài đặc điểm của lối đàn Huế và nhắc lại những nhạc-công, nhạc sĩ mà chúng tôi đã được nghe danh.

*
* *

A. — Lịch sử.

Trong các tài-liệu lịch-sử, chúng tôi không gặp danh-từ « ca Huế », « đàn Huế » hay là « đờn tài-tử » ; chỉ có những loại nhạc triều đình mà chúng tôi sẽ nói đến trong một bài khác.

Trong các loại-nhạc triều-đình, có lẽ lối Cung trung-nhạc — hay là Cung trung chi nhạc — là gần với lối đàn Huế nhất — Trong đàn Huế, có giọng Bắc, giọng Nam. Từ đời Cảnh-Hưng nhà Lê (1740) theo ông Phạm-Đình-Hổ thì có ông quan nội điện cung phụng quản tiên hữu đội tên là Nguyễn-Đình-Địch, học nhạc Trung-Hoa mà «... biến đổi ra theo tiếng Nam nghe cũng hay. Nhưng tiếng trong, tiếng đục lẫn-lộn nhau, chưa có xoang điệu gì cả. Ông Vũ-Chỉ-Đồng, người làng An-Thái cũng thích chơi đàn nguyệt, trước học điệu tàu biết đủ các tiếng, các bực, rồi gảy ra tiếng ta, và xen theo các bài đàn đáy, đàn nguyệt của ta, tiếng rắn, tiếng mềm, dịu-dàng hợp nhau, bụng nghĩ thế nào, tay gảy được thế. » (1)

Hiện giờ, chúng tôi chưa gặp một sử-liệu nào có thể soi rõ sự biến chuyển của lối đàn Huế qua các thời đại. Về lý-thuyết và sinh-hoạt của lối đàn Huế hay đàn tài-tử mà chúng tôi gọi chung là phòng nhạc, quyển Vũ-trung-tùy-bút viết vào cuối thế-kỷ thứ XVIII có lẽ là quyển sách cổ nhất có nói rõ về cổ-nhạc. Về cung điệu, bài bản, thì ông Hoàng-Xuân-Hãn có cho tôi xem một tập bản đờn chép tay trong tủ sách riêng của ông. Nhờ có một bài văn viết ở cuối tập bản đờn trong đó có nói đến việc một tướng Trung - Hoa, bạn của tác - giả bài văn, sang dẹp giặc cờ đen (1868), nhờ mấy chữ « húy » dưới triều Tự-Đức (1847 - 1883) và mấy trang có bút-tự rất đẹp mà có ghi năm Quí - Hợi, nhuận nguyệt, nhờ ông Hoàng-Xuân-Hãn biết được mấy điểm nói trên, nên ông có thể cho rằng tập bản đàn ấy chép vào năm 1863. Đối với các nước Âu-châu, hay nước Trung-Hoa, nước Nhật-Bản là những

nước còn giữ nhiều tài liệu lịch-sử từ lâu đời, thì tập bản đàn chưa được 100 năm không thể gọi là xưa. Nhưng đối với nước Việt, nước đã trải qua bao trận lửa binh, tài-liệu lịch-sử lớp bị thất lạc, lớp bị người Trung-Hoa chở về như dưới thời Trương-Phụ, lớp bị người Pháp khảo-cổ đem về giữ tại các thư-viện bên nầy, lớp bị mối mọt ăn khoét, lớp bị bỏ rơi bỏ rớt, thì được một quyển nào dầu nhỏ đến đâu cũng đã là quí lắm rồi. Tình cờ, ông Hoàng-Xuân-Hãn gặp tập bản đờn ấy trong một đống sách bỏ đi của người khác, ông cất lại, nay mới có để cho chúng tôi mượn mà nghiên-cứu cổ nhạc Việt. Trong tập ấy, có 25 bản đờn, 10 bản đầu có cả bài ca viết bằng chữ Hán. Chỉ có bản thứ 7, bài *Trường-thán* thì lời viết bằng chữ nôm. Có nhiều bản còn truyền đến ngày nay như bài *Lưu-Thủy*, *Kim-Tiền* (mà trong tập chép là *Kim - Tiên*), *Xuân - Phong*, *Hồ-Quảng*. Có bản giống tên với những bản bây giờ, nhưng nhạc - khúc thay đổi đi nhiều như mấy bản *Xuân - tình điểu-ngữ Nam-Xuân*, có nhiều bản ngày nay không ai biết như Tư-Mã Tương-Như, Tiên nữ tống Lưu Nguyễn, Bá-Nha khấp Tứ-Kỳ, (khấp là khóc) Tự-thán, Tự-trào. Chúng tôi sẽ đề cập đến nhạc khúc của mấy bài đó trong đoạn nói về bài bản trong lối nhạc Huế.

Ngoài ra, còn có những tài liệu của ông Gustave Dumoutier (Guy-xơ-ta-vơ. Đuy-mu-chê) (1), ông Gaston Knosp (Ga-xơ-tông. Cờ-nô-xơ) (2), ông Hoàng - Yến (3), ông Ernest Le Bris (4) (Ec-nê-xơ Lơ-Bờ-ri-xơ) nói về cổ nhạc, có đoạn về lối nhạc Huế, và nhiều bài bản được ghi chép lại.

Từ đầu thế-kỷ thứ XX đến giờ, trong loại đàn Huế và đờn tài-tử, có mấy điểm đáng ghi lại, chúng tôi sẽ nói trong kỳ tới.

(Còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-VĂN-KHÊ

---

(1) **Gustave Dumoutier.**— *Les chants et les traditions populaires des Annamites.* Paris 1890. Trang XVIII, XIX, XX.

(2) **Gaston Knosp.**— *Rapport sur une mission d'études musicales en Indochine.* Internationales Archiv für Ethnographie. Quyển XX trang 138... 149.

(3) **Hoàng Yến.**— *La musique à Huế ; đờn nguyệt et đờn tranh.*

Bulletin des Amis du Vieux Huế. Juillet - Sept. 1919 trang 262... 381.

(4) **Ernest. Le Bris.**— *Musique annamite : airs traditionnels.* Bulletin des Amis du Vieux Huế Oct-Déc. — 1922.

ĐÃ PHÁT HÀNH

Văn-Hóa Nguyệt-San số 58

(Xuân Tân - Sửu)

Nội dung phong phú

Dày 176 trang, giá 12$

một quãng đường

☆ ĐOÀN - THÊM ☆

(Tặng H. G. cư-sĩ)

Ai về cõi đó gửi bông lan
Một ánh sao băng, một tiếng đàn
Tất cả tinh suông còn có vậy
Trăm ngàn nỗi khác gió xua tan

Tưởng nhớ làm chi giấc mộng đầu
Mơ duyên, nào chắc đã yêu nhau
Qua cơn thử thách lòng thơ dại
Thầm lặng chia tay dứt mối sầu

Kẻ đi lạc hướng giữa trời mây
Rong ruổi tìm xuân nhuộm tháng ngày
Mưa nắng dọc ngang đường lá rụng
Sương thu sắp xuống bạc ngàn cây

Người tiếc đêm trăng vội đáp thuyền
Dập dìu vui thú nước non tiên
Giữa dòng tỉnh giấc, nằm nghe sóng
Dào dạt bờ lau nghẹn tiếng quyên

Vay nhau đời trước, trả chưa xong
Thôi, ít hay nhiều, miễn nhớ mong
Tha nợ cho nhau đôi chỗ khác
Có dư, xin tặng mấy bông hồng....

Đ. T.

ĐƯỜNG VỀ SA-MẠC

★ *Phóng sự ngắn của* *MINH-ĐỨC*

(tiếp theo B. K. số 100)

Mélika

Một thành phố gần Ghardaia nhất, trái với Ghardaia ở chìm trong thung lũng, Mélika ở trên một quả đồi, muốn đến phải leo bao nhiêu đường đất. Nhà cửa Mélika cũng một lối kiến trúc giống hệt Ghardaia, tường rất giày, mái bằng một màu vàng như màu cát ở sa-mạc. Chúng tôi trèo lên mosquée để nhìn xuống, mosquée đặc biệt, không có một tí gì chạm trổ hoa hoè như những mosquée ở Alger, nhưng là một lối kiến-trúc thô sơ và rất vững chắc. (Nhà kiến-trúc Corbusier trước khi vẽ những công thự to tát tối-tân cho các nước văn-minh Âu-Mỹ, đã đến tận những nơi nầy để xem xét và thâu nhặt kinh-nghiệm.)

Ngoài những nơi lễ bái vào mùa nắng và nơi lễ bái vào mùa mưa, mosquée còn có một góc nhỏ cho người gác

mặt trời (chỉ có một manh chiếu rách). Người gác ngủ đầy, sáng ngày lúc mặt trời hé mọc thì ra ngay ở một bực đá xây cao nhất mà hét lên cho dân chúng biết để lo dậy làm lễ. Cũng một nguyên tắc như cái chòi phát - thanh ở trong làng của người dân quê Việt - Nam, nhưng nơi đây người ta xây ngay lên mái thượng của Mosquée.

Đến mùa chay (ramadant) ngày nào cũng có người lên hét báo cho dân-chúng biết những giờ có thể ăn uống được. Mùa chay ở đây quan trọng vô cùng, ngay cả những vùng thị thành như Alger, Oran, nếu một người Á-rập nào đi ngoài đường vào những giờ chay mà nhai kẹo hoặc hút thuốc, là bị đồng-bào mắng cho, hoặc ném cà chua thối vào mặt. Vì thế, dầu không giữ luật chay, nhưng chẳng một người Á-rập nào dám ăn hút ngoài đường. Ở Alger đến mùa chay thì có súng thần-công báo giờ cho phép được ăn.

Từ thượng-cổ đến nay những công việc ấy vẫn không hề thay đổi và dân tộc Mozabit đã rất kiêu hãnh. Mosquée nầy còn có một cây kè lịch - sử sống gần 300 năm nay, người ta phải đục cái sân thượng cho cây kè vươn lên, mới nhìn tưởng như cây kè mọc từ gác thượng.

Viếng xong mosquée chúng tôi kéo nhau ra nghĩa địa, ngoài cái mộ đặc biệt của Marabout, được xây lởm chởm vài nóc đá, còn thì toàn những nấm mộ hời hợt, đánh dấu bằng những cái chum đất nhỏ, cái xếp ngang, cái xếp dọc cho bà con nhớ mà tìm ra. Chung quanh nghĩa địa có bao nhiêu là xương khô trắng toát, nổi lên ngổn ngang, vỡ toác ra từng mảnh cũng có mà nguyên vẹn từng cái cũng có. Qua một thời-gian khi thịt đã nát tan và mưa nắng làm trôi mất lớp đất phủ bên trên tức thì những mẫu xương tha hồ mà nổi lên không ai nghĩ đến chuyện săn sóc. Tôn - giáo đã dạy rằng chết là hết.

Beni Isghen

Một thành phố thánh (ville sainte). Không có gì đặc biệt nhưng vào đây người ta phải mặc quần dài, cấm mặc quần ngắn dầu trời có nóng lên 100 độ, cấm chụp ảnh, cấm ca hát, cấm hút thuốc, uống rượu.

Dân trong thành phố nếu muốn ăn nhậu thì phải sang thành - phố khác chỉ vì ngày xưa ở đây có mấy ông Marabout mà đặt ra lắm chuyện như thế và bây giờ dân chúng cứ việc theo, dầu sao như thế cũng là một cách lôi cuốn khách du - lịch, người hướng dẫn tha hồ mà vòi tiền.

Zelfana

Nghe có dân Paris về lại có cả người á-đông (si-noa) và cô si-noa (như mọi người ở đây vẫn gọi khi gặp một người á-đông) đi đâu còn có lẻ kè mang theo cả con mèo. Vì đặc-biệt nên ông Kartes chủ tiệm buôn ở Zelfana đã tổ-chức mời chúng tôi đến viếng Zelfana với vài người bạn ở Ghardaia.

Zelfana là một thành phố còn đang nụ, cách Ghardaia gần 70 cây số. Từ năm 1943 người ta tìm ra được một cái giếng nước nên mới có ý định

dựng lên thành phố ấy, nhưng mãi năm 1949 mới bắt đầu xây dựng nhà cửa. Giếng nước nóng 42 độ và phải đào rất sâu, người ta lại vừa mới tìm thêm được mấy cái giếng nữa nên Zelfana rất có nhiều hy-vọng về tương-lai.

Nơi nầy xưa kia chỉ là chỗ của những người du-mục đi qua ghé ở vài hôm. Bây giờ chính-phủ Pháp muốn góp những người du-mục ấy vào một chỗ, bằng cách làm nhà bắt họ ở. Mỗi gia-đình được một cái nhà, 90 gốc cây datte, và 3 tấng đất : một tấng trồng rau cải, một tấng hoa quả và tấng thứ ba trồng datte. Trong lúc chờ đợi cây datte cho hoa lợi, mỗi gia-đình được phụ-cấp 10 r gàn quan một tháng. Tuy vậy sự thu góp những người du-mục lại không phải là một chuyện dễ. Zelfana có một trường học, với mỗi một thầy giáo và mươi người học trò. Ngày nào thầy giáo cũng phải đi bắt từng đứa học trò dỗ dành cho kẹo bánh để mời đến học.

Muốn tỏ lòng quý khách, ông Kartès đã làm một bữa tiệc có méchoui cừu (thịt nướng lửa) Khi con cừu quay xong, người ta khiêng cả lên bàn, cắm bông hoa ở miệng ở tai, và không có giao kéo gì cả. Mọi người xông đến gỡ thịt mà ăn rất ngon lành. Trong cả bọn khách có bà George, người Do-Thái là ăn uống thật thà nhất, bà ta đi mượn búa để bổ đầu cừu ra ăn não, mượn cưa, cưa sừng để ăn tủy. Ăn xong bà ta còn xin lỗi mọi người mở thắt lưng cho khỏe bụng. Cố nhiên là ông nào cũng vui vẻ mời bà cứ tự nhiên. Nhìn mọi người ăn uống một cách rất ngon lành, tôi có cảm tưởng như đứng trước một đàn diều hâu đang thi nhau rỉa một cái xác chết và mặc dầu ông Kartès đòi giận tôi cũng xin chịu thôi.

Lucc, sợ mất lòng ông Kartès, vội mang đĩa đến nhờ người ta gỡ cho một miếng thịt cừu, anh chàng giả vờ nhai nhóp nhép rồi tìm giấy gói lại dấu trong túi. Kêu ầm lên là ngon quá, suýt nữa thì ông Kartès đòi cho thêm. Ra đến ngoài đường Lucc vội vã đi tìm con chó của ông kỹ-sư chuyên môn về dầu hỏa ở trong vùng. Cố nhiên là con chó không làm khách.

Vì Zelfana cô quạnh quá nên những người Pháp đều chẳng ai mang gia đình theo, nên ông nào cũng chỉ biết uống giải sầu và ngày đêm cầu mong sao cho chóng hết hạn mà trở về.

Dân tộc du mục

Họ là những đứa con của sa-mạc, gồm lại tất cả những dân tộc chung quanh, Mzab, Touareg, Berbère, v...v... Dân tộc nào cũng có một số định cư (trong các vùng có phố, có chợ, có giếng) và một số du mục đi buôn bán các nơi hết đời nầy sang đời khác.

Họ có những phong tục, tập quán riêng và một triết lý sống riêng.

Bắt đầu từ Laghoat là miền Nam của sa-mạc cho đến xứ người xanh (les hommes bleus) vùng nầy ai cũng mặc toàn một thứ vải xanh, mỗi ngày ánh nắng mặt trời với mồ hôi đã thấm cái mầu xanh của vải lên da thịt và mầu da càng xanh càng quý.

Người du mục chỉ ở trong nhà vải, giang sơn là những con lạc đà, những thứ nồi chảo, chăn đệm, đồ vật gì cũng gọn gàng để có thể xếp cả vào bao tải chất lên lưng lạc đà. Họ đưa lạc đà, cừu đi bán đổi lấy những thức cần dùng như hạnh nhân, datte, semoule, dầu, vải.

Cuộc sống bình thản ngày mai sẽ giống hệt như hôm nay, bao giờ cũng chỉ có cát với những đồi đá khô mênh mông. Họ đến mỗi vùng có chợ ở vài hôm xong việc buôn bán thì lại đi, đêm về, nếu không định ở lại lâu thì cả người cả lạc đà đều ngủ ngay trên cát.

Bao giờ trong đoàn lữ hành cũng có một người hướng dẫn. Người nầy phải thuộc tất cả đường lối, biết trước nên đi đường nào để gặp lỗ nước gặp vườn kè (les palmerais). Một trong những câu châm ngôn của người du-mục là : Đời chỉ có ba thứ lưu lại được nghìn năm : gỗ acacia, phân lạc đà và những con đường mòn, Tuy vậy nếu có chàng trai nào muốn nói một lời tình tứ với người yêu, chàng trai sẽ nói rằng : tình anh đối với em cũng bền chặt như gỗ acacia, hoặc như những con đường mòn trên sa mạc, chứ anh chàng sẽ không bao giờ nói rằng tình anh đối với em bền chặt như phân lạc đà.

Đêm về họ đốt lửa ngồi quanh uống trà và nói chuyện, đêm sa mạc vẫn đẹp và đáng sống hơn ban ngày. Trà của họ là một giống trà xanh họ bỏ sẵn rất nhiều đường trong ấm. Mỗi người chỉ uống nhiều nhất là 4 chén, vì dầu cho thừa thãi đến đâu con người du mục cũng không dám xài phí. Họ không bao giờ quên những lúc mà tất cả mấy cái túi da dê vẫn thường căng nước đã từng khô queo vì đoàn người đi lạc lối mấy ngày không gặp giếng. Người du mục không bao giờ dùng chum, vại, ầm đất để được nước như xứ ta mà chỉ đựng nước trong những cái bị bằng da dê, bên ngoài để nguyên lông dê, bên trong trét dầu hắc. Mỗi cái bị như thế có thể chứa đựng mấy chục lít. Họ có câu rằng : những kẻ uống nước trong ầm đất không thể là những người hướng đạo tốt.

Lắm khi họ tìm đến một lỗ nước nhưng gặp phải một đoàn du mục của bộ lạc khác cũng vừa đến và hai bên phải đánh nhau để dành làm chủ cái lỗ nước. Trước khi đánh nhau họ đã không quên chào hỏi rất lễ phép : ông có bình yên không ? Ông có khát nước không ? Khác với người Trung-Hoa gặp nhau thì hỏi đã ăn cơm chưa ? Dầu sao, theo luật của sa mạc (loi du désert) nếu gặp một người đang khát nước, dầu có là một kẻ thù cũng phải để cho họ uống.

Người du mục rất ít dùng nước để tắm rửa, họ chỉ tắm rửa bằng cát. Hốt cát xoa vào tay, vào mặt một lúc là sạch, áo giặt cũng phải phơi trên cát mới trắng. Người du mục không cần mang kính, vì thế mắt người nào cũng nhăn nheo, nếu gió có thổi tung cát vào mắt, họ không đưa tay lên dụi mắt như ta vẫn làm, cứ để yên như thế cát sẽ theo nước mắt mà chảy ra. Họ còn tin

rằng cát không làm đau mắt mà sẽ làm cho sáng mắt ra. Gặp họ, ta có thể hỏi giờ bất cứ vào lúc nào họ sẽ giả lời rất đúng, như người dân quê xứ ta chỉ dùng mặt trời mà đo thời gian.

Vì cuộc sống vất vả như thế nên người du mục rất chóng già, đàn bà đến hai mươi và đàn ông đến bốn mươi là tàn.

Đàn ông người nào cũng để râu, họ kính trọng bộ râu hơn tất cả, giận ai mà cắt được một chòm râu của người ấy thì hả cơn giận ngay. Câu rủa độc của họ là : « đốt nhà, cắt râu và cạo đầu vợ nó. » Thề tức là không đội trời chung, trong hai người sao cũng có một người sẽ chết.

Dân du mục chỉ quý con giai (như dân Do-thái và Ả-rập) ai hỏi có bao nhiêu con, họ chỉ giả lời số con giai mà thôi, họ gặp người á đông ở cái điểm « nhất nam viết tử » ấy.

Những ngày lễ lớn họ được ăn thịt cừu, thịt dê. Thường bữa thì chỉ ăn bột nấu. Datte, olive. Mùa châu chấu đến (đặc ân của trời) họ bắt về từng bị lớn để dành hoặc xào hoặc rang hoặc nấu ra hồ ăn rất ngon lành và gọi đó là tôm sa-mạc.

Trên đường đi nếu có người chết họ sẽ chôn ngay giữa đường, xác bọc trong tấm chăn vải, đầu quay hướng về La Mecque (chỗ mặt trời mọc) trên mộ lúc nào cũng có dẫn đá, và gai talha, cho những con sói sa mạc khỏi đến đào lên ăn mất. Để đánh dấu nấm mộ họ đặt một vật gì thường dùng của người đã chết, sau nầy nếu có dịp đi qua sẽ không bị lẫn với những nấm mộ khác.

Khi người con trai du mục muốn cưới một người con gái trong bộ lạc, phải nhờ người mối đến nói, nếu nhà gái nhận lời thì sẽ trao ngay một việc gì thường dùng bằng bạc của cô con gái cho người mối mang về làm tin. Ngay chiều ấy, nhà trai mang đến nhà gái nào vải, nào dầu, nào cừu, nào henné (một thứ bột có tính chất làm cho da dày, thường bôi vào tóc vào tay những cô dâu mới để trừ sự ám ảnh của ma quỷ, người đàn ông du mục còn lấy bôi vào gan bàn chân cho dày lên khỏi bị bỏng khi cát nóng). Ngày mai đến cô gái cõng một đứa con giai và ôm theo một con cừu non về nhà chồng, vừa có ý cầu mong cho có ngay con giai vừa cầu cho nhà chồng được thịnh vượng.

Bà mẹ chồng sẽ cột đầu gối cô con gái bằng một sợi dây thừng trước mặt ba ông táo và bảo rằng : đây là chỗ của con » Tượng trưng cho sự gánh vác giang sơn nhà chồng. Chữ gánh vác dùng ở đây quả thật không ngoa tí nào vì người đàn bà ngoài công việc nấu ăn phải lo giữ lửa, dệt áo, đẻ và nuôi con (mỗi năm) nuôi dê, dựng nhà vải khi ngừng và xếp giang sơn khi đoàn lên đường. Lúc con chưa lớn mà nếu thiếu củi đun thì người đàn bà còn phải nhặt từng miếng phân lạc đà phơi khô để dành đun nấu.

Tuy cuộc sống của người dân du mục rất vất vả nhưng họ tin rằng

trời sinh ra thế, họ không thể từ bỏ sa mạc, từ bỏ những bãi cát mông mênh tăm tắp để định cư một nơi nào. Ngừng đi tức là ngừng tự do, ngừng đi tức là chết.

*
* *

Vì không có xe, chúng tôi phải hợp nhau lại thuê riêng taxi để đi xem các nơi, ở các vùng xa phải dậy đi thật sớm và nhờ thế mới thấy lòng ngoan đạo của dân chúng. Ngay cả những người tài xế lái xe, lúc mặt trời mọc hay lặn là dừng xe, xuống bãi cát cúi rạp đầu làm lễ.

Đường về Goatgla và Elgoléar chập chùng những đồi cát, cát đọng lại thành những bông hoa người ta gọi là hoa hồng cát (rose de sable) trông rất đẹp mắt. Goatgla và Elgolear bé và không văn minh bằng Ghardaia nhưng bao la hơn Ghardaia nhiều.

Người ta bảo rằng dân Mozabit còn có những phong tục riêng ở giữa những người đàn bà và những người đàn ông...

Ngoài vấn đề khí hậu ra, ai có can đảm đến những vùng nầy đều có thể sống và làm giàu được, cố nhiên là phải làm việc mới giàu. Tuy ánh sáng văn minh chưa chói đến nhiều nhưng rồi đây lúc mà loài người không biết đi đâu, Sahara cũng sẽ trở nên đô hội không kém những vùng khác.

Với tình hình chính trị thay đổi người dân Mzab đang lo không biết rồi đây sẽ thế nào vì các dân tộc như Touareg, Kabiles, Mzab, Berbères không bao giờ chịu nhường nhau một bước. Trước khi người Pháp đặt chân đến, các dân tộc nầy vẫn luôn luôn đánh nhau để tranh dành quyền lợi đất cát. Người Pháp đến đã chia đều cho mỗi dân tộc những quyền lợi riêng, thí dụ như dân Mozabit thì khỏi đi lính, khỏi phải đóng thuế. Nhờ vậy người Mozabit rất giàu và với tình hình hiện tại họ vẫn lo không biết ngày Algérie độc lập rồi thì sao. Từ mấy năm nay, dân tộc vẫn chống với nước Pháp đã đòi độc lập không phải là dân tộc Mozabit mà là dân tộc Á-rập

Người ta bảo rằng nước Pháp muốn cắt Sahara ra khỏi châu Phi nên mới cột Sahara vào nước Pháp từ năm 1958 và lập ra tổ chức O.C.R.S (organisation commune des régions de Sahara). Nhưng theo ý người dân ở châu Phi thì sự phân chia ấy không thể nào thực hiện được.

Nói tóm lại Sahara là một xứ rất giàu, không phải chỉ có dầu hỏa ở những vùng Hassi, Mésaou, và Hassi r'mel v.v.. mà thôi, đất sa mạc còn chứa bao nhiêu mỏ chưa khai thác như sắt, đồng, uranium, Dầu hỏa thì khắp nơi đều có. Ngoài ra sa-mạc còn là một xứ rất thơ mộng mà không một ngọn bút nào đủ tài viết lên.

Nếu một kỹ nghệ gia tìm ở đây bao nhiêu nguồn lợi thì một nghệ sĩ cũng có thể tìm được ở đây bao nhiêu đề tài. Tất cả đều gợi cảm, ngoài những cảnh mặt trời mọc, mặt trời lặn, những đêm sao rực rỡ, còn bao nhiêu cảnh đẹp khác. Từ một nhân vật, một

túm cỏ mọc trên lớp đất khô đều gây cho người bao nhiêu cảm hứng, mỗi vết chân trên cát cũng mang một nguồn tâm sự.

Tuy vậy trước khi quyền rũ những ai muốn đến viếng sa mạc, người sa mạc không quên nhắc rằng mùa nắng ở Sahara ngoài cái nóng 65 độ ban ngày và 35 độ ban đêm, còn có rất nhiều ruồi, bò cạp, cắt kè và rắn vàng là thứ rắn có thể làm chết người trong nháy mắt.

Mùa đông đến không có cái gay gắt của mặt trời thì có cái lạnh khô ba bốn độ dưới không là thường. Ngoài ra còn những làn gió cát mù mịt gửi từng nắm cát vào mặt vào tóc người.

Tất cả những sự ấy nếu không làm cho bạn sợ hãi thì mời bạn hãy dọn đường mơ tưởng trước và thực hành lúc nào có hoàn cảnh thuận tiện.

Phần ba chúng tôi thì đứa nào cũng cho là « ça vaut le coup » và hẹn ngày trở lại.

Alger 23 - 1 - 61
MINH-ĐỨC

THẾ KỶ CHÚNG TA

★ *HOÀI - HƯƠNG* ★

Thế kỷ hai mươi của chúng mình
Chiến tranh núp dưới áo hòa bình.
Bao nhiêu sức sống căng tròn vội
Vũ trụ phùng mang nuốt vệ-tinh.

*
* *

Chót mũi địa cầu tuyết vụt tan
Đỉnh non Hy-mã, mây kinh hoàng
Ngàn sao hớt hãi rưng rưng mắt
E dấu chân người hăm lấn sang.

*
* *

Không còn kẻ muốn đời nô-lệ
Người của đôi mươi chẳng cúi đầu
Mạnh như triều nước tuôn ra bể
Cuốn hết lầm than, hết khổ đau

*
* *

Thời gian đã rắc sắc, hương hoa
Gieo trẻ trung trên vũ-trụ già
Sa mạc đâm chồi, đồng cướp núi
Oai hùng thay, thế hệ chúng ta.

*
* *

Ai bảo « đầu thai làm thế kỷ »,
Trốn giữa trần gian lại ngấy đời ? !
Họ chôn chân dọc đường thiên lý,
Khi loài người vươn dậy nơi nơi

Thế kỷ ta : mạnh như sóng ngàn khơi

H. H.

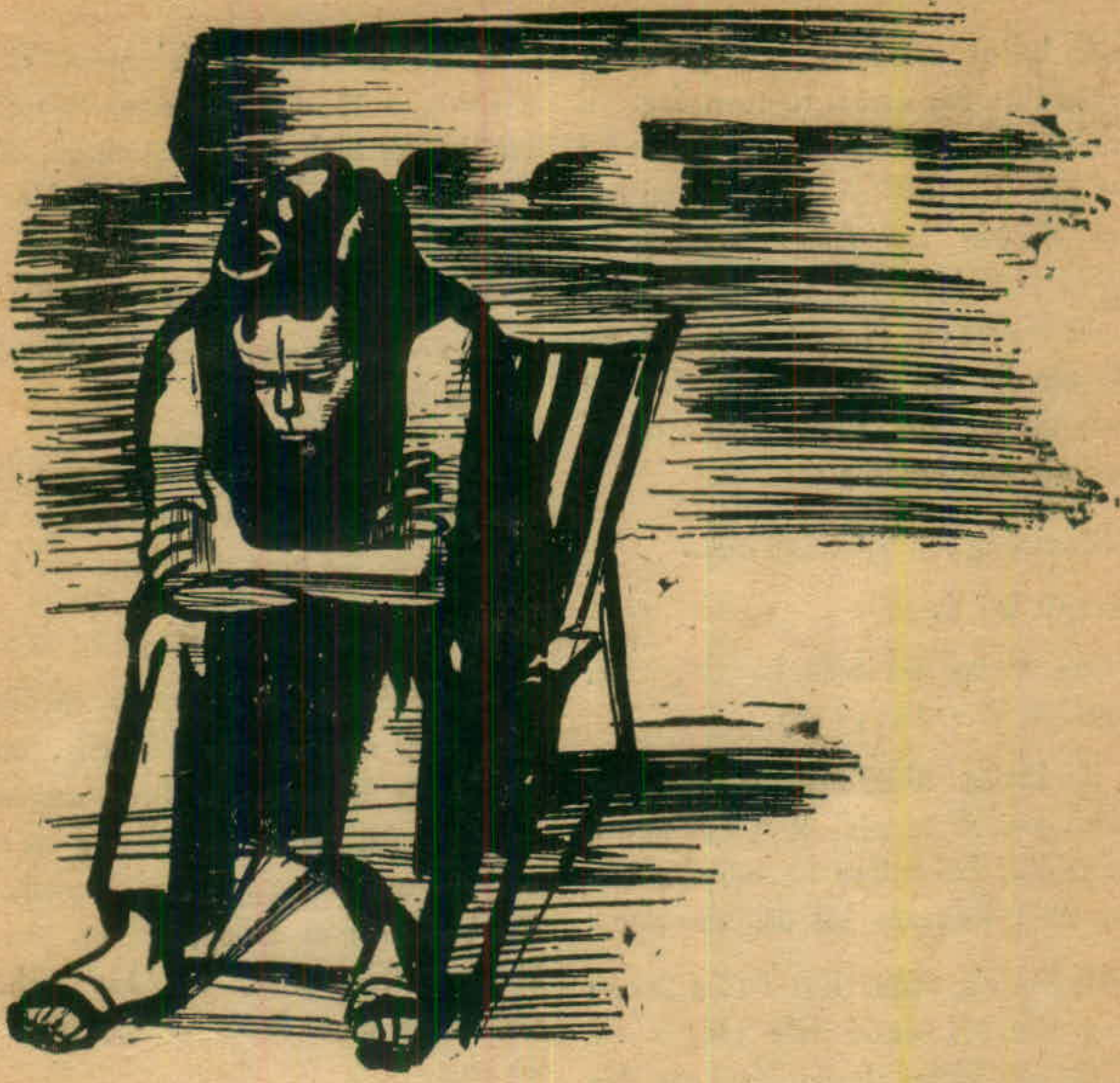

LINH HỒN TÔI

✱ *DOÃN-DÂN*

(tiếp theo B. K. số 100)

— Doãn bảo em Bích đi sắp cơm cho me. Gần đến giờ ba con về rồi.

Tiếng nói của me tôi làm tôi chợt nhớ ra là từ nãy tôi vẫn ngồi yên. Đồng thời, tôi cũng nhớ ngay đến câu nói bỏ lửng của bà hồi nãy.

Tôi nhìn me tôi, nói :

— Me ! Con muốn me cho con được biết một điều...

Tôi để ý nét mặt me tôi. Bà vẫn thản nhiên đưa lưỡi dao dọc theo cuộng rau muống, hỏi lại tôi, giọng đều-đều, thong-thả :

— Me sẽ cho con biết, nếu me có thể. Con muốn hỏi me về chuyện gì ?

Tôi ngồi gần lại bên me tôi hơn, cố lấy giọng quan trọng :

— Ba sẽ làm gì con, nếu ba biết Loan đã đến đây ? Me cho con biết.

Me tôi buông cuộng rau muống xuống chiếc chậu thau đầy nước, từ-từ ngẩng đầu lên nhìn tôi. Bà như ngỡ-ngàng trước lời tôi vừa nói. Tôi thấy rõ hai hàng mi mắt me tôi khe-khẽ lay động. Nét mặt bà thoáng vẻ khó chịu. Tôi chờ đợi một lời trách nhẹ của me tôi. Nhưng ánh mắt me tôi dần-dần dịu lại. Bà giơ một tay lên vuốt mấy sợi tóc xõa xuống trán ; rồi lại cúi đầu, nói như lơ-đãng :

— Me tưởng con hiểu hơn me...

Tôi ngắt lời me tôi :

— Con không thể hiểu ba bằng me. Con cần biết ba sẽ làm gì con...

Me tôi không nhìn tôi. Bà lẳng-lặng bưng chậu rau, đứng dậy, đi ra nhà ngoài, vớt rau ra đĩa. Tôi đi theo bà, nói như vẫn lạy, tuy trong lòng tôi bắt đầu khó chịu :

— Me hãy cho con biết ! Con sẽ rất vui lòng, nếu con được biết rằng : me ghét Loan nên không muốn để Loan đến đây. Me cứ bảo thẳng với con như vậy.

Me tôi đặt đĩa rau lên mặt bàn ăn, quay lại hơi cau mặt nhìn tôi, nghiêm-trang, nói :

— Me nhắc lại : me không ghét gì Loan cả ! Nhưng... còn ba con... Tính ba con khác tính me...

« Tính ba con khác tính me », câu nói này của me tôi chợt đập mạnh vào đầu óc tôi làm tôi hình dung thật nhanh đến nét mặt ba tôi. Tự nhiên, nỗi khó chịu trong lòng tôi vụt tăng lên. Theo thói quen bướng-bỉnh, tôi nói không suy-nghĩ :

— Con sẽ lại mời Loan đến đây và con sẽ cho ba biết !

Me tôi hình như đã đoán trước là thế nào tôi cũng nói câu đó nên nét mặt bà vẫn điềm nhiên. Bà nhìn tôi không chớp mắt.

Một lát sau, me tôi dịu giọng bảo tôi :

— Con lớn rồi ! Con đã có đủ điều kiện để tự suy xét việc làm của con rồi. Me không thể ngăn cản được con điều gì mà thực tâm con muốn. Nhưng me muốn nói với con câu này : Con còn nhớ trận đòn buổi tối mùa Đông, hồi con còn nhỏ không ? Nếu nhớ, con hãy nghe lời me, đừng đưa Loan về đây nữa. Me xin con...

Trông đôi mắt và nét mặt khẩn khoản của me tôi khi nói câu đó, tình thương me tôi thốt nhiên bừng lên mãnh liệt trong lòng tôi. Tôi không ngờ me tôi lại cũng âm thầm ghi nhớ những điều đã xảy ra cho tôi như vậy. Một cảm giác nôn nao chợt gợn lên từ trong lồng ngực tôi rồi lan ra

Khác đời

Monique Van Vooren nói :

— Muốn cho người ta lưu ý đến mình thì phải khác đời một chút, như cái tháp thành Pise nếu không nghiêng thì liệu người ta còn để ý đến nữa không ?

khắp cơ thể và dồn lên hai mi mắt tôi. Tôi muốn nói với me tôi rằng : « Con xin nghe lời me ! Dù vì một cớ nào chăng nữa con cũng cố quên Loan để me vui lòng ».

Nhưng chẳng hiểu tôi đã nghĩ thế nào mà lại nhìn me tôi, nói bằng một giọng cương quyết :

— Con không dám hỗn với me. Nhưng... nếu me không cho con biết tại sao me lại không muốn con quen Loan thì con nhất định cứ để Loan đến đây xem ba...

Nói đến đây, tôi thấy sắc mặt me tôi hơi tái đi. Đôi mắt bà trừng trừng nhìn tôi và dần dần hoe đỏ. Hình như hai hàm răng me tôi đang nghiến lại và người bà run run. Chưa bao giờ tôi trông thấy me tôi có dáng đau khổ như vậy.

Tôi chạy đến dìu mẹ tôi ngồi xuống ghế và dịu giọng nói với me tôi :

— Con xin lỗi me ! Con sẽ tránh gặp Loan ! Con sẽ nghe lời me !

Tuy miệng tôi nói vậy, nhưng thực ra, trong tận cùng của tiềm thức tôi vẫn có một tiếng nói âm thầm vẳng lên cho tôi biết rằng: « tôi không thể nào xa Loan ». Đầu óc tôi đâm ra hoang mang, hỗn loạn. Tôi ngồi xuống cạnh me tôi và gục mặt xuống bàn.

Bắt đầu từ phút ấy, hình ảnh Loan cứ xoán lấy ý nghĩ tôi. Rồi những lời nói của me tôi về nàng, dần dần hiện ra trong tâm trí tôi. Tôi nhớ lại tất cả những lời me tôi đã nói với tôi về Loan, từ ngày chúng tôi mới quen nhau. Tôi cố tìm kiếm những nguyên nhân đã khiến me tôi có thái độ ấy với Loan. Nhưng tôi thực không thể nào hiểu được tại sao me tôi và nhất là ba tôi lại có ý không muốn để tôi giao thiệp với Loan như vậy.

Trước kia, thấy thái độ này của ba me tôi, nhiều khi tôi đã thầm nghĩ : « Hay tại Loan có một tật xấu nào mà vì quá yêu nàng, tôi không tìm thấy, nên ba me tôi không muốn để tôi đi lại với nàng ?». Nhưng ý nghĩ này cũng không làm tôi yên tâm. Vì tôi đã hiểu Loan và tôi nhận thấy nàng không có một lầm lỗi nào lớn lao đến độ khiến ba me tôi phải khinh ghét nàng. Vả lại, tôi vẫn tự nhủ : dù Loan có thế nào chăng nữa, tôi cũng vẫn không thể sống xa nàng được. Tôi tha thiết yêu Loan và cần nàng, một phần vì quanh tôi không còn ai để tôi có thể nói, được lòng tôi ; mà cũng không ai hiểu tôi, biết an ủi, khuyến khích, chiều chuộng tôi như nàng. Tôi muốn nói ý nghĩ của tôi với me tôi. Nhưng chưa bao giờ bà để tôi được nói nhiều về Loan.

Đã có lần tôi nghĩ đến bệnh lao của nàng, nhưng tôi vẫn băn khoăn tự hỏi : làm sao mà ba me tôi biết được ? Vả lại, nếu chỉ có thể thì tại sao ba me tôi không nói thẳng ra với tôi rồi bình tĩnh khuyên can tôi và để tôi định liệu ? Tôi mơ hồ cảm thấy như có một điều gì bí ẩn ở nàng mà me tôi không cho tôi biết. Mỗi khi tôi nhắc đến Loan, me tôi lại tìm cách nói lảng sang chuyện khác như muốn để tôi quên Loan.

Tôi cố tâm tìm hiểu xem vì cớ gì ba me tôi lại có ý ngăn cản tôi với Loan như vậy. Song, cuối cùng, tôi vẫn không tìm được gì hơn, ngoài cái cớ đơn giản là : « Loan mắc bệnh lao ». Và tôi tự hiểu rằng : nếu chỉ vì cớ ấy thì chắc chắn sẽ không bao giờ tôi chịu xa nàng. Những lời tôi đã nói với nàng ngay sau khi tôi biết nàng có bệnh, lúc nào cũng vẳng lên trong tâm trí tôi.

Tôi không nhớ rõ Loan đã cho tôi biết điều đó vào ngày nào. Tôi chỉ nhớ, hôm ấy, khi tôi cúi xuống định hôn Loan, nàng

vội lấy tay bịt miệng tôi lại và sắc mặt, nàng đột-nhiên biến đổi. Cử chỉ này của Loan khiến tôi ngờ là mình đã có điều gì làm nàng phật ý — vì từ khi chúng tôi yêu nhau, chưa bao giờ tôi thấy Loan để lộ nỗi lo sợ của nàng ra một cách rõ-ràng như vậy. Tôi hỏi Loan tại sao. Nhưng nàng nhất định không nói với tôi một lời nào nữa. Từ lúc ấy, nàng chỉ ngồi yên lặng bên tôi.

Cho đến khi tôi gần ra về, Loan mới nhìn thẳng vào mắt tôi, nói như đã nghĩ từ lâu :

— Em biết sẽ không dấu được anh. Mà em cũng không muốn giấu anh làm gì. Sở dĩ mãi đến lúc này em mới nói với anh, vì mọi người đã lánh xa em. Em yêu anh nên không dám để anh lại cũng đi xa em nữa. Em cố bám lấy những phút gần anh. Nhưng... bây giờ thì em đã nghĩ kỹ rồi... Em sẽ vui lòng để anh xa em...

Nói đến đây, Loan ngừng lại, cúi xuống như để trấn-tĩnh lòng mình.

Vài phút sau, nàng lại ngửng lên, nhìn tôi, mỉm cười, tiếp :

— Vì... em mắc một thứ bệnh mà bất cứ người nào gần em cũng rất dễ-dàng mắt... « nơi để thở »...

Đến bây giờ, tôi không còn nhớ được là sau khi Loan cho biết như vậy, tôi có ngạc nhiên không. Nhưng tôi nhớ, tôi đã hôn thật lâu lên môi nàng, rồi âu-yếm nhìn nàng, lấy giọng nghiêm trang, nói :

— Không vì bệnh lao của em mà anh gần em thì cũng không phải vì nó mà anh xa em. Anh muốn Loan nhớ điều này : trước kia — và ngay cả bây giờ nữa — anh cũng đã yên-trí rằng em không phải là một người hoàn toàn. Nhưng... anh yêu em...

Sau lời nói của tôi, Loan có vẻ buồn, buồn, lẳng-lặng gục đầu lên vai tôi.

Một lát sau, nàng nói rất nhỏ bên tai tôi :

—... Doãn... chẳng hiểu sao, nhiều khi được ở bên anh mà em cũng vẫn nơm nớp lo sợ : rồi đây em sẽ mất anh. Anh có nghĩ thế bao giờ không ?

Tôi đặt nhẹ một tay lên đầu Loan, nói để lấp mối lo sợ đang ẩn nấp tận đáy lòng :

— Không bao giờ anh nghĩ thế cả ! Anh vẫn coi em là linh hồn anh nên chưa bao giờ anh dám nghĩ rằng : anh sẽ mất em...

Loan ôm tôi chặt hơn trong vòng tay nàng. Tôi nghe rõ tiếng Loan cười nho nhỏ, trước khi nàng nói với tôi :

— Anh dại quá ! Sao anh lại đi chọn một « linh hồn bệnh hoạn » cho anh ? !

Tôi cũng mỉm cười, đùa lại :

— Anh chọn làm sao được ! Anh nhớ ơn Chúa, vì Chúa đã ban cho anh.

Loan bỗng cười to hơn. Nàng buông tôi ra, nhìn tôi bằng đôi mắt tinh nghịch. Tôi hiểu rằng nàng cười vì đây là lần đầu tiên nàng nghe thấy tôi nhắc đến « Chúa ». Tôi chợt nhớ tới một đoạn trong lá thư nàng viết cho tôi : « ...Anh không hướng theo « một tôn giáo nào nhất định, vì một mình « anh, anh cũng có thể tạo được niềm tin « và nghị lực để tự đem lại hạnh phúc cho « anh. Em thì em xin niềm tin ở Chúa và « xin nghị lực nơi anh. Niềm tin giúp em « « mở mắt » và nghị lực dìu dắt em đi. « Thể chất em đã kém cỏi, em phải cố « gắng sao cho tinh thần em được bằng « người. Em luôn luôn cầu nguyện cho « anh để anh mãi mãi giữ được « nguồn « hạnh phúc » mà hiện giờ anh đang có ».

Câu cuối cùng trong thư Loan viết làm lúc đó tôi thoáng nhớ đến cuộc sống của tôi trong gia đình. Và một mối buồn bao la, vô cớ đột nhiên xâm chiếm lòng tôi.

Tôi hỏi Loan :

— Em bảo « nguồn hạnh phúc » nào mà anh đang có ?

Loan tròn mắt nhìn tôi ngạc nhiên.

Tôi không cười, giảng giải :

— Anh vừa nhớ tới một câu trong thư em...

Loan « à » một tiếng, hất hất mái tóc ra phía sau nói :

— Anh thì lúc nào cũng « nhớ » !

— Lúc nào anh cũng « nhớ » vì tất cả mọi lời nói của em đều làm anh phải nhớ...

Loan định ngắt lời tôi. Tôi nghiêm mặt nhìn thẳng vào mắt nàng, tiếp :

— Nhưng có một điều anh không nhớ được là : không biết đó là lần thứ bao nhiêu, em đem gán hai chữ « hạnh phúc » cho anh ? ! Em làm nhiều khi anh thầm nghĩ rằng : em chẳng hiểu anh một chút nào cả !

Đôi mắt Loan mở to hơn. Tôi đoán là nàng lại sắp nói đùa một câu như mọi khi. Nhưng có lẽ vì nét mặt nghiêm nghị của tôi nên ánh mắt Loan dần dần dịu lại. Nàng quay đi, vừa ra ghế ngồi, vừa nói, giọng buồn buồn :

— Có lẽ em chưa hiểu được anh thật ! Nhưng..! anh có dám chắc rằng chính anh, anh đã hiểu hết anh không ? Tại sao anh cứ bắt em phải hiểu ở anh tất cả ?

— Anh không bắt em như vậy. Chính em mới là người « bắt buộc » anh. Tại sao em cứ nhất định bắt anh phải có « hạnh phúc » trong khi em đã hiểu rõ cuộc sống của anh ?

Loan quay nhanh sang tôi :

— Ô hay ! Em bắt làm sao được hạnh phúc phải đến với anh ! Nếu anh bảo rằng : em chỉ là người « nhận thấy » nó đã sẵn có trong anh thì còn có lý,.

Tôi đến ngồi xuống cạnh Loan, hơi nhíu đôi lông mày nhìn nàng, hạ giọng hỏi:

— Em đã « nhận thấy » thế à ? Em đã dựa vào đâu ? Hay không dựa vào đâu cả?

Nét mặt Loan thoáng vẻ bối rối. Nàng nhìn tôi, mấp máy môi định nói. Nhưng bất giác nàng hơi nhăn mặt, quay đi đưa một tay lên đỡ ngực để nén cơn ho. Cử chỉ này của Loan làm tôi để ý đến khuôn mặt nàng. Và lúc này tôi mới nhận ra, nàng gầy và xanh. Thốt nhiên một cảm giác nôn nao hình như bắt nguồn từ tình thương, chợt nhóm lên trong lòng tôi, và lớn dần... lớn dần... Rồi tôi vụt nghĩ đến một ngày nào đó, tôi sẽ mất Loan. Trong một giây, bao nhiêu nỗi thắc mắc của tôi vừa rồi, tiêu tan đi hết. Tôi đứng dậy, đến bên Loan, âu-yếm, nói :

— Anh ân-hận đã làm em mệt trí. Em hiện đang uống thuốc gì ?

Loan như không để ý đến lời nói của tôi. Nàng ngồi yên lặng, nét mặt suy tư.

Một lát sau, Loan vẫn không nhìn tôi, nói :

— Những lúc xa anh, mỗi khi em chợt nghĩ rằng : em đang có một người yêu là anh, em lại bàng-hoàng, sung-sướng như những ngày đầu em mới quen anh ; và em lại có cảm-tưởng như « có » một mình anh, là em có được tất cả. Em không ao-ước gì hơn nữa. Vì đối với em, em cho như thế là em đã có hạnh-phúc trong tay. Em yêu anh nên tin rằng anh cũng nghĩ như em.. Anh cũng đã tìm thấy hạnh-phúc ở em... Chẳng hiểu « tin » như vậy có nhầm không ?..

Nghe Loan nói đến đây, tôi ngỡ-ngàng, ngây-ngất như lần đầu tiên được nghe nàng nói được ba tiếng : « em yêu anh ».

Tôi không hiểu rõ là những lời nàng vừa nói là tôi sung-sướng hay đau khổ. Tôi chỉ mang-máng hiểu rằng đó cũng chưa phải là cái có chính đáng khiến từ trước đến nay, nàng hay bảo tôi là người đã « có được hạnh-phúc trong tay ».

Tôi lần lần nhớ lại tất cả những khi chúng tôi nói chuyện với nhau. Và tôi nhận ra, hình như Loan luôn-luôn cho tôi là người sung-sướng, mặc nàng vẫn hiểu : tôi luôn-luôn bị cuộc sống trong gia đình dằn vặt. Và hình như những lúc tôi càng có dáng buồn phiền bao nhiêu, nàng lại càng hay nhắc đến ý nghĩ đó với tôi bấy nhiêu.

Trước kia, đã có lần tôi thầm nghĩ : « có lẽ vì muốn tôi quên những nỗi băn-khăn thắc-mắc về gia đình nên Loan đã cố tình đem hai tiếng « hạnh-phúc » gán ép cho tôi để hy vọng tôi sẽ dần-dần bị nó mà ảnh mà tưởng là mình « có thật ». Nhưng thực ra không những tôi đã không « bị ám ảnh » như ý Loan muốn — nếu quả nàng muốn vậy — mà chính điều đó còn làm cho tôi cảm thấy một chua chát cuộc sống của tôi.

Tôi thật không hiểu Loan đã có ý gì — ngoài ý tôi đoán — mà nàng lại cư-xử với tôi như vậy.

Điều làm tôi không hiểu ở Loan hơn cả là : nàng luôn luôn biết được ý nghĩ tôi và an-ủi, khuyến-khích tôi khiến nhiều khi tôi phải ngạc nhiên về sự nàng biết quá rõ cuộc sống của tôi, như thể nàng đã quen thuộc với gia đình tôi nhiều lắm. Nàng như hiểu rõ cả tâm-tính ba-me tôi. Đã một vài lần tôi hỏi Loan về điều này. Song, lần nào nàng cũng nhìn tôi như có vẻ ngỡ-ngàng, rồi trách tôi bằng giọng làm nũng :

— Sao anh ngó-ngẩn thế ? Sao anh lại đi hỏi em về gia-đình anh ? !. . Còn tại sao em lại biết rõ ý-nghĩ của anh thì. . . em đoán...

Rồi Loan vừa cười, vừa tiếp :

— Vả lại, khi anh mà đã buồn thì chỉ có người nào ngu lắm mới không nhận thấy... Em chỉ « ngu » vừa vừa thôi nếu em biết ngay...

Nghe Loan trả lời như vậy, tuy tôi vẫn còn thắc-mắc, nhưng chẳng hiểu sao, tôi lại không hỏi nàng thêm một lời nào nữa.

Rồi càng gần Loan, hiểu nàng, nỗi thắc-mắc ấy càng lớn dần lên trong lòng tôi...

Cho đến một ngày, tôi chợt nhận ra là cả Ba - Me và Loan hình như có một một điều gì bí-ẩn và cùng muốn giấu tôi. Tôi mơ-hồ thấy mình đang sống cho i-vơi, trơ-trọi giữa những người thân yêu nhất và giữa những niềm băn-khoăn, phiền muộn cứ mỗi ngày một lan ra, vây lấy đời tôi...

Khi tôi ngẩng đầu nhìn lên thì ba tôi đã đứng ở ngưỡng cửa tự lúc nào. Thấy tôi đã trông thấy ông, ông từ-từ đi vào nhà. Và không nhìn tôi, ông thản nhiên hỏi :

— Ở nhà vừa có chuyện gì ?

Tôi vẫn ngồi cạnh me tôi, yên lặng.

Ba tôi treo mũ lên mắc, xong, quay mặt về phía me con tôi, hỏi lại, giọng dõng dạc hơn ;

— Doãn ! Ở nhà vừa có chuyện gì ?

Mẹ tôi nhìn ba tôi, điềm tĩnh trả lời :

— Có chuyện gì đâu ! Tôi thấy trong người khó chịu, đang nhờ con cho uống thuốc...

Đôi mắt ba tôi bỗng cau lại và hơi sáng lên. Ông hết nhìn me tôi lại nhìn tôi. Tôi hiểu ngay là ông không tin lời me tôi vừa nói. Và tôi cũng mong ông không tin như vậy. Tôi hơi khó chịu về câu trả lời của me tôi.

Không đợi ba tôi phải hỏi gì thêm, tôi nói :

— Hồi chiều, cô Loan, bạn của con đến đây chơi, me con không bằng lòng...

Ba tôi vứt mẩu thuốc lá xuống đất, vẫn thản nhiên hỏi tôi :

— Rồi sao ?

Tôi nhìn ba tôi, chưa biết kể lại đầu đuôi câu chuyện thế nào thì ba tôi tiếp luôn :

— Rồi anh cãi lại mẹ anh phải không ?

Trông đôi mắt và nét mặt ba tôi, tôi biết là ông sắp nổi giận.

Tôi nói ngay :

— Con không cãi. Nhưng con muốn biết tại sao me lại không muốn cho Loan đến đây. Đã bao nhiêu lần ..

Ba tôi nhìn thẳng vào mặt tôi, ngắt lời :

— Tôi bảo me anh thế !

Câu nói của ba tôi như một ngọn lửa hắt vào mặt tôi khiến nỗi bực tức trong lòng tôi vụt bốc lên.

Tôi nhìn lại ba tôi, hỏi :

— Tại sao ba lại « bảo » thế ?

Ba tôi trả lời cộc lốc :

— Tại tao muốn !

Tôi đứng dậy và nói to hơn :

— Nhưng tại sao ba lại « muốn » như vậy ?

Tôi thấy ánh mắt ba tôi thoáng bối rối, rồi trừng lên nhìn tôi ; và mặt ông hơi đỏ. Tôi đoán là ông sắp quát tháo với tôi. Nhưng thốt nhiên vẻ mặt ba tôi bỗng đanh lại và tia mắt hơi dịu đi. Ông vẫn nhìn tôi, nói bằng một giọng lạnh lùng, quyết liệt :

— Đây là lần cuối cùng tôi bảo cho anh biết ! Tôi cấm anh không được đi lại với con Loan. Nhà này không phải là nơi để anh dắt gái về, anh biết chưa !

Đầu óc tôi vụt tối xầm lại. Người tôi nóng bừng lên. Tôi không thể ngờ rằng ba tôi lại có thể thốt ra những lời như thế để chỉ Loan. Các mạch máu trong người tôi như vừa đứt tung ra. Tôi muốn đập phá tất cả những chồng bát đĩa ở trên mặt bàn, ngay trước mắt tôi Tôi muốn nói lên bất cứ lời nào để cãi lại ba tôi. Nhưng tôi không sao làm được gì cả.

Rồi bất giác, hình như có người níu lấy chân tôi, kéo mau tôi ra cửa.

Và đêm hôm đó, tôi đã đi lang thang trên những con đường mà đến bây giờ tôi vẫn chưa nhớ ra được. Lúc vừa hoát ra khỏi nhà, tâm hồn tôi như chợt loãng ra và tan đi rất nhanh. Tôi bàng-hoàng ngây-ngất

và thấy mình bơ vơ, lạc-lõng. Những ý nghĩ mung-lung, hỗn-độn quay chung quanh một khối đau-khổ lớn lao đang xoáy dần... xoáy dần vào tâm trí tôi. Tôi bước chân đi trong màu đen tối của những con đường không một ánh đèn và tôi có cảm tưởng, mỗi bước chân đi, lại đưa tôi đến gần tội lỗi, một thứ tội lỗi rất bao la nhưng mơ-hồ làm tôi không nhận biết. Tôi tự thấy mình có thể phạm bất cứ một tội lỗi nào vào lúc này. Những ý nghĩ về một hành động xấu-xa không rõ-rệt, lởn vởn trong đầu óc tôi. Và hình như lúc ấy, không một phút nào lương-tâm hiện ra can gián tôi. Tôi chợt nhớ một lần tôi đã nói với Loan : « người ta chỉ « thấy » được lương tâm mình một cách rõ ràng nhất, là khi đã phạm phải một lỗi lầm to lớn nhất. Bởi vậy, biết rằng mình có lương tâm tức là tự biết mình đã một lần — ít nhất là một lần — phạm tội Riêng đối với em thì đây là lần đầu tiên anh thấy lương tâm anh bắt đầu xuất hiện... »

Tôi nói với Loan như vậy vì hôm đó ba tôi đã nhất định bắt tôi phải gánh chịu hai tiếng « trụy lạc » khi ông biết tôi quen « một người con gái » là Loan. Tôi muốn trút nỗi uất ức của tôi bằng cách làm theo lời ông nói, nên tôi tìm đến Loan. .

Song, khi gặp nàng, tôi tự nhiên thấy mình hèn hạ... và tôi đã ra về « êm đẹp » như nhiều lần trước tôi đến thăm nàng.

Nhưng khi ra khỏi nhà Loan, những lời nói của ba tôi lại vẳng lên dày vò, dày dứt tôi trong từng ý nghĩ. Tôi tự biết mình sẽ có những hành động xấu xa, Và mỗi lúc sự « tự biết » này lại hiện lên rõ rệt trong đầu óc tôi hơn.

Rồi đến một phút, tôi không sao che lấp đi được.

Và tôi đã cố tình đi tìm nơi... để được tự thấy mình « trụy-lạc » thực thụ.

Cho đến khi nằm kề bên người con gái chưa bao giờ quen biết, tôi lại lấy làm lạ rằng : chính trong lúc ấy, tôi vẫn không cảm thấy mình « trụy lạc » một chút nào — như ý tôi muốn — mà chỉ thấy tự kinh tởm và tự thương mình một cách xót-xa, đau-đớn. Và cũng đến lúc đó tôi mới hiểu hết ý nghĩa câu nói của một người bạn khuyên tôi khi hắn biết tôi có ý định viết văn. Hắn bảo : « Nếu thực tâm anh muốn viết thì tôi không nói làm gì. Nhưng nếu chỉ vì một lý do nào khác thì, chỗ tình bạn, tôi thành thực muốn khuyên anh câu này : Người ta không thể làm được bất cứ việc gì đi đến thành-công, nếu chỉ vì muốn tỏ ra cho kẻ khác biết là mình « có thể » làm được việc đó. »

Và hôm ấy, tôi đã không « thành công » trong sự muốn « tỏ-ra » cho chính tôi và ba tôi biết là tôi đã « trụy-lạc » thực thụ.

Tôi vẫn bước đi trong cái lạnh-lẽo mênh-mông của đường phố lúc về khuya và vẫn mang trong đầu óc những hình ảnh mơ hồ, đen tối. Tôi có cảm tưởng, nếu suốt đêm nay tôi không về nhà, không gặp ba mẹ tôi, là sẽ không bao giờ tôi về nữa, không bao giờ... Tôi vụt nghĩ đến khuôn mặt hiền hòa, u buồn của mẹ tôi và một nỗi buồn rộng lớn làm tôi muốn khóc. Tôi muốn gặp Loan để cho nàng trông thấy những giọt nước mắt đọng trên đôi mi tôi. Tôi muốn hành hạ nàng và muốn ở nàng tất cả . . . Bỗng dưng tôi thấy mình đang phạm một tội thật lớn lao với những người thân yêu nhất Mỗi bước đi lại làm tội lỗi của tôi to thêm. Tôi muốn trốn tránh một sự gì mơ hồ và tôi muốn trốn tránh chính tôi...

Rồi hình như sự trốn tránh ấy đã dẫn dắt tôi trở về.

Và khi về gần đến nhà, tôi mới nhận ra, ánh đèn trong phòng me tôi còn sáng. Điều này lam tôi ngạc nhiên, vì ít khi me tôi thúc khuya như vậy. Tôi tò mo đến bên me tôi, định xem bà đang làm gì. Những lời nói lao xao thoảng ra từ trong phòng bà làm nỗi ngạc nhiên của tôi tăng lên. Tự dưng, linh tính cho tôi biết, một sự gì đang xảy đến với tôi. Hình như ba tôi cũng đang ở trong ấy với me tôi. Tôi hồi hộp áp một bên má vào tường, gần cửa sổ phòng me tôi, chờ đợi...

Có tiếng me tôi nói, giọng vẫn điềm nhiên, thong thả :

— Nhưng cậu phải nhớ là chỉ có một mình để con Loan biết chuyện...

— Bởi vậy tôi mới phải cấm nó đi lại với con Loan ngay từ lúc đầu.

Tim tôi như ngừng hẳn lại. Một phút yên lặng trôi qua, dài như một giờ. Rồi lại có tiếng me tôi nói :

— Cậu cấm chúng nó bây giờ, tôi... e ngại lắm ! Theo ý tôi thì cứ để chúng nó yêu nhau. Con Loan thông minh như vậy, tôi chắc dù nó có biết, cũng không khi nào nó nói với thằng Doãn chuyện đó...

Ba tôi ngắt lời, giọng có vẻ hơi gắt :

— Nhưng rồi sau này, nếu lấy được nhau, nó sẽ nói...

— Sau này... sau này thì tôi không cần nữa. Lúc đó thằng Doãn nó đã có đủ nhẫn nhục, chịu đựng để nghe...

Ba tôi nói to hơn :

— Nhưng tôi không muốn thế ! Tôi không muốn nó được nghe vào bất cứ lúc nào !

Những giây thần kinh trong đầu óc tôi như chợt căng ra thật nhanh rồi như đứt tan tành tất cả. Tâm thần tôi hoang mang, mê cuồng, hỗn loạn.

Tôi cố trấn tĩnh để lắng tai nghe. Tiếng me tôi ở trong run run như sắp khóc :

— Cậu không muốn thế vì cậu sợ phải không ? Cậu sợ thằng Doãn nó sẽ oán cậu về cách cậu đối xử với nó từ trước đến nay... Nhưng tôi thì tôi không muốn vì tôi thương xót con tôi... Tôi đã âm thầm đau đớn từ bao nhiêu năm nay... Cậu đừng hành hạ tôi thêm nữa... Tôi van cậu...

Tôi muốn chạy ngay vào với me tôi. Tôi muốn ngay lúc này bà ôm tôi vào lòng, như ngày tôi còn nhỏ.

Nhưng chân tôi tựa hồ cứng lại khiến tôi vẫn phải đứng yên, chờ đợi...

Bên trong, vẫn yên lặng. Có tiếng thở dài, tôi không biết của ai. Rồi có tiếng guốc đi về phía cuối phòng, xa dần, xa dần...

Rồi ánh đèn trong phòng me tôi phụt tắt.

Bóng tối chợt xầm lại, bao la, đổ xô xề, quấn lấy người tôi.

* * *

Sáng hôm sau, tôi tìm ngay đến Loan. Tôi vừa bước chân vào nhà, Loan hỏi :

— Anh đến em chắc có chuyện gì phải không ?

Tôi gật đầu, ngồi xuống ghế :

— Sao em biết ?

Loan mỉm cười :

— Anh mà đã đến em sớm quá hay muộn quá là thế nào cũng có chuyện...

Rồi Loan đi rót một tách nước, đặt trên bàn mời tôi và ngồi xuống đối diện tôi.

Thấy tôi nhìn quanh. Loan nói :

— Thày em vừa đi làm và các em đi học. Em ở nhà một mình đang buồn... Anh có chuyện gì nói cho em nghe đi !

Tôi yên lặng vì chưa biết phải mở đầu câu chuyện ra sao để hỏi nàng về những lời tôi đã nghe thấy đêm qua của ba me tôi.

Loan nhìn tôi chăm-chú rồi thốt nhiên nàng hơi cau mặt, hỏi :

— Sao anh hốc-hác hẳn đi thế kia?

Tôi nâng tách nước lên uống, không nhìn nàng trả lời :

— Đêm qua anh không ngủ !

Loan hỏi luôn :

— Chắc có chuyện gì vui lắm phải không ?

Tôi hơi khó chịu, nhìn Loan :

— Tại sao lại phải là « vui » ?

Loan cười :

— Đàn ông mà đã thức suốt đêm thì chỉ vì hai lẽ : một là vui quá, hai là buồn quá ! Em nhớ lần đầu tiên tên anh được in trên mặt báo, anh cũng đến em sớm như hôm nay, nên em cho là « vui ».

Tôi lại rgước mắt nhìn Loan. Có lẽ vì bộ mặt khôrg « vui » chút nào của tôi nên nụ cười trên môi nàng vụt tắt. Loan khoanh hai tay đặt lên mặt bàn, tỳ cằm lên cánh tay, nhìn tôi chăm chú, hỏi, giọng nghiêm trọng :

— Có chuyện gì thế, anh ?

Tôi vẫn yên lặng. Trong đầu óc tôi, những câu hỏi vẫn mơ hồ, lởn vởn mà tôi không chọn được câu nào nhất định. Linh tính cho tôi biết, nếu tôi hỏi nàng một câu về những lời ba me tôi nói đêm qua tôi sẽ được biết một sự gì quan trọng và đau buồn lắm. Ý nghĩ nay k ến tôi lo sợ và hồi hộp. Tôi như muốn kéo dài thời gian hồi hộp và nâng niu niềm lo sợ mong manh ấy. Nhưng mỗi giây, mỗi phút trôi qua, ruột gan tôi lại nong bừng như lửa đốt.

Rồi bất giác, tôi hỏi Loan :

— Trước kia, me anh là bạn Đẻ em phải không ?

Sau câu hỏi đột ngột của tôi, tia mắt và nét mặt Loan bỗng ngỡ ngàng, bối rối : mắt nàng chớp mau và sắc mặt nàng hơi tái. Loan định quay đi. Nhưng thốt nhiên, nàng nhìn tôi, trả lời :

— Không... Em không biết !

Tôi đặt tách nước xuống bàn, nhìn nàng :

— Em biết !

Loan ngồi ngay người lên, tròn mắt nhìn tôi :

— Ô hay ! Sao anh vô lý thế ! Tại sao anh lại bắt em...

— Em không được nói dối anh ! Đôi mắt em đã bảo với anh như vậy.

Sắc mặt Loan hơi tái đi chút nữa. Nàng vẫn mở to mắt nhìn tôi, miệng nàng hé mở.

Trong một thoáng, tôi hiểu là nàng đang khó chịu về giọng nói hơi gắt của tôi vừa rồi.

Tôi đến gần Loan, dịu giọng hỏi lại :

— Đẻ em biết me anh, phải không, Loan ?

Loan nhìn tôi rất nhanh, rồi lặng lẽ quay đầu sang phía khác như để tránh cái

nhìn của tôi. Tôi xoay người theo hướng mắt nàng :

— Đẻ em quen me anh từ bồi nào ?

Loan khe-khẽ lắc đầu, nhăn mặt :

— Khổ lắm ! Em có biết đâu ! Anh lạ quá !

— Anh không « lạ quá » đâu ! Em đừng giấu anh... Anh xin em...

Đột nhiên Loan nhìn thẳng vào mắt tôi, ngắt lời :

— Nhưng em có biết chuyện gì đâu mà anh bảo em giấu anh ! Đẻ em mất, năm ấy, em mới mười-lăm tuổi...

Rồi nét mặt nàng trở nên bình tĩnh ;

— Hay Đẻ em quen me anh thật mà em không biết. Ai bảo anh như vậy ?

Tôi cúi xuống gần Loan, cũng nhìn thẳng vào mắt nàng, nói :

— Me anh bảo !

Ánh mắt Loan bỗng sáng lên như sửng-sốt. Nàng chớp mau mắt, nhìn tôi hỏi nhanh :

— Vậy tại sao... tại sao anh còn hỏi em ?

Sự bối rối này của Loan làm tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Một tiếng thở dài buột ra từ trong lồng ngực tôi. Tôi đứng thẳng người lên, vịn một tay vào thành ghế Loan ngồi, trả lời :

— Anh hỏi em để biết chắc là em cũng biết...

Và không đợi Loan kịp ngắt lời, tôi hỏi luôn :

— Đẻ em biết một chuyện gì quan trọng lắm của me anh phải không ?

Loan nhìn tôi, kêu lên :

— Anh điên à ! Hôm nay anh điên hay sao mà lại đi « lục-vấn » em thế này ?!

Rồi mày đứng dậy, đi đến một góc phòng, đứng dựa người vào cạnh tủ, quay lưng về phía tôi.

Cử chỉ này của Loan làm trong một giây tôi hiểu một cách rõ ràng rằng nàng cũng đã biết câu chuyện nào đó của ba me tôi

Tôi bước mau đến bên Loan, đứng sau lưng nàng :

— Loan... Anh xin em, hãy nói cho anh nghe điều Đẻ em đã biết về Ba Me anh.

Loan vẫn đứng yên lặng. Tôi xích lại gần nàng hơn, cố trấn tĩnh để khỏi khó chịu với nàng :

— Em không nên giấu anh. Vì đó là chuyện của Ba Me anh ; của anh...

Loan vẫn không quay lại, ngắt lời :

— Nhưng anh muốn nói chuyện nào của Ba Me anh ? Em đã bảo em có biết gì đâu mà anh cứ nhất định bắt em phải nói.

Nỗi khó chịu tự nhiên vụt tăng lên trong lòng tôi sau câu trả lời của Loan. Tôi muốn làm bất cứ cách gì để Loan phải nói điều nàng biết, với tôi. Tôi muốn xoay mạnh người nàng lại, ghì chặt nàng trong tay trừng mắt nhìn nàng và bắt nàng phải nói bằng được. Ý nghĩ này khiến tôi ngắm Loan chăm chú từ đầu đến chân.

Rồi thốt nhiên, thân hình mảnh mai, yểu điệu của Loan chợt làm lòng tôi tê-tái. Trong chớp mắt, tôi tự thấy mình hèn kém vô cùng. Tình thương Loan bừng lên trong lòng tôi, hoà vào những nỗi băng-khoăn bực-dọc làm tôi đau khổ. Tôi mơ hồ thấy mình đang thương nàng, giận nàng, ghét nàng, cần nàng và yêu nàng tha-thiết ..

Tôi cứ đứng yên lặng như vậy không biết bao nhiêu lâu, đợi cho những ý nghĩ mơ hồ, bỗng bột lắng xuống. Rồi tôi lần

lần kể lại cho Loan nghe những điều đã xảy ra đêm qua, giữa ba me tôi.

Khi tôi ngừng nói, nhìn Loan thì những giọt nước mắt đã đầu ở hai bên má nàng từ lúc nào... Trông những giọt nước mắt của Loan, tôi hiểu là nàng không thể giấu tôi được nữa.

Tôi dìu Loan ra ghế, rồi ngồi xuống cạnh nàng, nói :

— Vậy em hãy cho anh biết... Anh đã sợ tất cả mọi người . . . Em đừng để anh phải sợ và ghét cả em...

Loan bỗng gục nhanh đầu xuống hai cánh tay khoanh trên bàn. Đôi vai nàng rung lên khe khẽ. Nàng vừa lắc đầu vừa nói :

— Anh đừng nhìn em như thế . . . Em không có can - đảm.. Em sợ lắm. Em xin anh...

Trông Loan, tôi có cảm-tưởng như bao nhiêu nỗi lo sợ trong lòng nàng vừa truyền nhanh sang tôi làm lòng tôi quặn lên đau xót.

Tôi đặt một tay lên đầu Loan, nói nhỏ bên tai nàng :

— Em vẫn nói với anh, em luôn luôn cầu xin niềm tin và can đảm ở Chúa.

Vậy anh cũng cần Chúa ban thêm can đảm cho em để em nói điều đó với anh...

Loan vẫn lắc đầu, nói trong tiếng ho nho nhỏ :

— Em không dùng can đảm Chúa ban cho em để làm khổ bất cứ một ai... Anh đừng bắt tội em... Em van anh.

— Em nhầm ! Như thế đâu có phải em làm khổ anh ! Em chỉ nói một sự t'ật ! Chúa không thể chối bỏ sự thật ! Em nghe anh... Em đừng để anh phải hỏi đến chính Me anh...

Sau khi nghe tôi nói vậy, có lẽ Loan tự hiểu rằng nàng không thể nào giấu tôi được nữa, nên nàng không nói gì thêm để ngăn cản tôi.

Ngồi trước sự yên lặng một cách khuất phục của Loan và nhìn đôi vai nàng khe khẽ rung động, theo tiếng nấc nho-nhỏ, trong một giây, tôi thấy tôi không náo-nức muốn nghe điều tôi đòi hỏi ở Loan, như hồi nãy nữa. Sự hồi-hộp và những ý nghĩ sôi-nổi trong lòng tôi như đã dần-dần lắng xuống để nhường chỗ cho tình thương Loan, man-mác, và sự đợi chờ êm ả. Tự nhiên, tôi cảm thấy tâm hồn bình-thản lạ thường. Đầu óc tôi tựa hồ rỗng không trong một thời gian ngắn. Tuy tôi hiểu rằng : tôi không thể để Loan bỏ qua điều tôi muốn biết. nhưng tôi vẫn không thúc dục nàng. Sự điềm nhiên của tôi hình như là sự điềm nhiên của một người đang đợi chờ một chuyện gì, biết chắc là phải đến. Tôi không thấy mình có cái sung sướng của kẻ sắp được biết điều mình muốn biết. Mà cũng không thấy quá đau khổ như đêm qua, trong suốt quãng thời gian không ngủ. Những ý nghĩ mơ hồ, hỗn độn chầm chậm trôi trong đầu óc tôi làm tôi hoang mang...

Rồi một lát sau—tôi không biết bao lâu—Loan ngồi ngay người lên, tuy hai mắt vẫn còn hơi đỏ, song, nước mắt trên mặt nàng đã khô (tôi không biết Loan ngừng khóc lúc nào). Nàng nhìn tôi nói :

— Thực ra, em không muốn để anh biết chuyện này Nhưng... em nói cho anh nghe vì em phải nói. Em chỉ xin anh một điều là:

sau khi biết chuyện, anh phải tuyệt đối coi như mọi sự vẫn không có gì thay đổi...

Loan ngừng lại, đan những ngón tay vào nhau. Vài giây sau, nàng không nhìn tôi, nói bằng một giọng đều đều, bình tĩnh như đã suy nghĩ từ bao nhiêu lâu nay :

—... Cách đây sáu năm, hồi Đẻ em còn sống, một hôm, lục quần áo trong va-ly của đẻ em đem phơi, em thấy một tấm ảnh phóng to, chụp đẻ em ngồi chung với một người đàn bà mà chưa bao giờ em gặp. Em hỏi đẻ em thì được bà cho biết đó là « bác Nga », một người bạn cùng đi buôn với đẻ em hồi hai người còn trẻ...

Đẻ em cầm tấm ảnh lên ngắm-nghía một lát rồi khe-khẽ thở dài nói : « Rõ người trông đẹp đẽ phúc hậu thế này mà ai ngờ cũng vất vả ». Em tò mò hỏi đẻ em để được biết sự « vất vả » ấy ra sao và được bà tha-thẩn kể cho em nghe : Trước kia, bác Nga lấy một người chồng. Hai người ăn ở với nhau được có hơn một năm thì chồng bác lâm bệnh qua đời. Khi ấy bác đang có mang...

Vì cần một nơi nương tựa nên bắt buộc bác Nga phải « bước thêm bước nữa » với một người bạn của chồng bác ; người nầy vẫn đến an-ủi bác sau khi chồng bác mất...

Rồi hai người đưa nhau đi tỉnh khác làm ăn, không ai biết chuyện... Chỉ có một mình đẻ em... Từ đấy thỉnh thoảng đẻ em và bác Nga vẫn thư từ đi lại với nhau...

... Cho đến sau ngày đẻ em mất ít lâu, thầy em phải đổi vào làm việc ở đây. Em gặp anh, rồi yêu anh. Lần đầu tiên anh đưa em về nhà, trông me anh, chẳng hiểu sao, em lại liên tưởng đến bác Nga, người đã chụp chung ảnh với đẻ em...

Rồi sau này, gần anh em không còn nghi ngờ gì nữa... Nhưng... sở dĩ em vẫn đến anh vì em yên trí là me anh không biết em...

Và khi hiểu rõ cuộc sống của anh thì em đoán là... »

Nghe Loan nói đến đây, tôi không hiểu là tôi có bàng hoàng, sửng-sốt và kinh ngạc không. Tôi cũng không hiểu tôi đã nghĩ gì và làm gì.

Cho mãi đến ngày nay, tôi vẫn chưa nhớ ra được những cảm giác của tôi lúc ấy. Tôi cũng không nhớ, sau đó tôi đã ra sao. Hình như tôi đã úp mặt vào hai bàn tay, gục xuống bàn trong nhà Loan. Và hình như có một lúc, tôi nghe thấy tiếng nàng ho nho-nhỏ... Rồi tiếng ho của Loan cứ ngân mãi trong tai tôi, lớn dần... lớn dần...

Tôi muốn ngước mắt nhìn Loan. Nhưng hình như có một bàn tay đang đè đầu tôi xuống khiến tôi không sao nhấc lên cho được...

Tôi mơ-hồ cảm thấy Loan đang từ-từ cuối xuống người tôi..

4-10-60.

DOÃN-DÂN

ngôi trường quê

☆ VÕ - HỒNG ☆

Hôm nay trở lại thăm trường cũ
Trong tháng năm qua đổi khác rồi :
Mái đỏ, tường vôi, sân lát gạch,
Đôi hàng dương-liễu chạy song đôi.

* * *

Mười mấy năm mà như mới đây,
Lũ chim thơ dại đã xa bầy.
Ai còn ? Ai mất ? Ai thương tiếc,
Ai nhớ qua thăm lại chốn này ?

Nhớ độ bỏ trường, hè nắng gắt
Dây bàng trước cổng lá xanh tươi.
Hoàng oanh mấy chiếc, dăm đôi bướm
Mây trắng tung bay, gió ngập trời.

Bây giờ cảnh cũ không còn nữa
Mà khách năm xưa cũng ngại ngùng.
Bỡ-ngỡ chim nhìn, im tiếng hót
Liễu gầy cũng đứng ngẩn ngơ trông.

* * *

Ôi những trường quê mái rạ vàng
Có buồn khi thấy nắng hè sang ?
Bao con chim nhỏ bay tan tác
Quên cả cành xưa, cả nẻo đàng.

V. H.

Khi con bọ hung bay vào lớp học...

Nguyên văn của : ROBERT ESCARPIT
Bản dịch : HÀ-HỮU-NGUIÊN

. . . . . **Một cuộc tổng tiến ?**

Nguy hơn thế !

Một cuộc khám trường.

Tôi có một người bạn trẻ, trời sanh ra tính đã hết mực thận trọng. Học giỏi có tiếng, ra trường, được bổ làm giáo làng ở miền Nam (1). Nơi đây thú săn cũng lắm, rượu ngon cũng nhiều, người bạn tôi — tôi tạm gọi là Martin — khá bằng lòng cho số phận của mình. Công việc đem lại nhiều khoái trá cho Martin và anh ta để hết tâm trí vào nhiệm vụ. Hai năm đầu, anh ta đưa mười hai học trò đi thi tiểu học, đậu cả mười hai ; dân làng càng qui mến anh.

Rồi một buổi sáng mùa xuân nọ, trong khi ông giáo chúng ta đang hít khí trời nhè nhẹ trong sân trường (lúc ấy nhằm giờ chơi) thì một chiếc trắc - xông đen ngừng trước cổng.

Từ chiếc trắc-xông bước xuống — theo thứ tự cấp bực — ông tổng thanh tra, ông thanh tra tiểu học và một nhân vật cao cấp trong ngành giáo dục vẫn đến vùng này để nghiên cứu ngay tại chỗ vấn đề giáo dục giác quan những người chuyên nềm rượu ngon bổn xứ, nhân nghe nói đến những đức-tánh đặc-biệt của ông giáo làng khiêm tốn này, bèn tỏ ý được dự thính một buổi dạy của ông.

Martin rất là xúc động, nhưng anh ta là người có gan. Anh điều khiển lớp như thường lệ. Mọi việc chạy bon bon : những đứa học trò giỏi trả lời đúng lúc, những đứa học trò dở ngồi im, không có một phút nào chết

(1) Xin hiểu : miền Nam nước Pháp (*Lời dịch giả*)

cả, không có một chỗ nào sơ hở, không có một cung đàn nào lỗi nhịp.

Chuông nhà thờ làng đổ mười hai tiếng, Martin xếp sách lại, gõ mạnh thước trên bàn, đưa học trò ra cửa một cách trịnh trọng, rồi quay lại các vị khách quí. Nhân vật cao cấp để nở một nụ cười bao dong. Ông ta nắm lấy cánh tay Martin và kéo chàng đến dưới mấy cây bố để ngoài sân. Và ông ta nói :

— Này người bạn trẻ của tôi, quả là anh có những đức tánh tốt, song anh dùng chúng chẳng phải đường Tôi biết, tôi biết... nào phải hoàn-toàn lỗi tại anh đâu. Than ôi ! Anh đã được đào tạo bởi những ý tưởng của thời xưa. Anh thấy chưa, sự sai lầm của anh là ở chỗ thử làm cho bọn học trò của anh hiểu biết nhiều và phát triển sự thông minh của chúng. Nhưng này, anh hãy trả lời sơ sơ cho tôi, vậy chớ những điều hiểu biết, cái sự thông minh đó, chúng rồi sẽ giúp ích gì cho đời bon trẻ ? Giỏi lắm là giúp chúng thi bằng Tiểu học. A ! này người bạn trẻ của tôi, anh đừng có tin nhảm về thi với cử nhé ! Kết quả các kì thi ra sao, kệ chúng. Xứ sở chúng ta không cần có những ông quan, mà cần có những người hành động mà tánh khí được trui rèn trong cái Cụ-thể và cái Thực-tế... Hãy ở trong cái Cụ-thể, nghe người bạn trẻ, đó là bí quyết của một đường lối sư phạm tốt.

Martin uống từng lời của bậc vĩ nhân. Vì Martin là một chàng trai kính nể bề trên và mong được học hỏi thêm. Bậc vĩ nhân tiếp :

— Trước tiên, hãy dẫn học trò anh ra đồng, hay ít nữa ra sân trường. Dưới vòm trời thênh thang và trong sạch, xa cái thứ kỉ luật làm cho trẻ ngu dần, cái kỉ-luật của lớp học... Anh hãy chỉ cho chúng thấy Thiên-nhiên. Trong bất cứ chi-tiết nhỏ nhặt nào, Thiên-nhiên cũng giành cho ta một bài học .. Này đây, con bọ-hung này, để làm ví dụ. Anh hãy xem.

Martin nhìn xem.

— Này, anh đưa con bọ-hung đây cho bọn trẻ. Anh hãy gợi một cách khéo léo những phản ứng của chúng ; sự phản ứng tự nhiên cho ta biết cá tánh đặc biệt của mỗi đứa. Rồi anh bắt chúng tả con bọ-hung, những sợi râu rất mảnh, những bộ cánh cứng màu vàng úa : thế là anh có một bài tập làm văn rồi đấy. Văn phạm, thì đừng cho học. Chánh-tả, cũng thế ! Kế đó, anh cho chúng quan sát để nhận chân rằng con bọ-hung có sáu cái chân, còn con nhền nhện thì có tám, con gà mái, hai : một bài toán, anh thấy chưa ? Bọ hung nó có sáu chân, nó là một loại côn trùng : lại được một bài Vạn vật học. Nó là một thứ côn trùng có hại, mà lũ chim nhỏ thích ăn, vậy thì chớ nên giết hại loài chim nhỏ : ấy đó, một bài Đức-dục. Còn Vẽ, anh cứ lấy con bọ hung làm kiểu. Về Nhạc, có nhiều bài hát rất hay về bọ-hung, như « *Bọ hung ơi ! mày cứ bay, mày cứ bay, bọ-hung ơi, mày cứ bay, mày cứ bay đi đi nào !* » Hum... Sáng nay coi bộ giọng tôi không được tốt. Nhưng mà anh hiểu rồi chớ, cần là lấy con bọ-hung làm

chủ điểm. Cái gì, anh cũng kéo về con bọ-hung cả. Dễ lắm mà.

Martin nóng nảy ghi ghi chép chép trong đầu. Các vị khách vừa đi là anh ta vội biên liền trên giấy bao lời chỉ dạy vàng ngọc ấy. Thật là một sự phát giác cho anh, anh cảm xúc đến cực độ. Ngay chiều hôm đó, anh huy động toàn lực lượng học trò anh đi săn lũ bọ hung Hôm sau, anh có dưới tay một bầy côn trùng đếm được tám mươi sáu con. Và tất cả ngươi anh — thể xác với tâm hồn — được đưa ra để nếm những cái say sưa của nền sư-phạm mới. Nhờ con bọ hung bọn người Xi-U (Sioux) xăm trên trán ông Fenouillard trong tác-phẩm bất hủ của Christophe, Martin dạy cho bọn trẻ những bài học về Sử-ký và Địa-lý rất hay ho. Giờ thể-dục, Martin còn nghĩ ra một trò chơi : đuổi bắt một con bọ hung bay vòng quanh, con bọ hung này bị cột vào đầu một sợi nhợ mà một học trò giữ chặt đầu dây và đứng ở giữa sân trường.

Đến lúc trời bắt đầu nóng thì giữ cho đủ số bầy côn trùng của mình, quả là một điều mệt nhọc nặng cho ông giáo trẻ chúng ta. Lúc ấy, hàng ngũ của chúng càng ngày thưa thớt. Mà mỗi sáng, cuộc săn đuổi chúng kết-quả càng thêm ít. Còn một tháng nữa là nghỉ hè. Martin chiến-đấu một cách anh dũng để cứu vớt số bọ - hung còn lại. Chiều nào anh cũng ra đồng tìm hái những lá dâu thật non. Rốt cục anh chỉ còn trong tay một chú bọ hung đực, to xác nhưng hay đau yếu và đần độn. Chú ị này từ giã cõi đời hai ngày trước ngày bãi trường. Martin vùng vằng một lúc để quyết định xem mình có nên tiếp tục dạy mà chẳng có con bọ hung nào trợ lực không. Lòng trung thành của anh đối với các phương pháp hoạt động thắng, anh cho nghỉ hè trước hai hôm. Học trò chẳng đứa nào phàn nàn cả.

Một cuộc khám phá dễ sợ.

Trọn mùa hè năm ấy, Martin chúi đầu vào chồng sách ở Thư-viện Quốc-gia để tìm cho đầy đủ tài-liệu về loại bọ hung để chuẩn bị bài vở cho năm học tới. Đời anh ta bây giờ đầy tiếng ù ù liên tiếp bọ hung bay. Anh ta trở nên ảm đạm, chùng lén, lo âu. Đôi khi, anh ta ngước nhìn lên không, xem một con bọ hung tưởng tượng đang bay đâu đó.

Cuối tháng chín, ông giáo chúng ta về làng để lo khai giảng lớp học. Chừng đó, anh mới khám phá một điều dễ sợ : trong vùng, không còn một con bọ hung nào cả. Dân trong làng sốt sắng mang lại cho ông giáo trẻ những thứ côn trùng của thời kì hái nho : nào ong vò vẽ, nào muỗi mòng, nào ruồi rượu. Nhưng người bạn chúng ta nào có có chịu để cho bốn mùa luân chuyển cản ngăn nền sư phạm bổ ích mà anh đã thành kẻ truyền giáo. Anh bèn viết một bức thư cho ông Thanh tra tiểu học. Thư rằng :

« Kính ông Thanh - tra,

« Tôi lấy làm hân hạnh báo cho ông « hay rằng bọ hung đã biến hẳn « ở xã tôi dạy. Do đó tôi không thể

« nào dạy theo chủ điểm mà huấn
« thị các cấp trên đã chỉ định. Tôi
« xin được phép nhắc lại lần nữa
« để mong ông thỏa thuận với các cơ
« quan hữu trách hầu tôi được ân
« huệ nhận phần côn trùng có cánh
« cứng và sừng dẹp còn sống. Vì lẽ
« loại côn trùng này rất đỗi mong
« manh, nên tôi mong số côn trùng
« về phần tôi cũng khá nhiều để tôi
« có thể dùng đến cuối tháng tư,
« lúc mà bọ hung bắt đầu sinh sản
« đều đều, theo lời dân địa phương
« nói.

« Xin ông nhận nơi đây, vân vân...

Ông thanh tra tiểu học đi vắng, cô thư kí mới chuyển thư ấy đến ông tổng thanh tra. Ông này đang có việc gấp, ghi càn « Đồng ý » ở trang sau và chuyển lên bộ. Phòng nhận thư từ không biết tính sao, gởi càn thư ấy đến văn phòng ông bộ trưởng. Rồi một người tùy viên ở văn phòng chuyển nó đến sở dụng cụ để theo đó mà trả lời.

Trong khoảng thời gian đó, Martin (vốn đã cho học trò tựu trường trễ đã mươi lăm hôm rồi) bắt đầu nóng ruột, Anh bèn gởi bản sao bức thư kia cho ông xã trưởng, với lời yêu cầu cho biết phải làm sao. Sau một cuộc bàn cãi sôi nổi, hội đồng xã quyết định chuyển thư nọ lên quận, quận chuyển lên tỉnh. Ông tỉnh trưởng có ý muốn làm khó dễ ông chủ tịch hội đồng tỉnh, bèn nêu vấn đề này trong một buổi họp thường. Ông chủ tịch hội đồng tỉnh này vốn là một đại biểu mà người ta quên bẵng đi trong việc thành lập nội các vừa rồi, nên ông thầy đây là một cơ hội tốt để nhắc nhở tên tuổi mình vừa với cử tri vừa với những người bạn chánh trị của mình.

Ông bèn gởi đơn chất vấn ông bộ trưởng. Vài tuần sau, ông này trả lời trong « *Công Báo* »

« Tôi bao giờ cũng xem vấn đề bọ
« hung trong sự dạy-dỗ với rất nhiều
« trang trọng Tôi không từ một cố
« gắng nào để cho những đơn xin của
« các vị giáo chức về việc này được
« luôn luôn thỏa mãn trong một thời
« hạn ngắn. Tuy nhiên trong trường-
« hợp đặc-biệt mà ông có ý muốn tôi
« chú-ý đến, thì dường như bọn bọ
« hung nên được sắp vừa vào loại
« dụng cụ học đường, vừa vào loại
« dụng cụ trò chơi. Do đó mà phải
« vừa lấy tiền ở quĩ xã, vừa lấy tiền ở
« quĩ trợ cấp nhà trường để cung cấp
« thứ dụng cụ đó, đúng như luật ngày
» 28 tháng 9 năm 1951 đã ấn-định. Tôi
« sẵn - sàng để xem xét tất cả hảo ý,
« bất cứ dự-án phân-phối nào do nhà
« cầm quyền ở tỉnh đệ trình lên tôi,
« lời đệ-trình này vốn do ông tổng
« thanh-tra đề-nghị, lời đề-nghị này
« vốn thể theo ý kiến của phụ-huynh
« học-sinh. »

Bài trả lời trên đây làm nổi dậy vấn-đề trợ-cấp nhà trường. Do đó mà tiếp theo ngay bốn lời xin chất vấn, rồi một cuộc tranh-luận sôi nổi khiến bảy ông dân-biểu bị thương. hai ông bị thương ở mặt và năm ông tự ái bị tổn thương. Chánh phủ từ chức. Quốc-hội Hiệp-Chúng-Quốc được tin

khủng hoảng nội các này bèn tăng thêm ba triệu đô-la viện-trợ cho việc tái võ trang nước Đức.

Hai tháng đã trôi qua từ ngày học trò cắp sách tựu trường. Không ai còn nhớ đến Martin, và cũng không có tờ công-văn nào đến trường anh nữa. Rốt cuộc, ông thanh - tra tiểu-học băn khoăn vì sự im lặng này, quyết-định đến xem sự thể ra sao. Lúc ông tới trường, thì thấy ngay một cảnh lạ thường. Dưới tuyết, lũ học trò tụ họp trong sân trường hét la một cách phấn khởi. Ông thấy Martin, trên một con đường sửa soạn đàng hoàng, đang bò để điều khiển một cuộc chạy đua giữa hai con bọ hung máy to tướng trên mình còn dán nhãn hiệu một cửa hàng lớn ở Paris.

Ông thanh - tra giả bộ nói cho Martin rằng cấp trên gọi anh lên tỉnh lị để theo một khóa tu nghiệp. Rồi chính ông đưa anh lên xe ông để đưa anh đến nhà thương điên.

Hiện giờ, Martin còn ở đó. Anh cho rằng có một con bọ hung đang quay tròn trong đầu anh và tiếng nó kêu vù vù làm anh không ngủ được. Vị i-sĩ của nhà thương trị bịnh anh bằng thuốc D.D.T.

Lịch sử bi thảm của một người đi tiên phong, và chịu khổ nhục vì những phương pháp hoạt động là vậy đó.

ROBERT ESCARPIT

HÀ-HỮU-NGUIỄN (*dịch*)

DỪNG BÚT

Bao nhiêu chí trẻ rồi tro bụi,
Một thoáng tình xa cũng ngậm ngùi.
Thử hỏi, dừng dưng từ dạo ấy,
Ai người nỡ bảo: « Đời còn vui » ?

Ngu-I **NGUIỄN-HỮU-NGƯ**

(*Có những bài thơ...*)

MỘT CUỘC TÀN SÁT

Truyện ngắn của TRÚC-LIÊN

NGƯNG tay cuốc, chị Năm hấp hay mắt nhìn, ánh nắng trưa gay gắt xoáy lên thửa đất đầy màu mỡ, từng giọt mồ hôi nhỏ từ mặt chị xuống, như góp vào sức lao công tưới cho thửa đất thêm phì nhiêu.

Để nhìn cho rõ, chị đưa một tay lên ngang mắt, hai người khách lạ đứng đỉnh xuống xe, một chiếc xe hai màu rộng mênh mông như căn nhà chị ở. Họ đứng ngắm mảnh vườn đồi xanh ôm dài mấy công đất, hiện đang đơm hoa kết trái, chỉ trỏ bàn tán những gì chị Năm không đoán được.

Bỗng người ôm cặp da xâm xâm bước lại con đường mòn dẫn vào nhà. Chị Năm tự dưng hồi hộp. Giữa những người ấy và chị có cái cách biệt rất xa, chị chưa hề quen họ, tự dưng họ vào nhà với dáng điệu quả quyết chắc hẳn có chuyện gì. Nhất là một trong hai người lại ôm một chiếc cặp da.

Từ lâu, chị Năm có cái sợ gần như dị đoan những người mang cặp da và điều chị sợ không phải là hoàn toàn huyễn hoặc.

Vài năm sau khi đi lấy chồng, người mang cặp da thứ nhất đến, lần ấy họ đưa chị một phong thơ, báo tin mẹ chị chết. Tất nhiên chị không về được vì không tiền, vì quê nhà rất xa. Nhưng cái buồn của một người khi mất kẻ thân yêu vẫn còn ray rứt mãi.

Đôi khi chị cũng lấy làm lạ, lúc mẹ còn sống, dù xa xôi ba trăm cây số, dù biết khó có ngày gặp lại, chị vẫn yên lòng vì biết trên cõi đời vẫn còn người tưởng nhớ đến chị. Bây giờ chị cảm thấy bơ vơ hơn những ngày bơ vơ trước, quê nhà tự nhiên mất đi màu sắc cũ, chị không còn muốn gặp lại chút nào.

Thật ra thì chị đã có một quê hương thứ hai, mảnh đất của anh Năm.

Giang sơn bé của đôi vợ chồng trẻ gồm bốn công đất ruộng, một gian nhà tranh, một đứa con và một con chó.

Gian nhà êm đềm của họ tháng tháng chỉ một người khách viếng. Một ông đã đứng tuổi, mang cặp da. Nhưng chiếc cặp da đen đúa của ông thường vẫn chứa chất bao nhiêu đe dọa. Những tầm giấy lớn không hơn bàn tay nhưng có đủ quyền phép làm chị và anh Năm phải lo buồn triền miên ngày này sang ngày khác nếu mùa màng thất kém. Vì thế hình ảnh người thu tiền với chiếc cặp da thứ hai đã len vào những cơn ác mộng thường xuyên của chị.

Tiếng giầy đến gần, thình thịch trên nền đất, nện vội vàng như trái tim chị Năm.

Chị buông cuốc, nhìn khách, tìm trên nét mặt họ một hung tin vì chị biết những người mang cặp da chỉ có thể đem đến một tin chẳng lành mà thôi.

Nhưng không, trên mặt họ không có triệu chứng gì ngoài cái nhìn thản nhiên gần như lạnh lùng.

Người đi trước bỗng mỉm cười với chị, chị Năm gật đầu ngượng nghịu, vụt ù té chạy vào nhà. Chị hồi hả tìm anh Năm. Chỉ anh Năm mới là tay đối thủ với họ mà thôi.

Anh Năm đang nằm ngủ trên tấm ván mỏng không màu, chân còn bê bết bùn đất, mồ hôi chảy nhễ nhại, rủ quyến đàn ruồi bâu chung quanh mặt.

Chị Năm đập vào chân anh mấy cái, anh Năm cựa mình xoay qua bên khác, tiếp theo hai cái phát vào lưng anh mở mắt ra nhưng vội nhắm lại ngay vì chói.

Hai người đã vào sân, sắp bước lên thềm nhà, con chó nằm dưới ván gù lưng gầm gừ như khó chịu. Anh Năm cố mở mắt ra, từng chầm đen li ti trước mắt anh biến dần để nhường lại hai bộ mặt người nghiêm nghị nhìn anh.

Ngồi phắt dậy, dụi mắt nhìn kỹ hơn, biết mình không lầm, anh đứng bẫn lên lúng túng ngẩm hỏi chị Năm. Mắt chị Năm đưa từ hai người khách lạ đến anh Năm, chờ đợi.

Một trong hai người khách không đợi ai mời, ngồi xuống chiếc ghế đẩu kê bên vách, trịnh trọng dở cặp da lôi ra một mớ giầy tờ, trước mắt ngơ ngác của đôi vợ chồng trẻ.

Ông sửa lại cặp kính ngắng lên hỏi

— Anh có phải là Nguyễn-văn-Đặng ?

Anh Năm giật mình ngẩng người một lúc lâu.

— Nguyễn-văn-Đặng là ông tôi.

— Anh ở đất nầy từ bao lâu ?

Anh Năm vuốt tóc ra chiều suy nghĩ nhưng thật ra để kịp dò xét xem họ là ai, đến anh với ý định gì, trả lời chậm rãi :

— Từ lâu lắm.

Sợ câu nói mình không rõ rệt anh thêm :

— Nghĩa là từ đời ông đến đời cha, đến tôi vẫn ở đây, không biết bao

nhiêu năm rồi. Tôi hỏi thế này khi không phải, nhưng ông hỏi có chuyện gì ?

Linh tính cho anh biết sắp có chuyện chẳng lành. Anh cần phải dè dặt hơn. Chị Năm cúi xuống nhìn sấp giấy trên tay khách.

Bàn tay anh Năm véo vào lưng chị tiếp theo một cái lừ mắt, chị Năm ríu ríu vào trong, người chị bỗng lạnh toát, chồng chị vừa có cử chỉ đó chắc chắn là việc quan trọng sẽ xảy ra.

Qua kẹt cà tăng, chị lom khom nhìn ba vẻ mặt nghiêm trọng đang gồm nhau.

Người đàn ông không trả lời câu hỏi của anh Năm, tiếp tục nhìn vào giấy tờ.

— Anh nói đã ở đất nầy lâu mà có giấy gì làm bằng không ?

Anh Năm bỗng nghe như có gì nghèn nghẹn trong cổ họng. Mầy năm loạn lạc, mầy năm đói kém, đất đai ngập lụt, người dân còn phải lo những gì khác hơn là giữ mớ giấy lộn mớ giấy không làm con anh no được, không làm vợ anh lành lặn.

Nhưng bây giờ, rõ rệt là nó có thể làm cho con anh đói, vợ anh lạnh. Mớ giấy không nghĩa bỗng hóa ra có nghĩa vô cùng vì anh vừa chợt hiểu.

— Sao ? Anh có giấy gì chừng tỏ đã mướn miếng đất này của chú không ?

Anh Năm làm thinh, biết cái bất lợi của mình, anh im lặng tìm giải pháp. Thật ra, anh muốn nói, nếu đời ông tôi mướn, thì bây giờ người chủ miếng đất này còn chăng chỉ trong ba thước đất, hay ít hơn thế nữa vì một nắm xương tàn có cần đến bao nhiêu

Ông khách bỏ hồ sơ vào cặp xếp lại nhìn thẳng vào mặt anh, trịnh trọng :

— Tôi là chủ miếng đất này. Hôm nay, tôi đến cho anh hay tôi cần dùng lấy đất lại để cất nhà. Hẹn anh trong vòng một tháng tìm nơi khác, giữa người hiểu chuyện với nhau, anh cũng biết, anh có tìm đất khác dễ dàng, cất lại cái nhà, lập lại miếng vườn cũng không tốn bao nhiêu. Tôi sẽ giúp anh một ngàn để dời đi. Anh nghĩ kỹ xem, không một người chủ đất nào được như tôi đâu.

Ông nói mau như muốn chận đứng tất cả những lời phản kháng, xô đùa chúng vào họng anh Năm rồi quay người đứng cạnh ra hiệu :

— Thôi mình về

Chân bước xuống thềm, ông quay lại nói với :

— Anh nên sửa soạn sớm ngày nào hay ngày nầy vì tôi sẽ cho người đến đo đất để vẽ kiểu nhà. Đừng lôi thôi đấy nhé anh không có giấy tờ gì, pháp luật không bênh anh đâu.

Anh Năm không nói được lời gì, sững sờ nhìn hút khách ra đi. Tất cả những uất ức của anh bỗng dồn vào con chó đang quẩn cạnh cửa sủa theo. Anh phóng chân đá thóc vào mình nó, một tiếng kêu đau thương, vô tội vang lên trong không khí trưa hè.

bà, có gì quý để trên ấy lại càng thêm đẹp, bên dưới làm tủ quần áo, nồi niêu, bỏ vào khoá cả lại, đi đâu khỏi lo trộm đạo.

Giấc mộng đẹp của chị càng lúc càng xa, chị mong anh Năm vào sẽ đem ra nói.

Hình bóng hai người khách lạ hầu như xóa nhòa trước viễn ảnh quá đẹp của ngày mai.

Hai tháng rồi còn gì, họ không trở lại.

Anh Năm và chị tuy còn thấp thỏm nhưng cũng tạm yên lòng

Anh Năm đã bắt đầu chăm sóc lại vườn ổi, sau nhiều ngày bỏ bê vì chán nản, anh tìm lại chúng như người cha lâu ngày mới gặp lại con.

Giữa buổi sáng trong lành, anh ngồi thụp xuống im nghe cái mát dịu của chúng truyền sang thấm vào từng thớ thịt, hể hả đếm những thân cây ổi như đếm những đứa con sinh sản quá nhiều không biết hết, nhưng người cha vẫn thấy chưa thấm gì, với lòng mong mỏi của mình.

Anh vuốt những mái đầu xanh tốt, bóp từ nắm đất trìu mến trong tay.

Một tiếng xe rồ vọng lại từ đầu bờ đắp. Mặt anh Năm bỗng tái đi, anh hốt hoảng đứng lên nhìn ra lộ.

Họ đã trở lại.

Họ trở lại với mớ giấy tờ vô nghĩa, nhưng trước những tờ giấy ấy anh sẽ phải chịu khuất phục không điều kiện. Tự dưng anh đâm bối rối không biết phải có hành động nào vì anh tự biết mình đã bại trước khi giao chiến.

Có tiếng bình bịch sau lưng, anh không quay lại cũng biết vợ đang ở

Thằng Đực đang ngủ giật mình nhổm dậy ngơ ngác, nó oà lên khóc, chị Năm chạy vội ra bồng con, vạch vú đút vào miệng nó ru nho nhỏ. Đứa bé chúm môi nút chùn chụt, đôi tay bé bỏng nâng niu ôm bầu sữa mẹ, khuôn mặt bé thơ lại chìm dần trong giấc ngủ vô tư.

Ngẩng lên, gặp ngay đôi mắt căm hờn của chồng, chị Năm lại vội vàng nhìn xuống con, lảng tránh.

Chị không dám hỏi, anh Năm cũng không muốn nói. Họ khó nói với nhau. Trước cái khổ chung, họ chỉ biểu lộ bằng nét mặt dàu dàu, câm lặng, cái câm lặng của con người quen chịu đựng.

Anh Năm nằm trở xuống gác tay lên trán. Bên tai anh còn nghe văng vẳng câu :

— Tôi là chủ miếng đất này, đất này của tôi.

Câu ấy đáng lẽ phải để anh nói mới phải vì còn ai hiểu đất này hơn anh, còn ai chịu cực khổ với nó hơn anh.

Mỗi một phân đất là một phân mồ hôi anh đổ xuống. Ngày loạn ly, chung quanh làng mạc điêu tàn, nhà anh cháy cả. Anh có thể đi tha phương làm ăn, anh có thể lên tỉnh để tìm một nghề no ấm hơn, nhưng anh đã từ chối tất cả. Y như người tu hành gạt bỏ cao lương mỹ-vị để chỉ thấy ngon trong chén cơm dưa muối vì đã tìm ra chân lý của đời mình, anh cũng thế, anh gạt bỏ tất cả để bám vào miếng đất, lúc bấy giờ khô cạn không màu mỡ, rạn rứt khắp nơi, phèn đóng dày cháy nắng. Nhưng đó là đất của anh vì từ tấm bé bao nhiêu cuộc đời đã sinh sôi nảy nở nơi ấy. Lòng đất còn vang tiếng nói của gia đình anh, gói ghém xương tàn của ông cha anh, thấm nhuần mồ hôi của vợ chồng anh.

Chị Năm đứng lên đặt con nằm lại bên chồng, bước ra sân đi về phía mảnh đất đang cuốc dở. Bỗng chị dừng lại, hai ông khách đang chăm chú nhìn vườn ổi, bàn tán với nhau những gì chắc là sôi nổi.

Từng chuỗi cười vui vẻ vang lên. Chị bỗng nghẹn ngào ngồi thụp xuống nâng chiếc cuốc, cạo những mảnh đất còn vương cứng bên trên. Lát sau, lén lén như người trốn tránh, chị lủi thủi trở vào nhà bỏ lại khoảnh đất dở dang.

*
* *

Anh năm dậy từ tờ mờ sáng. Chị Năm vo gạo nhà sau, bếp lửa ấm cúng, lòng chị vui. Giang sơn tuy bé nhưng công việc rất nhiều. Xong bữa cơm sáng, buộc chân con vào chân ván, anh Năm và chị còn phải đi tưới ổi. Trừ nửa công để cất nhà, ba công rưỡi ổi năm nay nếu được giá sẽ đem lại cho anh Năm và chị, mỗi người ít bộ quần áo, thằng Đực một cái xe mây chị hằng ao ước. Nếu dư dả hơn, chị sẽ đốc anh Năm mua một cái tủ thờ cho cảnh nhà sang lên một chút.

Chị đã nghĩ kỹ nhiều đêm, cân nhắc hơn thiệt, sau cùng nhận thấy tất cả bàn ghế tủ giường chỉ cái tủ thờ tiện lợi nhất. Bên trên để thờ phượng ông

một bên. Trong cơn giông bão, người đàn bà đã trở lại là giây cát đằng chỉ biết nương tựa vào thân cây cổ thụ ấy bên trong đã mục nát không còn sức chống chỏi và đang sắp sửa lung lay.

Anh không muốn gặp đôi mắt đầy hãi hùng của vợ cũng không thể an ủi vợ, lời nói đã nghẹn ngang ngực không thể thoát ra. Cả hai im lặng đứng bên nhau gần như nín thở nhìn.

Bốn người vào đến sân trong, bỗng tẽ qua hông nhà, một người rút trong túi quần tây ra một cây thước, mở ra đo. Họ bắt đầu từ đầu sân đến cuối sân. Chiều ngang, chiều dọc miếng đất được vạch kỹ lưỡng trên một cuồn sổ tay do một ông khác cầm.

Họ điềm nhiên, tới lui tính toán, như không thấy gian nhà bé nhỏ nằm ngay trước mắt, như không biết trong đó có mấy linh hồn đang khao khát được sống yên vui.

Ông chủ đất, đứng nói chuyện vui vẻ với một người, ông chỉ ra vườn ổi xanh chạy dài ra lộ, ông chỉ vào mảnh nền nhà. Thuận chiều, gió vô tình đưa đến tai vợ chồng anh Năm những điều đáng lẽ họ không nên nghe.

— Đây, cái nhà sẽ nhìn ra vườn ổi, tôi sẽ cho bọc một lớp rào kẽm gai vòng quanh đất, chừa một cửa ngõ lớn ngoài kia, đắp lại con đường này cho rộng trải sỏi để xe vào. Tôi lại còn định xây ở chỗ cây thiên tuế này một cái hồ để lấy nước thiên nhiên.

— Thế ra ông định ở luôn đây à ?

Khách ý chừng ngạc nhiên hỏi.

— Ồ. Không. Đây tôi làm nhà mát cho các cháu ngày Chúa Nhật về chơi, chứ ai lại ở nơi khỉ ho cò gáy này làm gì. Chúng nó thích vườn lắm bác ạ, nhất là ổi. Chúng mà thấy được miếng đất này thì phải biết.

Mắt chị Năm tự nhiên nhòa đi không thấy họ nữa. Hai nắm tay anh Năm siết chặt mãi vào, miệng anh mím lại ; một vẻ gì dữ dội hằn lên mặt, chị Năm chợt nhìn thấy rùng mình, ghịt cánh tay chồng, giọng van lơn :

— Anh đừng làm gì, họ giàu, họ có địa vị, mình không chống nổi đâu.

— Nhưng còn công lý ?

— Đành rằng công lý luôn che chở cho mình nhưng tiến đâu đi đến đó ?

Nhắc đến tiền anh Năm sui sị, thở dài. Không tiền, anh không làm gì được. Người ta nói có tiền mua Tiên cũng được, không tiền anh mua một cái giầy xe lên tỉnh cũng không xong.

Giá trị của đồng tiền bỗng nổi bật lên rõ rệt. Anh Năm chợt nhận thấy mình có hai cái lỗi tầy đình là đã khinh thường giấy tờ và tiền bạc.

Anh không thừa nhận cuộc sống trên giấy tờ, cũng không thừa nhận bạc tiền gây hạnh phúc. Từ trước đến nay không tiền anh vẫn hạnh phúc, không giấy tờ anh vẫn sống như ai. Đụng chạm với thực tế rồi, anh mới giật mình nhận thấy cái nhận xét của mình về đời sống từ xưa đến nay hoàn toàn lệch lạc.

Gió vẫn vô tình đưa đến những lời bàn bạc như khiêu khích.

Chị Năm dí đầu ngón chân khoáy những vòng tròn trên mặt đất nghĩ đến ngày mai.

— Nhỡ họ không đi, bác làm sao ?

— Không đi sao được, năm hôm nữa, tôi cho xe chở vật dụng tới khởi công. Với họ bác cũng biết, thời buổi nầy họ sợ lôi thôi lắm. Hơn nữa tôi cũng đền bồi xứng đáng chứ không đâu.

Mười lăm phút sau, chừng như đã đo và tính toán đâu vào đấy, ba người trở ra xe, ông chủ đất bước lên thềm vào nhà.

Chị Năm hớt hải định chạy vào nhưng anh Năm nắm vai kéo lại, anh vào trước.

Hôm nay, nụ cười lần thứ nhất nở trên môi ông chủ, ông tỏ vẻ săn đón hai vợ chồng.

— Thế nào, đã tính xong chưa, hôm nào dọn ?

Anh Năm điềm tĩnh ngồi xuống ván. Anh không mời, nhưng ông chủ vẫn tự tiệt kéo ghề ngồi theo.

— Ông bảo đi đâu bây giờ ? Nhà chúng tôi đây.

Bị phản công bất ngờ, ông chủ sịu ngay mặt lại.

— Tôi đã biết điều, anh lại còn lôi thôi. Anh phải biết nếu tôi thẳng tay thì anh mất tất cả mà còn không được gì ? Anh là người chiếm đất tôi bất hợp pháp.

Nghe lại tiếng « đất của tôi », mặt anh Năm bỗng bừng bừng như say.

— Đất của ông à ? Ngoài những miếng giấy lộn, ông đã biết gì về đất này ? Ông được bao nhiêu tuổi ? năm mươi ? sáu mươi là cùng. Ngay từ lúc ông còn trứng nước, ông cha tôi đã đổ mồ hôi boi bổ đất cho ông. Đến hết đời phải lấy thân xác mình mà gây màu mỡ cho đất ông. Từ một miếng đất ruộng phèn đóng hàng mấy tấc, đời này qua đời khác đã chung góp vào đem mồ hôi hòa đất mới được phì nhiêu. Ông có kỷ niệm gì với miếng đất nầy ngoài những sấp giấy bạc thầy ra mua lại của chủ cũ ? Ngoài lòng tham muốn lấy của người làm của mình ? Ngoài cái tên trên giấy tờ hợp pháp ? Ông chưa từng đổ giọt mồ hôi nào trên lòng đất. Ông chưa biết cái liên quan mật thiết giữa người với đất, hòa hợp nhau thế nào. Đất không có người không sống, người không có đất cũng không tồn tại. Ông không có cái quyến luyến với lòng đất, nơi cả mấy đời nằm yên dưới ấy, nơi cả mấy đời nối tiếp trên nầy cho nên không hiểu được sự đuổi xô người sống ,khuấy rộn người chết là thế nào.

Chị Năm há hốc miệng nhìn chồng, chị không ngờ chồng nói được những điều thâm tâm chị đang nghĩ đến.

Ông chủ cũng há hốc miệng ngạc nhiên, nhưng chợt biết mình sắp vào thế bí, ông đứng lên sẵng giọng :

— Anh nói nhiều quá tôi không thích,thật thà bàn với nhau có phải hơn không ? Tôi sẽ đưa tiền anh dọn anhcó thiệt gì đâu.

Anh Năm quắc mắc quát to.

— Có.

Chị Năm bước vội lại nắm cánh tay chồng lôi lại, ông chủ đã ra đến thềm.

*
* *

Đời sống hạnh phúc của gia đình anh Năm đã đến khúc quanh. Không ai nói với ai lời nào về câu chuyện ấy nhưng phảng phất trong không khí, phảng phất trong cái cười gượng gạo, nó vẫn lẩn quất chung quanh rình mò cơ hội chui vào.

Và cơ hội chui vào đúng ngay ngày người thợ đến đóng cọc chung quanh miếng đất.

Chị Năm thút thít khóc, anh Năm đã thấy mình bị đổn vào thế bí, hàng rào kẽm gai sẽ siết lấn lại, anh nghe như ngột ngạt khó thở, hai bàn tay như có những cử động thừa thãi, anh muốn bóp, siết vật gì cho hả dạ.

Buổi chiều, từ xa, một xe đất quanh vào đổ trút xuống cạnh đường đắp nhỏ, một đồng đất đỏ ngùn ngụt rồi chạy đi.

Chị Năm lẳng lặng trở vào nhà nằm vật xuống ván, mắt đó hoe. Anh Năm ngồi cạnh bên cửa, mắt anh như dán vào con lộ chạy dài xuyên tỉnh lỵ. Tuy không biết canh để làm gì nhưng anh vẫn ngồi canh ngong ngóng hết giờ này sang giờ khác.

Chiếc xe đất đi luôn không trở lại.

Anh lấn ra mé lộ, căm hờn nhìn đồng đất lù lù ngang nhiên đè bẹp mầy mầm non sua-đũa anh vừa trồng cho đường thêm bóng mát.

Anh dốc lên một nắm nhìn. Nhất định là anh không có cảm tình với thứ đất đỏ nhờ nhờ này.

Trở vào, anh rẽ qua nấm mộ thằng con lớn, cạnh đó là mộ cha anh. Anh vẫn định ngày nào làm ăn khá sẽ xây cho họ cái chớp si-măng nhưng bây giờ không còn ngày nào nữa.

Anh ngồi bệt xuống nhìn chung quanh. Cũng nơi này ngày xưa anh leo trèo một cách vô tư, cũng nơi nầy con anh bập bẹ tiếng nói đầu tiên.

Cái sống và cái chết đã đi qua, mảnh đất vẫn yêu thương gói trọn, người chết nằm xuống đó, kẻ sống còn lại đây, bình tĩnh không thấy mất mát gì vì tất cả vẫn còn tồn tại.

Ngày mai thì không thế nữa.

Đêm khuya, anh trở vào nhà. Chị Năm vẫn thức, anh ngã người nằm bên vợ. Chân vừa duỗi ra bỗng đạp phải vật gì mềm, anh ngồi lên nhìn, một bao vải túm gọn. Ra vợ anh thức để sửa soạn cho cnộc rút lui của gia-đình.

— Mình để bao đây làm gì.

Chị Năm không xoay lại đáp.

— Sớm muộn gì cũng phải đi, thà lo trước cho đỡ bận :

Trong giọng nói đầy nước mắt, anh nín lặng gác tay lên trán.

Sáng hôm sau, anh lại tiếp tục canh, biết rõ hành động mình vô lý, anh vẫn ngồi yên bên cửa. Chị Năm bó gối nhìn vườn ổi nụ trổ đặc cành.

Mãi đến chiều, chiếc xe đất thứ nhất quanh vào kè chiếc thứ hai, thứ ba, thứ tư nối tiếp nhau trút những đụn đất đỏ lên đường đắp.

Bụi đất bay mù mịt, biến những cành ổi xanh tươi ra đỏ một màu dơ dáy.

Họ lặng yên không nói với nhau nửa lời nhưng từng chút, từng chút mọi hy vọng trong lòng sụp dần như lâu cát.

Chiếc xe đồ sộ của ông chủ cũng vừa đến đậu sát bên đường. Ông xuống xe đi đi lại lại giữa đám dân phu đang tới tắp ban đất cho bằng.

Từ trong cửa nhìn mảnh đất thân yêu bị dày đạp, oằn oại dưới gót chân người xa lạ, ngột ngạt dưới mô đất đỏ màu đáng ghét, ngực anh Năm bỗng nặng nề như mang giỏ đá ngàn cân.

Anh vụt đứng lên đi vội ra, chị Năm hốt hoảng nhổm dậy trông theo. Chị bỗng thở ra nhẹ nhàng anh Năm không lại bờ đắp mà rẽ vào vườn.

Lủi thủi đi, anh Năm nghe như cái đau chìu nặng từng bước chân, nhưng biết làm sao, anh chỉ còn một giải pháp. Vừa đi vừa toan tính những lời đối đáp, anh Năm bỗng giật mình đứng khựng. Trước mắt anh ông chủ đang nhìn vườn ổi say mê, ánh mắt đầy ham muốn tham lam như muốn ôm tất cả vào mình trên môi phảng phất nụ cười hài lòng, quyết thắng.

Anh chợt hiểu, những gì vừa định nói, anh biết rằng không thể nói được. Gật nhẹ đầu chào không thêm gì, anh quay vào trước đôi mắt ngạc nhiên của hắn.

Thật là điên rồ, anh định ra năn nỉ hắn nán lại một thời gian cho anh bán ổi. Bây giờ anh đã hiểu vì đâu người ta định đuổi anh, anh đã hiểu vì đâu hắn quyết liệt lấy đất lại ngay. Trong mắt hắn, anh vừa đọc được câu trả lời những thắc mắc của anh. Vườn ổi, tất cả chỉ vì vườn ổi đang đơm hoa.

Trở vào bên ngưỡng cửa, anh Năm gục đầu triền miên nghĩ ngợi, ánh nắng xế lần, những người dân phu đã trở lên xe, ông chủ đang ngắm lần cuối cùng công trình ngày hôm ấy.

Anh Năm bỗng đứng lên quyết liệt, mắt anh sáng quắc, nhìn quanh quẩn, anh nhảy vào chụp con dao xắt chuối chạy miết ra vườn.

Chị Năm run bắn cả người. Không la được, hai gối chị như lỏng lẻo muốn khụy xuống, ráng lắm chị mới lết ra đến cửa.

Lạ thay, trên đường đắp không thấy bóng anh Năm, ông chủ đứng đỉnh đi lại xe leo lên. Tiếng máy rồ mấy lượt, xe từ từ phóng ra đường.

Băn khoăn mãi, không hiểu anh Năm làm gì ? ở đâu ? nhưng chị đã yên lòng phần nào vì chắc chắn là anh không có ý muốn giết người.

Bóng tối tràn lan, nhà lên đèn từ lâu vẫn không thấy chồng về, chị Năm ngồi bên ngưỡng cửa ngóng. Đêm khuya, sương lạnh tuôn vào nhà thấm ướt cả hai vai, chị Năm vẫn ngồi lo lắng nhìn trời đêm chờ đợi.

Từ vườn ổi, bỗng đưa lại một tiếng gì lạ tai, trước nhỏ sau to dần, to dần. Chị Năm ngơ ngác lắng nghe. Người chị bỗng nhiên lạnh loát, chị đã hiểu. Dù cồ ôm đầu bịt tai tránh tiếng vọng đau lòng ấy, nó vẫn bướng bỉnh tìm đủ cách chui vào tai, chị bỗng ôm mặt khóc nức nở, khóc có lẽ còn hơn ngày mẹ chết.

Ngoài vườn tiếng phùm phụp bỗng im. Mười phút sau.

Anh Năm lảo đảo đi vào, trên tay con dao xắt chuối không vương máu người nhưng sẫm đen máu loài cây vô tội.

Anh Năm không giết người, anh chỉ giết cây để làm đau lòng người.

Ngày mai trở lại, hắn sẽ thấy một bãi đất hoang sũng nước, anh đã phá cái đập ngăn nước vào ruộng.

Ngày mai hắn sẽ thấy trôi lều bều trong nước, hàng ngàn xác cây chết oan uổng vì tham vọng vô bờ bến của con người.

TRÚC-LIÊN

IMPRIMERIE NOUVELLE
D'EXTRÊME - ORIENT
(INDEO)
Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.321 — Boîte postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

Các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch sáng tác như thế nào ?

Người phụ trách : **NGUYÊN-NGU-Í**

LỜI MỞ ĐẦU

Có vài bạn, khi biết mục-đích cuộc phỏng-vấn Văn-nghệ thứ hai này, đã lo ngại giùm cho chúng tôi. Lo ngại, vì chắc kết-quả thâu thập được sẽ không là mấy.

— Trong cuộc phỏng-vấn « Ý-kiến các văn-nghệ-sĩ về truyện ngắn Việt và quốc-tế **hay** nhất », anh đã làm rộn 72 người cầm bút, mà trả lời có 42, tức được 58, 33% kết-quả. Quá bán chẳng là bao. Mà câu hỏi chẳng có gì « nguy hiểm ». Giờ, thì thật là « hiểm nguy » ! Anh muốn các nhà sáng-tác cho thiên-hạ biết nào là quan-niệm cùng kinh-nghiệm, nào là kỷ-niệm của kỹ-thuật của họ. Toàn là những thứ đòi hỏi ở những « nạn nhân » của anh bao đức tánh : can đảm nè, sốt sắng nè, cởi mở nè. Mà các nhà văn-nghệ ở nước mình, lúc này, đa số muốn được an thân. Anh mà có giỏi chịu khó hỏi gấp đôi số người « bị » anh phỏng-vấn lần trước, thì họa may anh mới thâu được kết-quả như kỳ rồi.

— Lắm người sẽ ...ngơ ngác hoặc ngẩn ngơ đa ! Vì thật ra họ chưa biết họ viết để làm chi. Thì anh mong họ trả lời cho anh sao được. Nín thinh là hơn ! Im lặng là vàng mà lị ! Trăm phần trăm là « *hỏi* rất nhiều nhưng *nhận được* chẳng bao nhiêu », và nhất định là kém phần hào hứng !

Nhưng chúng tôi không tin rằng con nhà cầm bút nước ta thiếu can đảm, thờ ơ và bưng bít. Chúng tôi lại cũng chẳng tin rằng giờ đây, đứng trước hoàn cảnh của xã-hội, đời sống của dân-tộc, vận mạng của loài người, những người cầm bút lại không biết mình muốn gì, mình đi đâu, như một nhà thơ nổi tiếng, thời nô-lệ, ví mình như con chim « *ngửa cổ hát chơi* » :

« Tôi là con chim đến từ núi lạ,
« Ngửa cổ hát chơi :
« Hãy nghe lấy. Còn như sao rỉ rả,
« Hỏi làm chi ! Tôi không biết trả lời. »

Mà 15 năm chua xót đã qua...

Người phụ trách cuộc phỏng vấn
NGUIÊN-NGU-Í

I.— Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhứt định nào hay là lũy hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống.

Bình-Nguyên-Lộc, *viết truyện ngắn, truyện dài.*

Anh Ngu-Í,

I.— Tôi là một thằng mù, làm thì cứ làm mà không biết để đi đến đâu. Không bao giờ tôi tự hỏi viết cho ai, viết để làm gì nói, thật ra, chắc nhiều bạn chê cười dữ lắm, nhưng nếu không nói thật thì hoá ra... nói láo à ?

Mặc dầu thế, tôi cũng cố nhớ lại xem tại sao tôi viết văn, để có chuyện mà nói cho anh nghe, kẻo anh đăng báo ít quá, không thành một bài theo ý anh muốn.

Anh hỏi tôi mấy câu trên đây ba hôm trước, và trong hai đêm liền, đã mất ngủ vì cố truy-nguyên cái chuyện viết văn nầy.

Năm đó tôi đi chơi vùng Hậu-Giang và có dịp ngồi rất lâu ngày trước một cảnh hoang-vu ruộng bùn và rừng trầm-thủy. Một hôm tôi bỗng tìm thấy vẻ đẹp của bùn lấy nước đọng, và tưởng-tượng đến cảnh nầy hồi ba trăm năm trước. Liền đó tôi lại thấy tất cả vẻ đẹp của cuộc Nam-tiến để khẩn-hoang vùng hoang-vu nầy.

Bắt đầu từ đó, tôi thai - nghén tiểu - thuyết trường - gian *Phù Sa*, nghe bứt rứt trong lòng muốn viết ra những cảm-nghĩ của mình về cuộc khẩn-hoang ấy (như thể có lẽ tôi viết văn chỉ để khỏi bứt rứt, tức là viết cho tôi. Ích-kỷ vậy thay !)

Tôi khổ sở về cái thai ấy đến 10 năm, mãi đến năm 1943 mới được chỉ có đoạn đầu, mà chương đầu đã cho đăng báo như một truyện ngắn. Còn nhớ truyện ngắn ấy là truyện **Di dân lập ấp**, đăng ở tuần - báo T.N. năm 1943 (1)

Và mãi đến nay, 1961, viết cũng chưa xong.

Sự bứt rứt này, về sau, tôi có nói rõ trong một truyện ngắn nhan là **Lầu 3 phòng 7**, đăng trong tập Ký. Thác. (2)

---

(1) Số 1, ngày 7-8-1945.

II.— Anh hiểu danh-từ hứng thể nào mà hỏi như vậy ? Câu hỏi của anh đặt ra hai ý-niệm mà anh ngở là tương phản : **đường lối nhất định, và hứng.**

Nhưng thật ra **hứng** không tương-phản với **đường lối nhất định** tí nào. Đó là hai thứ khác nhau, không thể đối chọi nhau hay so sánh nhau được. Chó với mèo thì đối chọi nhau, hoặc so sánh nhau được, còn chó với khúc gỗ, có liên hệ gì đến nhau đâu.

Đường lối nhất định là ý chí của con người. Còn **hứng** chỉ là một phương pháp làm việc thôi.

Chắc anh muốn hỏi : « Sáng tác theo một đường lối nhứt định, hay gặp ý gì viết ý nầy, và kết luận theo sự thật theo sở thích, theo lẽ phải, chớ không theo đường lối ấy ? »

Có phải thế không anh ?

Tôi biết có nhiều bạn có đường lối nhứt định, nhưng tùy hứng mà làm việc.

Riêng tôi thì không có đường lối nhứt định. Một hôm nào đó, tôi có một ý, muốn viết ra thành truyện. Thế là tôi làm việc ngay, không bao giờ đợi hứng, và làm việc bằng lý trí chớ không tùy hứng. Tôi quyết cho hai đứa nó lấy nhau thì cứ cho, mặc dầu dọc đường nghe hứng khuyên cho chúng nó xa nhau, tôi cũng mặc.

Anh thấy không, hai thứ đó không có trái ngược nhau đâu.

Và nếu câu hỏi của anh mà sửa lại theo ý tôi là đúng thì tôi xin đáp thêm rằng tôi kết luận theo sự thật, hay nói rõ hơn, theo cái mà tôi cho là sự thật.

III.— Một thế giới hiện lên, cố nhiên, trong đó hoạt động những nhân vật của câu chuyện. Tôi, mà chắc ai cũng thế, say sưa sống trong thế giới đó, nhưng... không viết gì cả.

Sống lâu lắm trong đó rồi sau mới viết được,

IV.— Có hai kinh nghiệm :

1) Truyện càng nhiều chi tiết càng linh động. Nhưng nếu nghĩ đến phương diện « bán văn » lại phải bỏ bớt không biết bao nhiêu là chi tiết, vì chi tiết làm mệt độc giả Việt.

2) Chi tiết không bao giờ bịa được như cốt truyện đâu.

Anh lại hỏi thêm tôi thích nhất sáng tác nào của tôi, xin trả lời anh : đó là « *Quán tai heo* » vì nó nói đến nỗi khổ của những người trong giới của tôi mà tôi thương mến.

*
* *

PHẠM - PHẠM, *viết truyện ngắn.*

Anh Ngu-Í,

Xét ra thì văn nghiệp của tôi chưa có gì đáng kể nhưng lại được Anh nghĩ đến và phỏng-vấn về lối sáng tác, tôi thành thật cám ơn Anh vì đó là một danh dự cho tôi vậy.

Thưa Anh,

Thật ra, tôi viết truyện ngắn không do tùy hứng mà có chủ tâm sẵn và tự

(2) Bến Nghé xuất bản, Sài-Gòn, 1960 Trước có đăng tạp chí « Văn-hữu », số 1, tháng 6-1959, với cái nhan : *Người bạn văn.*

thách thức mình làm. Để cho Anh và độc giả thân yêu của tạp chí Bách-Khoa thấy rõ điều nói trên, tôi xin đem hai truyện ngắn :

— *Đời người thiếu mùa Xuân* và *Đôi mắt*. (đăng trong hai số 75, 84 B.K. trong năm vừa qua) ra làm thí dụ.

Như về truyện *Đời người thiếu mùa Xuân*, tôi thách đố tôi phải viết một truyện nói đến sự đói khổ của con người, như *Năm hạn của* Trần-Tiêu (3) Rồi tôi tự bắt buộc tôi phải làm việc. Tôi cố tìm tòi những hình-ảnh đói khổ thật thiết thực trong ký-ức mà tôi đã bắt gặp xung quanh tôi hoặc nghe các bô lão hay bạn bè kể lại. Góp nhặt những cái ấy xong, bấy giờ tôi mới xây dựng cốt truyện và nghiền ngẫm đến động tác của các nhơn vật, cuối cùng là nghệ thuật cho sự việc xảy ra với những chi tiết nhỏ nhặt nhưng có tác động mạnh để bộc lộ hết trạng tính con người diễn biến qua mọi trường hợp mà chúng đang sống. Xong xuôi đâu đó tôi mới bắt đầu viết...

Còn truyện *Đôi Mắt* cũng vậy. Trong buổi tiệc trà thân mật đệ tam chu niên của B.K, tôi đã gặp anh Huy-Lực. Mặc dầu tôi và anh Huy Lực chỉ nói với nhau đôi ba câu không đâu nhưng lần gặp gỡ đầu tiên ấy tôi thấy mến anh liền. Về nhà tôi lựa ngay một bài thơ của anh mà tôi thích nhứt. Đó là bài thơ *Đôi Mắt* (4). Tôi dùng cái tựa kia để tự bắt buộc mình phải viết một truyện ngắn để tặng anh. Sáng tác truyện nầy tôi thấy có phần dễ dàng hơn truyện *Đ.N.T M.X* vì một phần lớn chi tiết trong truyện tôi đều có sống qua thật sự.

Anh Ngu - Í,

Thú thật với Anh, tôi thích đọc hơn thích viết. Nhưng tôi viết để làm gì ? Không hơn không kém việc sáng tác của tôi là một lối lẩn trốn cho qua những cơn « cơm không lành, canh không ngon » trong gia đình hay lúc phiền muộn những trò đời không hay của bạn bè.

Riêng chỉ có mỗi một truyện *Đôi Mắt* là tôi viết trong trường hợp khác thôi.

Thưa Anh,

Viết truyện ngắn lúc ban đầu tôi cũng không có ý nghĩ gởi đăng báo. Nhưng thấy viết càng ngày càng nhiều tôi mới cho xuất bản. Sau lần xuất bản cuốn « *Người đàn bà kỳ dị* » cách đây hai năm được các văn hữu khuyến khích gởi đăng báo, và từ đó, như anh đã biết, Phạm-Phạm được anh em giúp đỡ vậy.

Kính chào Anh

Kỳ sau : Vũ-Hoàng-Chương, Nguyên-Sa, Hoàng-Anh-Tuấn

(3) Trong tập truyện ngắn « *Truyện quê* » do nhà Lượm lúa Vàng xuất bản, Hà-Nội, 1942.

(4) Đăng Bách-Khoa, số 42 1-10-1958.

(5) Thời-Trân xuất bản, Sài-Gòn, 1959 (*Tất cả chú thích trong bài phỏng vấn này đều là của Nguiễn-Ngu-Í*)

SINH-HOẠT

★ *NGUIỄN-NGU-Í thuật*

Triển lãm và diễn thuyết nhân dịp kỷ niệm 300 năm húy nhật giáo-sĩ Alexandre de Rhodes (22-2 đến 28-2-1961)

(tiếp theo B. K. số 100)

Ba ngày sau ông Phạm-Đình-Khiêm mở màn tuần lễ kỷ niệm bằng diễn thuyết với đề tài « *Xã hội Việt-Nam về thế kỷ XVII, dưới mắt giáo sĩ Đắc-Lộ* », ông Nguyễn-Khắc-Xuyên, linh mục, trình bày « *Giáo sĩ Đắc-Lộ với chữ Quốc-ngữ* », tại trường Quốc-gia Âm nhạc, ngày 2-2 1961.

Diễn giả mở đầu bằng sự dè dặt và rào đón thường lệ : sợ không đem gì mới mẻ cho thính giả, vì đề tài quá thông thường. Nhưng với người thính giả bậc thường thì diễn giả đã cho biết nhiều điều mới. Diễn giả nhắc lại vài học giả có uy tín đều đồng ý ở điểm : nhiều người có công trong việc thành lập chữ quốc ngữ, chớ không phải chỉ một có Alexandre de Rhodes ; rõ ràng hơn, đó là kết quả bao nghiên cứu, tìm tòi, phát minh của nhiều giáo sĩ thuộc nhiều quốc tịch khác nhau — chớ không riêng gì các giáo sĩ nước Bồ-

Đào-Nha. Mà người có công nhất là cố Alexandre de Rhodes, người đầu tiên đã in thành sách tiếng Việt phiên - âm bằng chữ La-Tinh, năm 1651 :

- *Phép giảng tám ngày.*
- *Văn-phạm Việt-ngữ.*
- *Tự-điển Việt-Bồ-La.*

Diễn - giả đưa ra một khía cạnh chưa được Dương-Quảng-Hàm, Đào.Duy-Anh... đề cập tới, là ảnh hưởng của việc phiên âm tiếng Nhật ra chữ La-Tinh (chữ Romaji) mà cố Đắc - Lộ được thấy ở Hội-An. Song diễn-giả không công nhận từ chữ Romaji đến chữ Quốc-ngữ, chỉ có một bước.

Xét lại, ảnh-hưởng chữ Nhật La - tinh hóa đối với chữ Việt, không được mấy, bởi lẽ tiếng Nhật vốn đa âm, mà tiếng ta thì đơn âm. Chữ Trung-Hoa La-Tinh hóa có thể có ảnh-hưởng nhiều hơn vì tiếng Tàu cũng đơn âm như tiếng Việt và đã được phiên - âm ra chữ La - Tinh trong khoảng 1584-1588.

Rồi diễn giả nêu lên những cái khác nhau, những khuyết điểm của thứ chữ Việt trong thuở ban đầu ấy, như không có ký hiệu để ghi các thanh, không phân biệt a với ă, o với ô..., giữ nhiều màu sắc riêng biệt của đàng Trong, như *nhứt* (nhất), *tui* (tôi) . . . Chữ Quốc-ngữ, một sự-nghiệp đặc biệt của giáo-sĩ Đắc-Lộ, được linh-mục chứng-minh hùng-hồn và cặn kẽ.

Và nhờ cái tinh nồng nàn của Đắc-Lộ đối với đất nước trời Nam, nhờ cái khiếu thiên-phú về ngoại-ngữ, nhờ sự hiểu biết và cảm thông với tiếng Việt, nên cố Alexandre de Rhodes đã đem tất cả bao điều thâu-thập được khi học, khi dùng, khi nói các sinh-ngữ và tử-ngữ mình biết mà hoàn tất công cuộc phiên-âm tiếng giống Lạc-Hồng. Do đó, mà kết - quả tốt đẹp và lâu bền.

Vì bao lẽ đó, mà chữ Việt sẽ trường tồn, bất chấp cả thời gian, Mà bất chấp cả những biến chuyển mà người ta muốn tạo ra cho nó », lời kết trên đây của ông Nguyễn-Khắc-Xuyên, linh-mục, đã được nhiệt-liệt hoan - nghinh bằng những tràng pháo tay lớn kéo dài...

*
* *

Ban tổ chức đã dành cho ông Lê-Ngọc-Trụ, giảng viên trường đại-học Văn-khoa và trường đại-học Sư-phạm, nhiệm vụ bế-mạc tuần lễ kỉ-niệm vừa văn-học vừa lịch sử này ngày 28-2-1961 tại viện Quốc-gia Hành-chánh. Tưởng cũng nên ghi nhã ý của ban tổ-chức: nơi nhà ngữ học họ Lê thuyết-trình « *Chữ Quốc-ngữ từ thế-kỉ XVII đến cuối thế-kỷ thứ XIX* » ở cạnh đường mang tên Alexandre de Rhodes.

Mở đầu, tác-giả « Việt-Nam chánh-tả tự-vị » xin lỗi trước thính-giả vì « buổi nói chuyện có thiếu phần hào-hứng, hấp-dẫn » và hạn chế cuộc thuyết-trình : « xin nói về chữ Quốc-ngữ từ lúc sáng chế và chỉnh-đốn đến ngày được chính thức công-nhận vào cuối thế kỉ thứ XIX, mà không nói đến các lối đề-nghị cải-cách. »

Quả như người nói không hấp-dẫn người nghe bằng những gì li-kì, rùng-rợn, nhưng người nghe đã chăm chú từ đầu tới cuối bởi những tài - liệu chính xác đưa ra, bởi vài chi tiết lí-thú, và nhất là bởi cái thiết tha bền vững của người nói qua luận điệu trong bài, qua giọng nói, lời văn. Vì thế, thính-giả được đưa một cách nhẹ nhàng — từ thuở

Alexandre de Rhodes sáng chế chữ Quốc-ngữ cùng ảnh hưởng và công-dụng của nó hồi đó, qua Pigneau le Béhaine sửa lại, thành chữ Quốc-ngữ ngày nay (bằng chứng tự điển Dictionarium Anamitico — Latinum, mà bản sao để : 1772), đến Jean - Louis Taberd thu thập các tài-liệu của Bá-Đa-Lộc mà soạn hai quyển : Dictionarium Anamitico-Latinum (Nam-Việt — Dương hợp tự vị), có cả chữ Nho và chữ Nôm và Dictionarium Latino — Anamiticum in năm 1838 ở chủng-viện Serampore (Bengale).

Riêng chi tiết sau đây đã làm thính giả kẻ thì nghĩ ngợi, người lại ngẩn ngơ, có ngờ đâu non trăm năm sau, nước nhà đã độc lập, mà cái cảnh đau lòng học nhờ viết mượn vẫn còn tồn với tại.

Viên... thống đốc Nam-Kì Lafont đã ban hành nghị định số 82, ngày 8-4-1877, công nhận chữ Quốc ngữ là chữ chánh thức :

« Kể từ 1-1-1882, tất cả văn kiện chánh thức : nghị định, quyết định, lịnh án tòa, chỉ thị, v.v... sẽ viết kí tên và công bố bằng chữ Quốc ngữ ; nhân viên nào không thể viết thư từ bằng chữ Quốc ngữ sẽ không được bổ nhậm và thăng thưởng trong ngạch phủ, huyện và tổng. »

Và mấy lời chót sau đây của người học giả đã tận tụy trên hai mươi năm với ngôn ngữ, văn tự nước nhà đã bẻ mạc một cách rõ ràng, và cuộc nói chuyện, và tuần lễ kỉ niệm người thì tổ chữ Việt :

« . . . chúng ta, khi thừa hưởng công nghiệp của người tạo cho, thấy có bổn phận xúc tiến công việc tài bồi ngôn ngữ, văn chương để phát huy nền học thuật, văn hóa nước nhà. Chỉ có con đường ấy mới là tích cực làm sáng tỏ công nghiệp văn hóa của giáo sĩ Đắc-Lộ để lại, mới là tha thiết với tiếng mẹ đẻ, và đó cũng là một trong những cách phục vụ đắc lực cho Tổ quốc vậy. »

NGUIỄN-NGU-Í *thuật*

☆

★ *THU-THỦY* ★

Sinh - viên đen, đại học đỏ

Trong số *Bách-khoa* trước chúng tôi có nói đến ý kiến của Suzanne Labin về hoạt động tuyên truyền tại những viện đại học của Nga-Sô. Nhiều sinh viên Phi Châu được học tại đó rồi bỏ Nga-sô trở về, đã tố cáo những điều mà chắc rằng nhiều thanh niên các nước chậm tiến nhận được học bổng đi du học ở Hoa kỳ, Ý, Anh, Pháp.. không ngờ đến.

Nhân viên Nga rất chịu khó đi tìm thanh niên trí thức Phi Châu để rủ sang Nga du học. Họ tìm mọi dịp tiếp xúc với

thanh niên Phi Châu ở khắp nơi: có người bị họ rủ rê ở Le Caire, có người lại ở Rome. Họ bảo rằng chỉ muốn đào tạo những chuyên viên có khả năng để về phục vụ xứ sở đang vươn lên, họ không đòi hỏi ép buộc điều gì.

Nhưng sang đến Nga, mỗi sinh viên như thế được cấp 900 rúp mỗi tháng, tiền

Bức hình chấp dán sinh viên Théophilès Okonkwo của tuần báo Nga Novoye Vremya (12-8-60).

ăn đã hết 3, 4 chục rúp mỗi ngày rồi, một đôi giày 315 rúp một cái áo tơi hạng trung bình giá cũng đến 1.100 rúp. Vì thế sự sống vật chất chật vật ra sao không cần phải nói.

Về tinh thần, các sinh viên ngoại quốc không được tự do tiếp xúc nhau. Sinh viên Phi Châu muốn thành lập một *hiệp hội sinh viên Phi Châu* để liên hiệp giúp đỡ nhau, người Nga không thừa nhận hiệp hội đó, viện lý rằng không thể nào có một hội liên hiệp sinh viên Phi Châu trong khi chính các nước ở Châu Phi chưa được liên hiệp thống nhất. Người Nga xếp đặt và cho phép những cuộc liên hiệp nào có lợi cho họ.

Sinh viên Phi Châu cũng không được tự do giao thiệp với người Nga. Vì thành kiến khinh bỉ người da đen lạc hậu, vì không muốn dân Nga trực tiếp tìm hiểu thế giới bên ngoài bức màn sắt qua sự tiếp xúc với sinh viên ngoại quốc, cho nên đã có những trường hợp thanh niên cộng sản Nga (Komsomols) vây đánh sinh viên Phi Châu khiêu vũ với thiếu nữ Nga và trường hợp người Nga bị tình nghi, bị giam cầm vì giao du với sinh viên Phi Châu.

Người Nga lợi dụng trắng trợn những sinh viên học tại nước họ, bất chấp ý kiến của những người ấy. Tháng 7 năm 1960, Théophilès Okonkwo, người Nigéria, học tại viện Đại học Mạc tư Khoa, đến phòng thể thao tập dượt quyền thuật. Một người Nga đến chụp một bức hình. Okonkwo xem đó cũng là một chuyện thường, không đáng để ý. qua tháng 8 năm ấy, anh thấy trên rất nhiều báo chí cọng-sản phổ-biến trên thế-giới hình của anh đang cởi trần giơ tay múa quyền, nhưng người ta đã vẽ thêm vào hai cổ tay một chiếc xiềng bị bẻ gãy và trước mặt anh một hình ảnh thực dân tây-phương tay cầm chiếc roi ngã người ra hoảng sợ.

Cải chính những sự xuyên-tạc ấy ư ? Từ chối học tập và tham-gia vào những hoạt-động tuyên-truyền chính-trị của Nga-sô ư ? — Người Nga có nhiều cách để

phó, khi Okullo, sinh-viên Ouganda rời Mạc-Tư-Khoa về tố-cáo Nga Xô thì nhiều sinh-viên Phi-Châu khác còn học ở Mạc-Tư-Khoa (trong số đó có Omsr Mohamei và Mohamed Abdi, người Somalie) được mua chuộc bằng một số ngoại-tệ lớn và bằng nhiều ân-huệ khác để cải-chính các lời tuyên bố của Okullo, còn đối với Okullo báo-chí Nga đều đăng tin rằng anh bị đuổi ra khỏi trường vì học kém thi hỏng và vì trụy lạc, lúc nào cũng uống Whisky đến say khướt. (Sự thực thì Okullo chỉ biết uống la-ve, và chưa thi rớt kỳ nào, bởi vậy đối với bạn đồng học với Okullo thì nhà trường cho biết anh ta bị đuổi vì phản-động, làm do-thám, giao-thiệp với các tòa-đại-sứ Tây-Phương). Năm 1958, lúc sinh-viên Okonkwo mới đến học trường thuốc ở Mạc-Tư-Khoa hãng thông tấn Tass cho biết anh là một đảng-viên Cộng-sản trung-kiên đã nhiều lần bị nhà cầm quyền thực-dân Anh khủng-bố, anh đã kịch-liệt xung đột vì chính kiến với cha anh là Bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục xứ Nigéria. Năm 1960, Okonkwo viết « lá thư ngỏ gửi các chính-phủ ở Phi-Châu » tố-cáo những sự xấu xa ở Nga-Sô thì tờ *Trud* của Nga lại bảo rằng anh là một tên do-thám sang Nga để dò xét và nói xấu, anh trụy-lạc và say rượu, đêm nào cũng tới tòa-đại-sứ Mỹ cặp rượu Whisky vào nách kè kè mang về.

Trong bức thư gửi lên Chính-phủ họ, 7 sinh-viên Somalie ở Nga về nói rằng thư từ của họ trao đổi với gia-đình bè bạn bị kiểm-duyệt gắt gao, có nhiều khi bị dấu hủy đi. Họ còn nói đến trường hợp thỉnh thoảng một sinh-viên da đen đến ngồi ở công-viên bỗng có một người đàn bà Nga tới chuyện trò vơ-vẩn rồi thình lình la lên om sòm. Tức thì có mấy anh cảnh sát chực sẵn đâu đó chạy tới bắt « tại trận » và người sinh-viên kia được biết rằng thế là mình đã có một hồ-sơ về vụ xâm-phạm tiết-hạnh phụ-nữ rất bỉ ổi trong tay nhà cầm-quyền Nga-Sô. Muốn cho vết xấu đó khỏi bị bới tung lên trước dư luận anh ta phải tình nguyện giúp nhà cầm quyền Nga-Xô dăm ba việc, như điều tra về bạn bè, dò xét những kẻ « gián điệp lẫn lộn trong hàng ngũ » v.v...

Từ cuối năm 1960 đến nay có nhiều trường hợp sinh viên Phi-châu ở Nga được mời qua các viện Đại-học Nga trở về tố cáo những cưỡng bách xảo quyệt của Nga, hoặc trong những buổi họp báo, hoặc trong những lá thư ngỏ gửi lên nhà cầm quyền các nước. Thái độ của họ khá quyết liệt. Trong bức thư gửi Thủ tướng Somalie sinh viên nước ấy đã xin chính phủ họ can thiệp cho 23 người bạn còn bị lưu giữ ở trường *Đại học thân hữu* Mạc-Tư-Khoa được thoát về, và xin đưa vấn đề Nga-Xô ngược đãi sinh viên da đen ra Liên-Hiệp-Quốc.

Kể ra Nga-Xô tốn công phu để mời rước thanh niên trí thức Phi-Châu về bên họ đã nhiều, mà công phu để đối phó đỡ gạt những lời công kích của các thanh niên ấy cũng không ít : báo chí, đài phát thanh đều được huy động làm công chuyện ấy ráo riết. Trong cái thế lưỡng phân rõ rệt ngày nay, trước sự cạnh tranh của đôi bên, người Phi-châu họ biết đòi hỏi ở các nước lớn : họ biết phản ứng mạnh đối với những

manh tâm lợi dụng họ ; trước đây những thanh niên Á-châu sang Nga du học không chắc đã gặp được sự đãi ngộ gì tốt đẹp hơn, nhưng thuở đó ta không nghe được lời tố cáo mạnh dạn nào của các sinh viên Việt - Nam, Nhựt, hay Trung-Hoa.

Mặc dù những sự việc vừa xảy ra chứng tỏ Nga-Xô không thành công mỹ mãn trong việc mua chuộc trí thức Phi - Châu, nhưng sự tích cực của họ trong lĩnh vực tuyên truyền thực đáng lưu tâm.

THU-THỦY

*

✱ CHÂU - HẢI - KỲ ✱

NHÂN NGÀY GIỖ CỤ TÂY - HỒ
Ngay 24 - 3 Dương - lịch.

TÌM HIỂU :

Những hoạt-động cách-mạng của cụ Phan-Châu-Trinh tại Bình-Thuận

THÁNG 5 năm Ất-tị (1905), cụ Phan Châu-Trinh đặt chân đến Bình-Thuận. Cùng đi với cụ, có hai bạn đồng-chí : Trần-Quí-Cáp, Huỳnh-Thúc-Kháng

Hướng-dẫn cụ từ Bình-Định vào là Nguyễn-Quí-Anh, dòng dõi Nguyễn-Thông ra học tại Bình Định. Nơi đó, người trai chí khí, cảm-kích vì lời thơ « Chí thành thông thánh », xúc động vì lời phú « Lương ngọc danh sơn » của các bậc anh hùng đi gióng trống khua chuông khơi nguồn yêu nước, tức thời bầu tâm huyết sục sôi lòng chí-thành cuồn cuộn, rồi hưởng-ứng, ngưỡng-mộ, tự giới - thiệu « con nhà » và xin nguyện cùng đeo đuổi mộng « vá trời lấp bể »,

Nhận việc hướng-đạo một đoạn đường, người sĩ-tử, vì « thói nhà chăm việc bút nghiên » nơi Bình-Định, lên đường về trú quán. Chiếc ghe bầu từ Bình-Định xuôi Nam chở những con người chí lớn, tạt Cam-ranh..., tiếp... cập bến Bình-Thuận.

Đường xa, gió sóng nhọc-nhằn, vừa đến chốn « nửa thời hời mọi, nửa dân ta »(1) và

« gió lộng vi-vu, trời lộn nước,
« Chuông vang dì-đùm, tháp nghe chùa.

thì cụ thọ bệnh. Cuộc Nam du phải đình. chiến-sĩ quyết « dốc gánh giang sơn », « xông

(1) Thơ của cụ Huỳnh-thúc-Kháng. trong bài « Bình-Thuận xứ nầy mới trải qua » ở phần dưới.

pha muôn dặm biển trời » (2) cốt « tìm người trung nghĩa luận bàn... » « sửa sang chính trị vẻ viên nước nhà », phải thình linh dở-dang công việc, « thêm vo lòng vàng » « ê hề tấc dạ » (2). Nhưng cụ không vì thế mà chán-nản. Là một chí sĩ ưu thời mẫn thế, thụ bẩm cái hào khí lớn lao, cụ không nhụt chí, cương-quyết nêu gương nhẫn-nại đấu tranh.

Trong buổi đầu mới đến, cụ trú tại nhà Nguyễn-Quí-Anh, vừa thuốc men, nghỉ dưỡng, mà cũng vừa tìm hỏi, dò la... Mục-đích của cuộc Nam du là cổ-súy cho công cuộc duy tân, tự-cường, là liên-lạc, thắt chặt các mối tình, tìm thêm kẻ đồng thuyền đồng hội kết giao... Cụ bịnh. Thì đã có hai bạn chí thiết đồng hành đi khảo-sát tình hình, đi giao-du cùng người « thanh khí », mà dịp đây ta thử nhắc lại vài « nét thời-đại » về cái xứ có núi Tà Cú, có Lầu Ông Hoàng vào hồi Tây mới bình định xong :

Bình-Thuận xứ này mới trải qua,
Nửa thời hèn mọi, nửa dân ta.
Gái lo trang-điểm màu son phấn,
Trai lại trau-tria cuộc ngựa gà,
Thanh-khí rán bòn năm bảy kẻ,
Văn-chương cần sảy một đôi nhà,
Ai về đất Quảng ta xin nhắn,
Bình-Thuận xứ này mới trải qua.

Tình-hình Bình-Thuận nắm được ! Nhưng chương trình hoạt-động dở-dang ! Mà nhục mất nước hối thúc lòng những kẻ-sĩ quyết hy-sinh cho thế-hệ mai sau. Các cụ tức tốc mở cuộc luận bàn. Chương-trình thay đổi : Cụ Phan đau ở lại. Các cụ Trần-Quí-Cáp, Huỳnh-Thúc-Kháng sau đôi ba hôm đi tìm hiểu, đi kết thân, từ giã bạn, theo ghe bầu trở về xứ Quảng...

Ở lại, cụ Phan đã làm gì ?

— Thu nạp kẻ đồng thanh đồng khí : cụ Hồ-Tá-Bang là « người Bá Nha » mà « người trai Tử-Kỳ xứ Quảng » đã gặp và kết thân tại cái chốn « gió biển, cá tươi, mắm mùi nước mắm ».

— Lập một « thơ xã » mệnh danh là nhà giảng sách tại đình Phú-tài (3) để giảng những sách báo của Hồ-Thích, Lương-Khải-Siêu... nhằm việc phổ-biến những tư-tưởng mới về dân chủ tự-cường. Cụ là diễn-giả chính. Số người đến nghe chưa được bao lăm. Tuy vậy, những cuộc nói chuyện thường hào-hứng, vì cụ giảng rõ-ràng, dễ hiểu, làm chuyển được lòng người nghe.

— Chủ xướng hội « Thanh niên thể dục » lấy tên là « Dục Thanh » mà người đứng lập là ông Nguyễn-Trọng-Lợi cốt để dạy học theo tinh-thần mới. Trường mở tại nhà cụ Nguyễn-Thông (tức hiện nay ở Bến Trưng-Nhị — Phan-thiết).

Ông Lương-Thúc-Kỳ (cha vợ ông Phan-Khôi) đứng làm giáo-viên. Ông chỉ dạy được chừng một tuần thì có « lệnh ngoài » đánh vào bắt một lần với ông Trương-Gia-Hội, con của nhà chí-sĩ cách-mạng Trương-Gia Mô. Trường Dục-Thanh do đó cũng bị đóng cửa.

---

(2) của cụ Tây Hồ trong Giai nhân kỳ ngộ.

(3) Đình Phú-Tài đã dỡ rồi, hiện nay cất tại sở Phú-Trinh.

— Chủ-xướng vấn-đề tổ-chức những hội kinh tài cốt lấy huê lợi nuôi học-sinh, mà năm 1906,, hội Liên-Thành, một công ty thương mại (cá, nước mắm...), cũng do ông Nguyễn-Trọng-Lợi (người đầu tiên đứng ra khuếch trương thương nghiệp tại Bình-Thuận) thành lập, ra đời. Công ty Liên Thành là một công ty lớn nhất và được lập trước tiên ở nước nhà. (4)

Đến Bình-Thuận vào nửa tháng năm.

Trở ra Quảng vào giữa tháng chín.

Gần 4 tháng tại Bình - Thuận, đau mà hoạt động, Cụ là kẻ đầu tiên gieo rắc tư tưởng dân chủ, ánh sáng duy-tân tự cường, mà cũng là người nêu gương quả cảm, không sợ uy quyền, tại cái nơi phần đất cực nam Trung phần nầy.

« Vịnh con muỗi » Cụ đã tỏ rõ, tại Phan Thiết, cái ý chí gan góc ấy :

Mình thì ngắn ngắn cẳng thì dài,
Nhỏ nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai,
Ít sức biết đâu mang đặng núi,
To gan có lúc cắn càn voi.
Xua tanh lũ kiến tuồng vô dụng,
Gẩy một bầy ong dạng bất tài.
Minh bạch gẫm ra, thua nghĩ hết,
Cắn người rồi lại nói bên tai ! (5)

Nhờ cụ chủ-xướng, khuyến-khích giáo-dục, công, thương, hội mà phong-trào truyền bá canh tân, mở-mang thương nghiệp, chấn hưng công nghệ đã được *khởi phát và thực-hiện tại Bình-Thuận sớm hơn ở Bắc phần và Nam phần (4).*

* * *

Hôm nay, ngày giỗ của cụ, kẻ viết bài nầy đã bằng ôm ấp cái hoài bão tìm tòi viết lách về cuộc Nam du của các chí sĩ đất Ngũ Hành-sơn, dù chưa được toại nguyện, nhưng nóng lòng công bố vào ngày lịch sử cụ lìa trần, xin viết mấy điều chưa ai viết để gọi là tỏ tấm lòng thành kính nhớ ơn kẻ anh hùng « thủ xướng cộng hòa » đã hiến trọn đời mình cho lý tưởng, cho Tổ quốc, cho dân tộc.

Trước khi chấm dứt, cũng xin có lời cám ơn cụ bà Lương-Thúc-Kỳ đã niềm nở giúp cho những tài liệu quí giá trên.

CHÂU-HẢI-KỲ

---

(4) Theo ông Nguyễn-Hiến-Lê, trong cuốn Đông-Kinh Nghĩa-Thục thì « Do một nhà cách mạng khác, cụ Nguyễn-Hữu-Hoàn, phong trào lan vào Bình Thuận. Cụ quê ở Hà-tĩnh, vì dự vào việc xin giảm sưu ở Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, sau một cuộc đàn áp, năm 1909 — 1910 cụ phải bỏ nhà vào ẩn náu ở làng Tam-Tân, huyện Hàm Tân (Bình-Thuận) mở một lớp dạy học theo tinh thần Đông -Kinh. Nghĩa-thục, nhờ vậy dân chúng miền đó cũng duy tân một phần nào . Tại tỉnh lỵ Bình Thuận hình như cũng có một lớp do một cụ Tú điều-khiển... (trang 109).

Nhưng theo sự tham hỏi của chúng tôi thì việc gây cơ-sở cho nền học mới và chấn-hưng thương nghiệp được xúc-tiến trước Đ.K.N.T., ngay từ thời kỳ cụ Phan Tây-Hồ vào Bình-Thuận (1905), không phải đợi đến hồi cụ Nguyễn-Hữu-Hoàn vào phong-trào mới phát khởi.

Còn lớp học do một cụ Tú điều-khiển — như ông Nguyễn - Hiến - Lê nói — có lẽ là tư thục Dục Thanh và cụ Tú là cụ Lương-Thúc-Kỳ.

(5) Tài-liệu của Anh-Minh (Rạng-Đông số 31 ngày 26-3-1959)

---

* CÔNG TY SHELL VIỆT - NAM PHỤNG SỰ KINH TẾ VIỆT - NAM.

NHIỆM-VỤ CÔNG-DÂN

CỦA MỘT XÍ-NGHIỆP

Một xí-nghiệp tư-nhân thường nhằm hai mục-đích chính-yếu là một mặt lo thỏa-mãn nhu-cầu của khách hàng, và mặt khác thực-hiện được tài-chánh đủ để nuôi sống nhân-công và trang-trải tiền thuế vốn cho những chủ cổ-phần đã ứng ra.

Đành rằng thế, nhưng ngoài những hoạt-động thuộc phạm-vi nghề-nghiệp, một xí-nghiệp tư-nhân — cũng như mọi người dân sinh sống trong một nước — đều còn có nhiệm-vụ công-dân nữa, tức là phải góp phần vào những công-cuộc của đoàn-thể, của quốc-gia. Sự đóng góp tham-gia này đối với một xí-nghiệp thường không có tính-cách bắt buộc, đòi hỏi, mà là do lòng tự nguyện, tự giác, sau khi đã cảm-thông với quyền lợi chung của mọi người và nhận-thức rằng ai nấy muốn cùng được sung-sướng, điều cần nhất là phải làm sao cho quốc-gia được giầu mạnh. Vả chăng trong một nước phú cường, dân chúng được sống sung-túc, đồng tiền có mãi-lực cao, thị-trường của các xí-nghiệp mới nhờ đó mở rộng thêm được. Và như thế, trong khi làm nhiệm-vụ công-dân, một xí-nghiệp đã có quyền hy-vọng được hưởng phần kết-quả của công cuộc phát-triển chung.

Để thí-dụ, ta có thể nói đến một xí-nghiệp lớn như Công-Ty Shell Việt-Nam chẳng hạn. Trong năm 1960, mặc dầu các khoản thuế-vụ đóng vào Ngân-Khố Quốc-Gia đã tới 1.000 triệu bạc và mức lời cũng như mấy năm trước đã bị suy giảm nhiều vì sự kinh-doanh dầu hỏa nói chung trên thế-giới đang tạm thời gặp bước khó khăn do sự sản-xuất quá mức tiêu-thụ, xí-nghiệp này vẫn không ngừng thực-hiện chương-trình hợp-tác trong những công-cuộc cải-tiến xã-hội và chấn-hưng kinh-tế nước nhà, trên nhiều phương-diện đại-để như sau :

Khoa-Học — Hướng theo mục-đích đào-tạo Giáo-Sư Đại-Học của Chánh-phủ, Công-Ty Shell Việt-Nam đã cấp học bổng tu-nghiệp về Địa-Chất-Học tại Luân-Đôn, cho một Giảng-nghiệm-viên Khoa-học Đại-học-đường Sai-gon.

Để khuyến-khích thanh thiếu-niên trong ngành Khoa-học — một môn học then-chốt cho sự tiến-triển của một nước trong thời đại này — Công-Ty đã gửi tặng những phần thưởng sách vở cuối mỗi niên-khóa cho các Trường Trung-Học trong toàn quốc.

Kỹ-Thuật — Nhằm việc tăng cường số Chuyên-viên Kỹ-Thuật nước nhà, hàng năm Shell cấp nhiều học bổng cho những sinh-viên ưu-tú của Trung-Tâm Kỹ-Thuật Phú-Thọ, do các Ban Giám-Đốc Trường Kỹ-Sư Điện, Công-nghệ và Công-chánh tuyển lựa.

Nông-Nghiệp — Trong giai-đoạn hiện tại Nông-nghiệp vẫn là huyết-mạch của nền kinh-tế quốc-gia, Công-Ty đã hết sức cộng-tác với Chánh-quyền và các Đoàn-thể bằng cách giúp tài-liệu, phim ảnh cho các Trường Canh-Nông, Ty Sở chuyên-trách, Tham-gia Triển-lãm chăn nuôi Tân-Sơn-Nhứt, Đại-hội Thanh Thiếu Nông Vũng-Tàu và An-Giang cũng tặng nhiều giải-thưởng và hợp tác ấn-hành về Bảo-vệ gia-súc để phổ-biến trong nông-giới.

Trật-Tự An-Ninh — Để góp phần gìn-giữ trật-tự giao-thông và nhất là để bảo-vệ sinh-mạng cho những người sử-dụng công-lộ, Shell đã phối-hợp với Nha Giám-Đốc Cảnh-Sát Đô-Thành và Cảnh-Sát Cuộc Công-lộ trong việc soạn-thảo và ấn-hành cuốn « Luật-lệ đi đường » để phát cho những người lái xe, học-sinh, v.v...

Vài điều dẫn-chứng sơ-lược trên đây đủ cho ta hình-dung được phần nào sự tham-gia phát-triển cộng-đồng của một xí-nghiệp tư-nhân đã sốt-sắng cộng-tác với Chánh-quyền và các tầng lớp xã-hội trong việc chấn-hưng kinh-tế, tăng cường Khoa-học và Kỹ-thuật nước nhà.

Đà tiến-hóa của quốc-gia chắc-chắn còn mạnh mẽ hơn nhiều, một khi tất cả mọi xí-nghiệp tư-nhân đều có những ý-thức và hành-động tương tự. Phải chăng những kinh-nghiệm tại các nước mau tiến-bộ đều đã chứng-minh như vậy.

VIỄN-KÍNH

XIN ĐÓN XEM :

VẦN THƠ CỔ - KÍNH

MỘT TẬP THƠ TOÀN NHỮNG BÀI ĐƯỜNG THI

CHỌN LỌC CỦA PHẠM - ĐÌNH - BÁCH.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Chúng tôi đã nhận được :

Tâm sự Mạc-Thiên-Tích (B N.) — Nhà ga tối (Việt-Hy) — Dựng một mùa xuân ; Ngăn một mùa xuân ; Nguyễn-hải - Thần (Nguyễn - phan-An) — Xuân ; Mơ - xuân (Thanh-Vân) — Những tình yêu còn lại ; Sáng my (Băng-Cơ) — Sợ thời gian đi ; Nghe tủi niềm xuân (Thanh-Vân) — Chữa quên ; Nhớ ai (H.L. N.) — Hình ảnh ; Theo thời gian ; Buổi sáng ; Trong nắng (Phiên-Phiên) — Nét gầy (Bùi-Toàn-Quân) — Bến hiên (Cat-Vũ) — Khái niệm về lịch sử khoa học (Quang-Nguyên) — Lồn hoang — Lúc 19 giờ (Vũ-Vượng) — Đồ đèo (Kim) — Đám tang ; Không buồn vì ai (Cao-việt-Tân) — Tin người lấy chồng — Biến học — Loạn tâm trí (Lữ-Quỳnh) — Mối Sầu cổ thu (Hà li-Hải) — Về một con đường (Hoàn-Khan) — Tuổi trẻ (Trần - Đại) — Giã từ ; Sắc nắng (Thy-Đan-Cầm) — Ngôi trường quê (Võ-Hồng) — Bệnh thần - kinh (H P.Q.) — Hận trùng dương (Mương-Sơn) — Lòng người ra đi (Trần-Hà-Trung) — Vào-xuân ; Hôn em (Trần-Hữu - Hàm). Những trang thư tình xưa (Huỳnh-thanh-Tong) Vọng cố nhân ; Chiều đông ; Lữ Hoài (Nguyễn-Hữu-Tri) Chắn nẻo Xuân về ; Quê Chiều ; Hỡi thi sĩ ; Núi chiều ; Đàn lòng. (Minh-Hoàng và Trúc-Sinh.) Thơ điên, Đưa ra 10 ngón tay, (Huyền - lan-hương) — Bắt đầu (Mạc-phong-Thanh) — Vòng đại lộ (Tuyền - Linh) — Níu với ; Chủ nhật. Độ chành ; Mỏi (Tố-Ngọc) — Tay chúng em ; ngõ lội ; tiếng kêu sầu (Hoài-lệ-Tử) — Bài chiều ; Bài Tử-ly ; Ngoại ô ; Ngón phiêu di ; Ngón buồn ; (Cao - Hữu) — Nếu anh là trời ; Chiều mưa xưa ; Đợi em ; Mong đợi anh về ; Rạo rực (Mai-Trần-Nguyễn) — Kim-tinh hội ngộ (Võ-Quang-Yến) — Lộng gió ; Giã biệt (Duy - Hồ) — Đám tang ; Không buồn vì ai (Cao-Việt-Tân) — Đồ đèo (Kim) Biển (Mai-Chiêu) — Paris ơi (Thế-Phong) — Giã từ (Ly-Linh) Và sau buổi tối (Mặc - Lam) — Danilo Dolci (Nguyễn - Thái) — Quen nhau ; Chia tay ; Triết - gia Sartre với quan - niệm yêu-đương (Nguyễn-xuân-Hoa) — Đứa con Út ; Bữa tiệc cuối cùng (Thạch-Hà) — Vĩnh-Phước (Nguyễn-Đức).

*

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách - Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

Một cuốn sách cần ích đánh dùng để phát phần thưởng cho học-sinh.

VIỆT-NAM DANH-NHÂN TỰ-ĐIỂN

(Do Hội Văn-hóa Bình-dân phát-hành)

Muốn có loại sách đặc-biệt, xin biên thư cho :

NGUYỄN-HUYỀH-ANH

453/56, Phan-đình-Phùng SAIGON

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

— **SYNTAX, Parsing and analysis** (Cú pháp, phân tích tự loại và mệnh đề, phần bổ túc cho cuốn văn phạm Anh văn toàn bộ) của giáo sư Lê-Bá-Kông, do tác giả gửi tặng. Sách dày 192 trang, giá 42đ

— **Hóa học** (Đệ nhất A, B, C) của Lê-Minh-Châu và Phan-Hữu-Niệm, Thế-Sự xuất bản, Yên-Sơn phát hành. Sách dày 242 trang giá 68đ.

— **Tính Hóa học** (Đệ nhất A,B) của Phạm-mạnh-Viện, do Yên-Sơn xuất bản và phát hành, Sách dày 146 trang giá 40đ

— Tập san **AN - NINH** số 9 (Đặc biệt xuân Tân Sửu) Liên lạc gia đình cựu chủng sinh địa phận Huế.

— **Giảng Văn** lớp đệ Tứ của Xuân-Tước và Thầm-Thệ-Hà, do tác giả gửi tặng. Sách dày 357 trang giá 65đ

— **Lời hằng sống** của A. Tuyên, C.Ss.R, do tác gia gửi tặng. Sách dày 174 trang giá 12đ

— **Thế chiến nhân dân** (People's stratégy) của Huỳnh-văn-Cao, sách dày 82 trang giá 70đ do tác giả gửi tặng.

— **Tình thơ** thú phẩm của Trần-Đăng-Bình, bản đặc biệt do tác giả giử tặng.

★

Xin trân trọng cảm ơn tác-giả và ân cần giới - thiệu với độc-giả thân mến.

B K.

SÁCH GIÁO - KHOA

CÓ GIÁ - TRỊ ĐÃ XUẤT - BẢN :

1. PHƯƠNG-PHÁP LÀM VĂN NGHỊ-LUẬN (Trung-học đệ-Nhất và đệ-Nhị Cấp) *Của Thầm-Thệ-Hà*
2. GIẢNG VĂN ĐỆ-THẤT *Của Thầm-Thệ-Hà*
3. GIẢNG VĂN ĐỆ-LỤC *Của Thầm-Thệ-Hà*
4. GIANG VĂN ĐỆ-NGŨ *Của Xuân-Tước và Thầm-Thệ-Hà*
5. GIẢNG VĂN ĐỆ-TỨ *Của Xuân-Tước và Thầm-Thệ-Hà*
6. CHÁNH-TẢ VĂN-PHẠM (đệ-Thất và đệ-Lục) *Của Thầm-Thệ-Hà*

Nhà Xuất-Bản SỐNG-MỚI, *30b, Phạm-Ngũ-Lão, SAIGON*

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

TAC-PHẨM KHAI-BÚT NĂM TÂN-SỬU

NÀNG ÁI CO' TRONG CHẬU ÚP

Một câu chuyện lịch-sử kỳ-bí
Một câu chuyện văn-chương tao-nhã
Một câu chuyện diễm-tình cao-thượng
bị mai-một hơn hai thế-kỷ, nay mới được phô bày
theo dòng mực lưu-loát DƯỚI MÁI TRĂNG NON

Của **MỘNG-TUYẾT** *Thất Tiều-Muội*

Một tác-phẩm dự-bị xây-dựng từ hơn 20 năm, phải chờ khai-thác đầy đủ sử-liệu mới khởi-thảo để :

ĐIỂM SINH SẮC CHO LỊCH-SỬ TƯƠI MÀU
TRUYỀN LINH ĐỘNG CHO CỔ NHÂN SỐNG LẠI

NÀNG ÁI CO' TRONG CHẬU ÚP

Là cuốn lịch-sử ký-sự đem lại cho bạn :
một chuyện-tích lý-thú say mê

Là cuốn giai-thoại văn-chương đem lại cho bạn :
một phong-khí tao-nhân mặc-khách

Là cuốn tình-sử diễm-tuyệt đem lại cho bạn
một nỗi-niềm bâng-khuâng thương cảm.

XUẤT BẢN BỒN-PHƯƠNG IN TOÀN GIẤY ĐẸP

YIỄM-YIỄM thư-trang, *113-115 Nguyễn-Thái-Học, phát-hành*

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIỀN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MAY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

CÔNG-TY ĐƯỜNG
VIỆT-NAM

Công-ty Đường Việt-Nam là một ngành hoạt-động tối quan-trọng cho nước nhà.

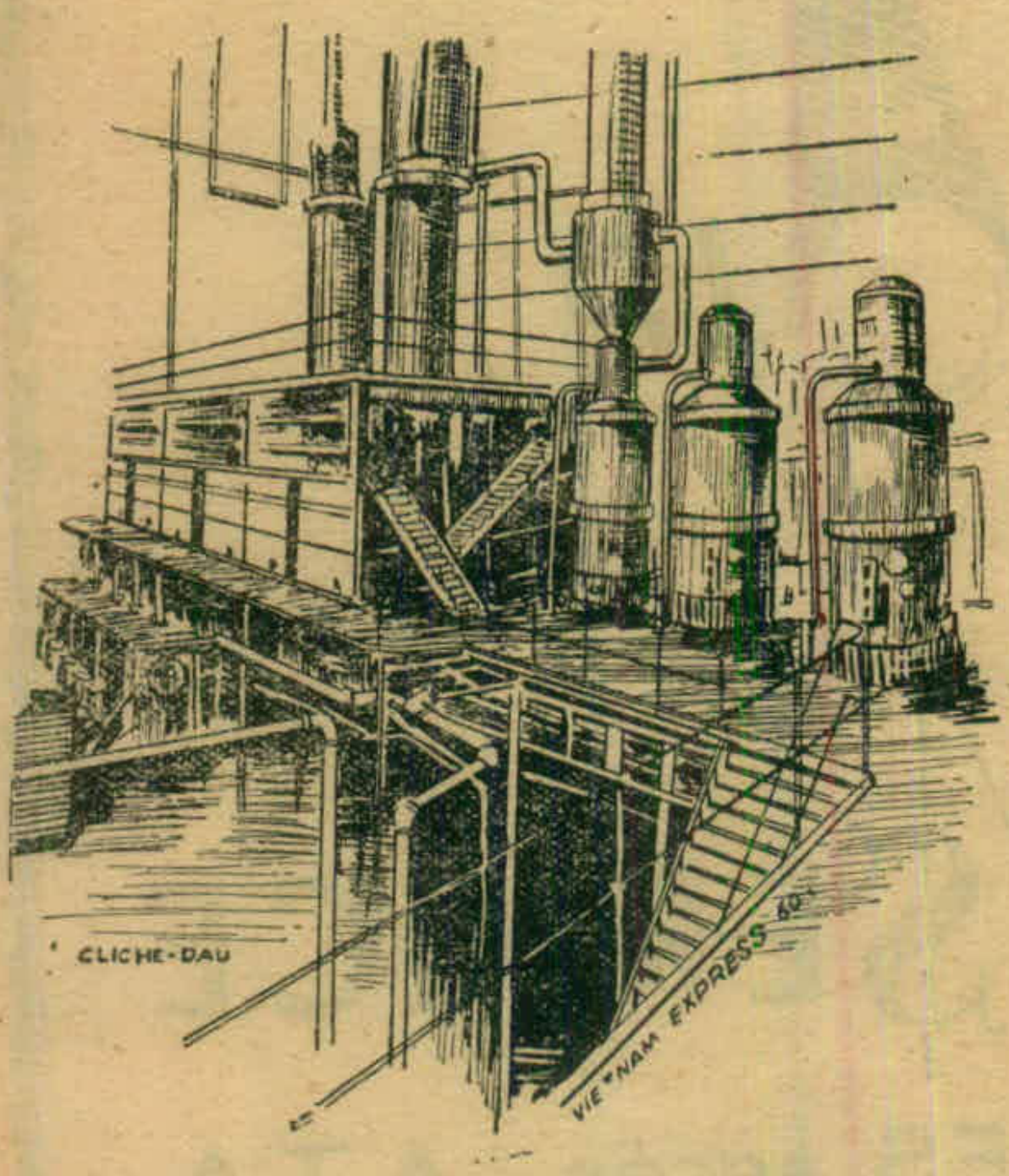

Dưới quyền điều-khiển của các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam, Công-Ty Đường Việt-Nam nỗ-lực kiến-thiết để góp phần độc-lập kinh-tế.

Với nhà máy lớn tại Hiệp-Hòa và trên bốn ngàn mẫu tây mía trồng trong năm 1959-60, Công-ty có thể sản-xuất mỗi năm lối 15 ngàn tấn đường đủ loại và tiết-kiệm được bốn triệu mỹ-kim hàng năm.

Kỹ-nghệ này cũng như các kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ-gìn dụng-cụ.

HÃNG DẦU STANVAC
góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS – MOBILOIL – MOBILDIESEL, v.v.

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

AIR SERVICE

DENIS FRERES agrée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

LA-VE "33"

HẢO HẠNG

COTAB

Cigarelles

VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VAN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn:
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Dây nói : 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$